

THÔNG TIN NGHIÊN CỨU BẢO TỒN DI SẢN

Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An

Chi hội khoa học lịch sử Hội An

Chi hội văn nghệ dân gian Hội An

Chỉ đạo nội dung

Phạm Phú Ngọc

*Giám đốc Trung tâm Quản lý
Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*

Chịu trách nhiệm nội dung

Trần Văn An

*Phó Giám đốc Trung tâm Quản lý
Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*

Ban biên soạn

Trần Văn An

Nguyễn Chí Trung

Nguyễn Văn Lan

Phùng Tấn Đông

Võ Hồng Việt

Phạm Phước Tịnh

Trình bày

Võ Hồng Việt

Thiết kế bìa

Trần Thanh Hoàng Phúc

Tập 02 (50) - 2020

✿ Trao đổi chuyên môn nghiệp vụ

- Tín ngưỡng thờ cúng cá Ông từ góc nhìn sinh thái, biểu trưng văn hóa, ý nghĩa nhân văn và bảo tồn - ThS. Nguyễn Chí Trung 2
- Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông (cá Voi) từ góc nhìn di sản văn hóa biển - TS. Nguyễn Thị Thu Trang 7
- Các di tích liên quan đến tục thờ cúng cá Ông ở Hội An - CN. Nguyễn Cường 18
- Tổng quan về kiến trúc các di tích thờ cúng cá Ông ở Hội An - KTS. Trần Thanh Hoàng Phúc 23
- Đề tài, chi tiết trang trí tại các di tích thờ cúng cá Ông ở Hội An - CN. Trần Phương 28
- Văn bản Hán Nôm về tục thờ cúng cá Ông ở Hội An - CN. Lê Thị Lưu 35
- Về nghi lễ cúng Cầu Ngư ở Hội An - CN. Tổng Quốc Hưng 40
- Khảo thêm về diễn xướng Bả trạo - ThS. Phùng Tấn Đông 43
- Tín ngưỡng thờ cá Ông trong đời sống văn hóa của ngư dân Hội An - CN. Trương Hoàng Vinh 47
- Ảnh hưởng của tín ngưỡng thờ cúng cá Ông đối với cộng đồng dân cư ở Hội An - CN. Nguyễn Văn Thịnh 52
- Văn nghệ dân gian liên quan đến tục thờ cúng cá Ông ở Hội An - ThS. Thái Thị Liễu Chi 56
- Cá Ông trong đời sống văn hóa dân gian của cư dân Cù Lao Chàm - CN. Võ Hồng Việt 61
- Một số truyện kể về cá Ông ở Hội An - CN. Nguyễn Đức Minh 67
- Kể chuyện về cá Ông - Trần Xuân Mẫn 72

✿ Thông tin tư liệu

- Thông tin về cá Ông và tục thờ cúng cá Ông qua một số tư liệu lịch sử - ThS. Phạm Phước Tịnh 75
- Tục thờ cúng cá Ông trong tài liệu nghiên cứu về làng cá Cẩm An năm 1962 - Tổ Lưu trữ - Thông tin 80

✿ Tin tức - Sự kiện

✿ Văn bản pháp quy

✿ Di sản đó đây

TRUNG TÂM QUẢN LÝ BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA HỘI AN

Địa chỉ: 10B - Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 0235.3864625 - 0235.3862946 - 0235.3862367

* Email: ttqlbtdt@gmail.com * Website: hoianheritage.net

TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG CÁ VOI TỪ GÓC NHÌN SINH THÁI, BIỂU TRƯNG VĂN HÓA, Ý NGHĨA NHÂN VĂN VÀ BẢO TỒN

ThS.Nguyễn Chí Trung

Cá Voi, trong dân gian vùng ven biển Việt Nam từ Bắc Trung bộ đến Nam bộ hầu hết đều quen gọi là cá Ông¹, ở đây với sự thể hiện lòng thành kính, tri ân, thân thuộc. Tín ngưỡng thờ cúng cá Voi (*cá Ông*) cũng là nét văn hóa đặc trưng của cư dân sinh sống gần với biển, ở ven biển, một dạng thức thờ vật linh, vị thần hộ mạng, từ chỗ được nhân cách hóa đã được “thần thánh hóa” rồi “linh thiêng hóa” thành tín ngưỡng với nhiều hình thức, nghi thức, cách thức, lễ hội độc đáo. Hơn nữa, cá Voi với những đặc tính sinh thái của nó, không chỉ ngư dân ven biển Việt Nam tín ngưỡng mà được nhiều cộng đồng dân cư trên thế giới tín ngưỡng, với nhiều ý nghĩa biểu trưng văn hóa độc đáo từ ngàn xưa. Ở Việt Nam, tín ngưỡng thờ cúng cá Voi còn mang nhiều ý nghĩa nhân văn sâu sắc, cần được bảo tồn cho mục tiêu phát triển kinh tế văn hóa bền vững.

Từ góc nhìn sinh thái: Cá Voi có tên tiếng anh là Whale và tên gọi khoa

học của chúng là Cetacea. Hiện nay trên trái đất, người ta đã tìm thấy khoảng 90 loài cá Voi với kích thước và môi trường sống khác nhau, chúng được xếp vào dòng động vật có vú, nhưng do sống trong môi trường nước nên vẫn được gọi là cá. Theo nghiên cứu của các nhà cổ sinh - động vật học thì cá Voi là sự tiến hóa từ những loài động vật ăn thịt, có vú và sống ở trên cạn. Chúng đã bị tuyệt chủng từ khoảng 48 triệu năm về trước. Sau những lần biến đổi về địa chất chúng dần tiến hóa và chuyển xuống sống ở bên trong môi trường nước cách đây khoảng 5 - 10 triệu năm và chia thành 2 loại chính là cá Voi tấm sừng (*Mysticeti* - gồm cá Voi Xanh, cá Voi lưng gù, cá Voi lưng xám, cá Voi đầu cong...) và cá Voi có răng (*Odontoceti* - dòng này bao gồm cá nhà táng, cá Voi trắng và các loài cá heo). Đặc điểm chung của loài cá này là có thân hình tròn, phần đầu không linh hoạt, hai bên hông có phần vây được gọi là chân chèo, vây và đuôi rất lớn, cá Voi không có vành tai. Đầu của cá Voi tương đối phẳng và hộp sọ khá nhỏ, với chiếc mõm có cấu tạo thuận dài. Phần cấu tạo não của cá Voi có tế bào thần kinh trực chính gần giống với của con người. Đôi mắt của cá Voi khá bé so với cơ thể của nó được đặt 2 bên của hộp sọ cùng phần mõm nhọn, khiến cho thị giác của chúng

¹ Trên thực tế, tùy vào kích thước, đặc điểm khác nhau của cá Ông mà cư dân ven biển Hội An - Quảng Nam có những cách gọi khác nhau: cá Ông (*cá voi lớn*), cá Cậu (*cá Voi nhỏ*), cá Cô (*cá Voi cái*), ông Chuông (*đầu tròn*), ông Hồ (*đầu giống cá hổ*), Ông Bèo (*giống cá bèo*), Ông Kiềm (*giống cá kiềm*), ông Bành (*minh tròn*), ông Dựng (*minh dài*), ông Khơi (*ở ngoài khơi*), ông Lộng (*ở gần bờ*)...

được tốt hơn, đặc biệt chúng có thể quan sát rất rõ những chuyển động từ 2 phía. Tuy nhiên thị giác của cá Voi tương đối kém so với các loài cá khác nhưng bù lại thính giác của chúng lại vô cùng tốt. Do sống ở dưới nước nên phần tai ngoài của cá Voi đã bị tiêu biến và chỉ còn lại một lỗ nhỏ, bù lại phần tai trong lại phát triển vô cùng nhạy bén. Chúng có thể giúp cá Voi nghe, cảm nhận từ những tần số âm thanh vô cùng nhỏ dù ở cách xa hàng chục dặm, và định vị được vị trí, khoảng cách, đồng thời còn sử dụng để liên lạc bầy đàn của chúng, với những đặc điểm này giúp cá Voi có thể săn mồi dễ dàng và chính xác. Cá Voi có kích thước cơ thể tương đối lớn, mà không phụ thuộc vào giống nòi của chúng. Có loài khi trưởng thành cân nặng chỉ khoảng 76kg, nhưng cũng có loài nặng đến 200 tấn, chiều dài cơ thể của chúng cũng dao động từ 1,7 đến 21m. Tuổi thọ của cá Voi tương đối cao, dao động trong khoảng 30 - 70 tuổi (*cá Voi xanh có thể từ 80 - 110 tuổi*). Khi cá thể cá Voi chết trong tự nhiên trên cạn, cơ thể của chúng sẽ phình to ra và có thể phát nổ. Là loài động vật có vú nên cá Voi cũng có hệ hô hấp giống như các loài động vật ở trên cạn. Nó lấy oxi bằng cách bơi lên gần mặt nước để nhả khí cacbonic và hít khí oxi trong không khí. Khi chúng nhảy xuống nước, phần mũi của chúng sẽ khép lại chỉ đến khi chúng nổi lên lấy oxi phần lỗ mũi này mới được mở ra và phun nước lên. Đây là đặc điểm cơ bản để phân biệt cá Voi với các loài cá

khác. Về thức ăn, cá Voi có răng có thể ăn các loại cá lớn, mực và các loại động vật trên biển. Cá Voi tắm sừng hàm, ăn những loài động vật nhỏ như cá trích, cá mòi, cá vược và các loại động vật nhỏ dưới đáy biển như tôm, cua, nhuyễn thể - sinh vật phù du. Trung bình mỗi con cá Voi có thể tiêu thụ hơn 200kg thức ăn. Cá Voi là một loài cá có hình thức sinh sản tương đối đặc biệt, cá cái từ 5 - 15 tuổi là có thể sinh sản. Quá trình cá đực và cá cái bắt đầu giao phối được thực hiện trong suốt mùa đông và mang thai kéo dài 10 - 12 tháng. Chúng đẻ con và nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ trong khoảng 6 tháng tuổi thì mới cai sữa.

Qua nghiên cứu, các nhà khoa học cho rằng, cá Voi là một loại cá lớn, thông minh, phản xạ nhanh, nhạy bén, giàu tình cảm và khả năng phán đoán, hành động của chúng đều rất cao và chính xác. Chúng có thể cảm nhận được cảm xúc của con người để cùng chia sẻ. Chúng có thể phân biệt đâu là con mồi chúng tấn công, đâu là con người không nên tấn công, vì vậy chúng không làm hại con người và tàu thuyền trên biển. Cũng



Bài vị cá Ông ở lăng Ông Ngự- Cù Lao Chàm, ảnh: Hồng Việt

chính vì vậy, cá Voi được con người nuôi, huấn luyện chúng thực hiện theo sự hướng dẫn của con người. Thậm chí có con bắt chước được giọng nói rất tốt.

Ý nghĩa - Biểu trưng văn hóa:

Tìm hiểu tri thức dân gian về biển cho biết con người qua trải nghiệm, kiểm nghiệm thực tiễn đã biết đến những đặc tính của cá Voi nói chung từ rất sớm và đã đặt nó với nhiều ý nghĩa biểu trưng, tín ngưỡng đặc biệt. Ý nghĩa biểu trưng của cá voi phát xuất, vừa từ “*Cửa Miệng của bóng tối*”, vừa từ con cá. Ở Ấn Độ, thần Vishnu đã hóa thân thành cá dẫn hướng con tàu cứu sinh trong trận hồng thủy. Trong huyền thoại về nhà tiên tri Jonas, bản thân cá Voi là con tàu cứu sinh ấy; Jonas lọt vào bụng cá Voi, tức là bước vào một thời kỳ tối tăm quá độ giữa hai trạng thái hoặc hai phương thức tồn tại (*Guénon*). Jonas ở trong bụng cá Voi, đó là cái chết thụ pháp, Jonas ra khỏi bụng cá, đây là sự phục sinh, sự ra đời lần thứ hai. Như truyền thuyết đạo Hồi đã cho thấy rất rõ chữ NUN, chữ cái thứ hai mươi chín trong bảng chữ cái Arập, cũng có nghĩa là cá, đặc biệt cá Voi. Trong học thuyết Kabbale, ý niệm về sự ra đời lần thứ hai, theo nghĩa tinh thần, gắn bó với chữ Nun này. Bản thân hình dạng của chữ cái này tượng trưng con tàu cứu sinh bồng bềnh trên mặt nước. Cá Voi cũng xuất hiện trong kinh Coran với ngụ ngôn về việc Moise mang theo mình một con cá đi du hành. Moise đã tìm đến được chỗ hợp lưu hai biển. Ở nơi hai biển giao hòa, ở điểm thống nhất những mâu thuẫn, con cá thoát khỏi tay Moise và trở về với môi trường của mình, để tái sinh cho cuộc sống mới. Theo truyền thuyết đạo Hồi: Trái đất khi

mới được tạo ra, thì nổi lềnh bềnh trên nước. Thượng Đế đã phái một thiên thần xuống vác nó lên vai. Để thiên thần có chỗ đặt chân, Thượng Đế tạo ra một hòn núi đá xanh, đặt trên lưng và sừng một con bò đực có bốn mươi ngàn đầu và chân thì lại đặt trên một cá Voi khổng lồ. Con cá Voi này vĩ đại đến nỗi nếu tập hợp tất cả nước biển vào một lỗ mũi của nó, thì tất cả cũng chỉ như một hạt cải đen trên đất hoang mạc. Như vậy (*theo truyền thuyết của đạo Hồi*), trái đất nằm trên vai thiên thần, thiên thần đứng trên hòn núi đá, hòn núi đá đặt trên con bò đực, bò đực đứng trên cá Voi, cá Voi nằm trên nước, nước trên không khí và không khí trên bóng tối, và toàn bộ cấu trúc ấy phụ thuộc vào những cử động của cá Voi. Những cuộc động đất là do mỗi khi cá Voi bị quỷ thần cám dỗ đã cự mình làm hất tung những thứ nó khiêng vác. Thượng Đế đã chế ngự bằng cách cử ngay tức khắc một con vật nhỏ chui qua lỗ mũi cá Voi, lọt vào tận óc của nó. Con cá khổng lồ rên xiết, van xin. Thượng Đế bảo con vật nhỏ đó đi ra, nhưng vẫn luôn túc trực ở bên cạnh đe dọa xâm nhập lại mỗi khi cá voi cử động. Cá Voi cũng đóng vai trò con vật dẫn hồn trong các nền văn hóa của thổ dân bờ biển Tây Canada, đặc biệt những mặt nạ nổi tiếng, có nhiều ngăn và di động, thể hiện mặt người ở bên trong một con cá Voi hay một con quái vật nào khác có cái miệng há ra, ngậm vào, hoặc Huyền thoại vùng Nam đảo - Á Châu về thần dạt vào từ biển tồn tại ở Nhật Bản...². Ở Việt Nam, từ các truyền thuyết, tư liệu lịch sử có thể khẳng định

² Dẫn theo Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới (2002), Nxb Đà Nẵng, Tr.121-122.

tín ngưỡng thờ cá Voi cũng được hình thành rất sớm. Về truyền thuyết, từ thời cư dân Chăm, tín ngưỡng về thờ cá Voi đã gắn với câu chuyện liên quan đến vị thần Pô Riak có tên là Cha-Aih-va thường biến thành cá Voi để cứu nạn trên biển. Hay theo truyền thuyết của cư dân Việt ven biển miền Trung - cá Voi (*Ông*) vốn là hóa thân của những mảnh áo cà sa của Phật Bà Quan Âm xuống biển để cứu vớt những sinh linh bị chìm đắm, cứu nạn những người trên biển. Nhưng phổ biến nhất là từ cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII, đặc biệt sử gia triều Nguyễn khi viết về quãng đời bốn ba của vua Gia Long nhắc đến câu chuyện ông được cá Voi cứu sống trong một lần thuyền sắp bị đắm. Vì thế từ khi lên ngôi, vua Gia Long đến các vua triều Nguyễn sau này đều phong cá Voi/*Ông* tước hiệu/danh thần. Lúc ông Sanh - ở biển, là thần hộ mạng, được suy tôn là “*Đông Hải Ngọc Lân thần*”; lúc ông Tử (*chết*), đã hóa thân, được thờ phụng suy tôn là “*Nam Hải Ngọc Lân thần*”, đồng thời truyền dụ các làng chài lập lăng, dựng miếu thờ phụng. Khi cá Ông lụy (*cá Voi chết*) dạt vào bờ còn cấp tiền - “tuất” cho dân địa phương lo tang ma chu đáo, gồm các bước như người. Người đầu tiên gặp cá Ông chết, nghĩa là được Ông tín nhiệm, thì sẽ vinh hưởng làm trưởng nam, bịt khăn đỏ, để tang 100 ngày. Ngoài ra, còn cấp hương đèn; vải đỏ; cấp cho đất để chôn; có lăng để thờ. Hầu hết các làng - vạ ở vùng ven biển miền Trung - Việt Nam đều có lăng - miếu để thờ cá Ông gắn với nhiều lễ hội, sinh hoạt văn hóa dân gian, tập tục phong phú.

Điểm qua một số nơi, đạo phái trên thế giới và Việt Nam có thể nói, cá Voi

cũng như một số con vật khác như cá sấu, voi, rùa,... là biểu tượng vật đỡ thế giới, là thành viên của vũ trụ với nhiều truyền thuyết, ý nghĩa biểu trưng văn hóa, thực hành nghi lễ, tín ngưỡng độc đáo.

Ý nghĩa nhân văn: Có thể nói, tín ngưỡng thờ cúng cá Voi - loài cá voi tấm sừng ở Việt Nam (*đúng hơn là ở miền Trung và Nam Bộ*) là sản phẩm của quá trình thiêng hóa từ phương thức sinh tồn của cư dân ven biển và tư tưởng theo tinh thần Nho giáo - “thuận thiên” của triều đại phong kiến cuối cùng ở Việt Nam - triều Nguyễn. Có thể, tri thức dân gian và kể cả tầng lớp vua quan triều đình xưa kia cũng chỉ dựa vào biểu hiện thực tiễn về tính năng, đặc điểm của cá Voi (*loài cá voi tấm sừng*), qua trải nghiệm, được kiểm nghiệm của bao thế hệ mà đã thiêng hóa - thần thánh hóa loài cá này, với khả năng hộ mạng và chỉ dẫn nhiều cá cho ngư dân. Thực tế ngày nay, kiến thức khoa học cho biết: cá Voi là động vật có vú, nuôi con bằng sữa, thở bằng phổi, thân hình giống con cá. Vì thở bằng phổi nên cá Voi thường trôi lên mặt biển để hít thở. Thời gian sống trên tầng nước động của cá Voi tới gần 70%. Ngoài những đặc tính đã nói ở trên, cá Voi có những đặc tính bản năng khá riêng biệt, đáng lưu ý đó là: Một, để tránh sóng khi biển động, cá Voi thường tìm những vật nổi trên mặt biển để dựa/nép vào rồi cùng với vật đó bơi vào bờ, nơi ít sóng gió; Hai, cá Voi tuy lớn xác nhưng lại chuyên ăn những sinh vật nhỏ trôi nổi gần bờ, mà phải ăn nhiều mới no, do đó nơi nào cá Voi xuất hiện nơi ấy ắt nhiều cá. Ba, cá Voi có hệ thần kinh, hệ hô hấp và thính giác đặc biệt khác hẳn với tất cả các loài cá trên biển. Ngay cả việc tổ chức mai táng cho cá Ông, khi Ông lụy/chết trôi dạt vào bờ ngoài ý nghĩa rất lớn về tín ngưỡng, tính

nhân văn, còn liên quan đến việc xử lý môi trường, nếu không được đặt ra, giải quyết tích cực thì với trọng lượng, khối lượng to lớn của một con cá Ông, thậm chí có khả năng phát nổ, sau 3 ngày bị phân hủy sẽ là vấn nạn lớn về môi trường ở đây. Như vậy, là một loại cá “khổng lồ” trên biển, nhưng lại hiền hòa, không làm hại người, cùng với nhiều đặc tính bản năng riêng biệt, cá Voi vừa là người bạn thân thiết, gắn bó với ngư dân trên biển; đồng thời vừa là ân nhân, thần hộ mệnh, che chở cho ngư dân lúc ra khơi, cứu giúp họ khi gặp nguy nan trên biển và mang đến cho họ mùa cá bội thu. Chính vì thế, tín ngưỡng cá Ông thể hiện tính nhân văn sâu sắc, sự tôn kính, quý trọng, với truyền thống đạo hiếu “*ăn quả nhớ người trồng cây*”, thể hiện sự tri ân, khát vọng cuộc sống ấm no, thanh bình của cư dân ven biển, hơn nữa đó là cách sống hài hòa với môi trường thiên nhiên, biết đoàn kết chung tay bảo vệ môi trường, bảo vệ các sinh vật biển một cách tự nhiên, tự nguyện và hết sức đồng thuận trong cộng đồng, thể hiện thái độ nhân văn với môi trường thiên nhiên của ngư dân biển Việt Nam. Qua đó, làm cho cuộc sống của ngư dân thêm phần tự tin khi ra khơi bám biển, phát triển kinh tế gắn liền với bảo vệ chủ quyền vùng biển đảo thiêng liêng của tổ quốc.

Về góc độ bảo tồn - thay lời kết:

Trong thời đại ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ nhiều bí ẩn đã được giải mã, nhiều phương tiện kỹ thuật đã được hiện đại hóa, số hóa... tất cả đã có tác động mạnh mẽ đến mọi hoạt động đi lại, khai thác, đánh bắt trên biển, cả về nhận thức của ngư dân, nên cần phải nhận thấy rằng các yếu tố cơ bản cấu thành niềm tin, tín ngưỡng, “*thần thiêng hóa*” ban đầu của ngư dân đã giảm bớt, thậm chí không

còn. Mặt khác không gian thực hành nghi lễ tín ngưỡng như làng quê/làng chài ven biển, di tích lăng/miếu... đã bị phá vỡ hoặc không còn bởi tốc độ đô thị hóa, bởi các cơ sở hoạt động dịch vụ, du lịch ven biển. Nhưng chính những yếu tố giá trị văn hóa, nhân văn và môi trường đã đặt ra cho thế hệ chúng ta hôm nay nhiệm vụ khẩn thiết cần phải bảo tồn những giá trị văn hóa phi vật thể về biển nói chung, về tín ngưỡng thờ cúng cá Ông nói riêng. Trước hết cần tập trung “*tư liệu hóa*” bằng nhiều phương thức (*ghi chép, nghe, nhìn*) gắn với công nghệ số, thông qua nghiên cứu chuyên sâu, đầy đủ về tín ngưỡng và thực hành tín ngưỡng cá Ông của cư dân ven biển, đồng thời tiến hành kiểm kê, nhận diện, công nhận di tích (*giá trị vật thể, phi vật thể*) để có cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý bảo tồn di tích lâu dài theo luật Di sản văn hóa Việt Nam; Cần khẩn trương có quy hoạch chi tiết, tổng thể nhằm bảo vệ, phát huy những giá trị văn hóa vật thể/ phi vật thể của di tích và không gian tín ngưỡng thờ cúng cá Voi, gắn với đời sống và hoạt động văn hóa, kinh tế truyền thống của cư dân ven biển - hành nghề trên biển, với ý nghĩa như “*bảo tàng sống - bảo tàng nhân học - sinh thái*”; Chủ động tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức về ý nghĩa nhân văn, giá trị văn hóa truyền thống trong cộng đồng cư dân nhất là đối với lớp trẻ, chú ý phương thức qua chương trình “*giáo dục di sản học đường/trong trường học*”; Trong mục tiêu bảo tồn và phát triển bền vững, cần chú ý ưu tiên, kết hợp hài hòa giữa nhu cầu cuộc sống hiện đại của người dân, vừa thân thiện với môi trường, gắn mục tiêu bảo tồn với phát triển kinh tế văn hóa - du lịch đem lại lợi ích cho cộng đồng ♦

THỰC HÀNH TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG CÁ ÔNG (CÁ VOI) TỪ GÓC NHÌN DI SẢN VĂN HÓA BIỂN

TS. Nguyễn Thị Thu Trang

1. Khái quát lịch sử thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông ở Việt Nam

Từ các truyền thuyết, tư liệu lịch sử, có thể khẳng định tín ngưỡng thờ cá Ông được hình thành từ rất sớm, nhưng phổ biến nhất là từ cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII, đặc biệt đến thời nhà Nguyễn được suy tôn là Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân Thượng Đẳng Thần và truyền dụ các làng chài lập lăng, dựng miếu phụng thờ. Một trong những minh chứng về nguồn gốc tục thờ cá Ông của các cư dân ven biển là sự hiện hữu khá dày của hệ thống các di tích, lăng tẩm thờ cá Ông trải dài từ Thanh Hóa đến các tỉnh Nam Bộ. Cá voi từ chỗ được nhân cách hóa đã tiếp tục được thần thánh hóa rồi linh thiêng hóa để trở thành tín ngưỡng. Tiếp đó, tín ngưỡng thờ cá Ông lại được lịch sử hóa, có sức lan tỏa và phát triển mạnh mẽ ở các làng, vịnh ven biển từ Nam Trung Bộ đến Nam Bộ, hay như cách nói của nhà nghiên cứu Nguyễn Thanh Lợi, tín ngưỡng thờ cá Ông đã được *"thần quyền hóa để củng cố vương quyền"*.

Từ trong dân gian, hầu hết các làng, vịnh ven biển đều tồn tại những truyền thuyết về cá Ông giúp đỡ ngư dân gặp nạn, có những câu truyện mang tính thần thoại, nhưng có những câu truyện của chính những người đã từng được cá Ông cứu sống. Từ đó, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng tín ngưỡng này ra đời trước

hết là để đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân vùng biển trong quá trình khai thác nguồn lợi mà biển đem lại, đồng thời thể hiện lòng biết ơn đến vị thần hộ mệnh luôn che chở, giúp đỡ các ngư dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Tín ngưỡng thờ cá Ông cũng xuất phát từ nhu cầu của ngư dân, nhất là khi đời sống kinh tế của họ luôn phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, mà biển cả chính là nguồn sống của họ, trong khi đó, không phải lúc nào việc đánh bắt, khai thác thủy sản của ngư dân cũng được thuận lợi, có những lúc biển lặng, có những lúc biển động dữ dội, nhất là vào mùa mưa bão, mạng sống của ngư dân luôn gặp nguy hiểm. Những lúc như thế, người dân có niềm tin rằng sẽ có một vị thần nào đó giúp đỡ mình và cá Ông là vị thần thích hợp nhất. Từ đó, niềm tin về cá Ông dần dần phát triển thành tín ngưỡng thờ cá Ông qua các tục lệ, nghi thức dành riêng cho thần.

Từ các truyền thuyết, cá Ông được các vương triều lịch sử hóa trở thành phúc thần bảo trợ cho triều đình, ban sắc phong cho nhiều lăng thờ cá Ông ở các tỉnh Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Quá trình thần thoại hóa, lịch sử hóa, một mặt, là một trong những tiền đề để tín ngưỡng cá Ông phát triển rộng khắp ở các làng, vịnh ven biển, mặt khác, thể hiện sự giao lưu và tiếp biến văn hóa giữa cộng đồng người Chăm và người

Việt. Trong tín ngưỡng của người Chăm, thần Sóng được đồng nhất với thần cá voi, còn trong dòng văn hóa của người Việt, cá Ông là sự hóa thân của Đức Phật Quan Âm. Đây là tín ngưỡng mang tính chất nguyên thủy, tôn thờ các con vật đứng đầu những đối tượng săn mồi của người Việt xưa, trong đó có sự tiếp thu của tín ngưỡng văn hóa Chăm trong quá trình Nam tiến [Trần Phóng Điều, 2014].

Mặc dù nguồn gốc của tín ngưỡng thờ cá Ông vẫn còn nhiều tranh luận, nhưng qua nghiên cứu cho thấy người dân ở các làng, vịnh ven biển dọc dải đất từ Bắc Trung Bộ đến Nam Bộ vẫn coi cá Ông là “Phúc thần”, là vị thần linh luôn bảo vệ, che chở mang lại cuộc sống ấm no cho con người. Để thể hiện lòng thành kính đó, người dân ở các làng vịnh đã sáng tạo những thực hành văn hoá liên quan như các tục lệ, cách ứng xử riêng thông qua tục hèm, nghi thức tổ chức lễ tang mỗi khi ông mất, tục cúng tế vào ngày cá Ông lụy, diễn xướng dân gian... trong không gian thiêng của làng thờ cá Ông và không gian văn hóa của làng biển. Theo tục lệ, ngư dân ở vùng biển Việt Nam không bao giờ đánh bắt và ăn thịt cá Ông. Khi cá Ông mất, dân làng sẽ tổ chức lễ tang một cách chu đáo, theo nghi thức của người sống. Người đầu tiên nhìn thấy cá Ông (*lụy*) sẽ được chọn làm trưởng nam, còn nếu hai người cùng thấy một lúc thì sẽ lựa chọn ra một người làm trưởng, thay mặt dân làng chịu tang Ông trong suốt 3 năm và phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ như một người con đối với bố mẹ khi qua đời. Cho đến 3 năm sau đó thì dân làng làm lễ thượng ngọc cốt (*hốt cốt*) thỉnh vào Dinh Vạn tôn thờ³.

Lễ hội thờ cúng cá Ông là biểu hiện cụ thể trong thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông của ngư dân biển Việt Nam, được cộng đồng cư dân tổ chức và diễn xướng như một cuộc diễu hành tâm linh để tưởng nhớ và bày tỏ sự tri ân đối với vị thần biển của họ. Hàng năm, các làng, vịnh đều tổ chức lễ cá Ông hai kỳ, gọi là xuân thu nhị kỳ. Kỳ xuân tổ chức vào tháng Giêng hoặc tháng Hai (*âm lịch*) mang tính chất cầu ngư, cầu mùa biển, kỳ thu vào dịp tháng Bảy hoặc tháng Tám (*âm lịch*) để khép lại một mùa biển bội thu và tạ ơn thần biển. Một số làng thì tổ chức lễ cá Ông vào đúng ngày ông Ky. Các nghi lễ và hoạt động trong lễ cá Ông ở các làng, vịnh từ Bắc Trung Bộ đến Nam Trung Bộ cơ bản là giống nhau, nhưng ở mỗi vùng miền lại có thêm bớt một số tục lệ, nghi thức phù hợp với đặc điểm tự nhiên và văn hóa riêng của từng làng, vịnh, cũng như tập quán xã hội của cộng đồng cư dân, nhưng tất cả đều thể hiện lòng thành kính đối với cá Ông - vị thần biển của cộng đồng cư dân biển.

2. Địa văn hóa Trung Bộ và Nam Bộ của Việt Nam với thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông

Sự đa dạng của điều kiện tự nhiên và địa lý tạo ra những khác biệt trong lối sống con người ở các khu vực, lãnh thổ khác nhau. Đặc điểm của thiên nhiên, khí hậu, thổ nhưỡng tác động một cách mạnh mẽ, thậm chí quy định các phương thức sản xuất, sinh kế, sự sáng tạo và kế thừa cộng đồng con người đối với mọi công cụ, phương tiện và tập quán để sinh tồn. Do đó, khi sống trong những điều kiện tự nhiên tương đồng, các cộng đồng sẽ xác lập những đặc điểm chung trong nền văn hóa của họ. Trong trường hợp này, tín ngưỡng thờ cúng cá Ông được

³Lê Hữu Lễ (1973), Sự tích cá voi, Văn hóa tập san XXII, tr.114.

hình thành từ sự độc đáo trong tập quán lao động, sản xuất, phương thức sinh hoạt vật chất và tinh thần của văn hóa ngư dân vạn chài bám biển mưu sinh. Đúng như quan điểm của A.Flier, *"những cộng đồng cùng sống trong điều kiện khí hậu thiên nhiên tương tự, đều hình thành những phương pháp thích nghi với cảnh quan nhiều hay ít và việc thường xuyên trao đổi hiệu quả của hoạt động này có thể được coi là tương đối thuộc cùng một thuộc tính về các đặc điểm chính của đời sống văn hóa của họ"*.⁴ Do đó, khi nghiên cứu về tập quán thờ cúng cá Ông trong mối liên hệ với văn hóa biển Việt Nam, cần xác định sự phát triển của văn hóa nói chung, sự hình thành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông nói riêng, luôn gắn liền với đặc điểm và khả năng tiềm tàng về tự nhiên. Và vì thế, giải thích hiện tượng thờ cá Ông tập trung ở Trung Bộ và Nam Bộ, cần xét từ các góc độ:

- **Tự nhiên:** Chiều dài bờ biển miền Trung khoảng hơn 1000 km, biển vùng này khá sâu ở sát bờ, nhiều eo biển, cửa sông, vũng, vịnh, phía Đông giáp biển Đông. Bờ biển Nam Bộ dài 974 km với 9 tỉnh thành giáp biển và hàng trăm hòn đảo lớn nhỏ, vừa giáp biển Đông (phía Đông Nam) lại giáp cả vịnh Thái Lan (phía Tây). Thêm lục địa và biển sâu nên thuận lợi cho các loài cá lớn sinh sống ở tầng đáy như cá mập, cá mòi và cá voi với nguồn thức ăn phong phú của chúng nằm ở tầng nổi là các loài cá nhỏ như nhòng, cá trích, cá mòi. So với miền Bắc, biển Trung Bộ và Nam Bộ sâu hơn, dòng hải lưu mạnh hơn, nguồn cá nhỏ và cá cơm nhiều dinh dưỡng rất dồi dào nên

phù hợp với tập tính sinh thái của cá voi vốn có thân hình to lớn và chỉ ăn cá nhỏ, phù du...

Bên cạnh đó, ở khu vực biển miền Trung, chế độ gió được phân thành hai mùa rõ rệt: Gió mùa đông bắc từ tháng 11 đến tháng 2 năm sau với tốc độ 15 - 24m/s. Gió mùa hè theo hướng đông và đông nam với những trận bão và áp thấp nhiệt đới nên tốc độ gió rất cao (40 m/s)⁵. Mà hệ gió mùa trên biển và hoạt động của gió thay đổi là một trong những nguyên nhân hình thành những cơn bão nhiệt đới đổ vào đất liền. Những cơn bão đó một mặt làm cá voi mất phương hướng nên dạt vào bờ và mắc cạn, mặt khác, cũng có thể tác động đến những vật trôi nổi trên biển va chạm vào cá voi và gây những vết thương cho cá voi, rồi lại đẩy cá voi bị dạt vào vùng bờ biển miền Trung.

Còn ở khu vực Nam, vịnh Thái Lan thông với biển Đông nên chịu ảnh hưởng của hải lưu biển Đông, nên tại khu vực này hình thành hai dòng hải lưu khác nhau. (1) Vào mùa gió Tây Nam (từ tháng 4 đến tháng 9), hướng dòng chảy tầng mặt và tầng đáy gần trùng nhau, đưa nước từ phía Tây Bắc sang phía Đông Nam theo chiều kim đồng hồ. (2) Vào mùa gió Đông Bắc (từ cuối tháng 10 đến tháng 3), gió mùa cùng dòng chảy bao gồm cả vùng nước trời và nước chìm đưa nước từ Đông Nam sang Tây Bắc, ngược chiều kim đồng hồ và ngược với dòng của mùa gió Tây Nam. Hai dòng hải lưu này cùng với sự tác động của hai mùa mưa và khô đã làm thay đổi nhiệt độ

⁴A.Y. Flier, Văn hóa học cho nghiên cứu văn hóa – M.: Dự án Viện Hàn lâm học, 2000- 496 tr. (Флиер А.Я. Культурология для культурологов – М.: Академический Проект, 2000. – 496 с.) - 9

⁵Lâm Thị Mỹ Dung [Chủ trì], 2005, “Một số vấn đề về khảo cổ học ven biển miền Trung Việt Nam giai đoạn chuyển tiếp từ văn hoá Sa Huỳnh sang giai đoạn văn hoá Champa”, Đề tài khoa học cấp Bộ, Đại học Quốc gia Hà nội - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, tr. 24.

cùng với độ mặn của nước biển, đưa dòng nước giàu dinh dưỡng vào bờ mang theo nguồn thức ăn phong phú, thu hút cá voi vào theo.

- **Văn hóa:** Người dân ven biển vừa chịu ơn vì biển đem lại nguồn sống, vừa tìm cách hòa nhập với môi trường rộng lớn, mênh mông của biển. Bên cạnh đó, họ cũng phải liên tục đương đầu, đối chọi với những biến đổi bất thường của biển mang theo bao thách thức, hiểm nguy. Để thích ứng với biển cũng như để trấn an nỗi bất an, sợ hãi trước sự mênh mông như vô tận của biển cả, người dân biển Việt Nam sáng tạo cho cộng đồng mình vị thần biển để tin tưởng, tôn thờ và ngưỡng vọng. Nhờ vị thần bảo hộ đó, họ yên tâm khai thác biển và ứng xử với biển như không gian sinh tồn lẫn không gian văn hóa.

Sự gắn kết đến mức lệ thuộc vào biển có thể nhìn thấy ở hệ thống thần linh biển mà người dân ven biển sáng tạo: Các làng ven biển từ Bắc vào Nam đều có hình thức thờ cúng các vị tiền hiền - những người có công khai hoang để lập làng, vựa ven biển. Khu vực phía Bắc, các làng ven biển thờ những nhân vật lịch sử với tư cách là vị thần trấn biển như Trà Cổ, Vân Đồn, thờ Trần Khánh Dư, Đồ Sơn thờ Trần Hữu Cầu hay Thanh Hóa thờ Nguyễn Phục và có nơi đồng nhất thần biển với Nguyễn Phục hoặc Đoàn Thượng... Bên cạnh đó, việc phụng thờ thần Độc Cước (*Thanh Hóa*) hay Tứ vị Thánh Nương (*Nghệ An*) của Bắc Trung Bộ lan tỏa tới Nam Bộ (*trường hợp Tứ vị Thánh Nương*) hay sự phổ biến, đậm đặc của tín ngưỡng thờ cúng cá Ông ở Trung Bộ và Nam Bộ với hệ thống lăng, đền thờ cá Ông dày đặc, là hình thức tín ngưỡng đặc trưng của cư dân ven biển. Tín ngưỡng thờ cá, thờ

thần biển nói chung hay thờ cúng cá Ông nói riêng của người dân biển Việt Nam thể hiện sự bầu víu về tinh thần, cũng như nhận thức của con người về thế giới biển khơi mà họ vừa gắn bó, vừa lệ thuộc nhưng không “đương đầu” để chiếm lĩnh và chinh phục biển. Nhiều nhà nghiên cứu đã thống nhất ý kiến rằng, sở dĩ cộng đồng ngư dân tin tưởng vào sự phù trợ của cá Ông và thờ cúng Ông một cách tôn kính, một mặt là do những trải nghiệm của cộng đồng và một mặt là do quá trình lịch sử hóa cá voi của một số vị vua triều Nguyễn. Sự dấy lên của niềm tin, nguyện vọng của cộng đồng cộng với sự dội xuống của triều đình gần như đã trở thành motif hình thành tín ngưỡng, tôn giáo của nhiều cộng đồng và trường hợp tín ngưỡng thờ cúng cá Ông là một minh chứng. GS. TS. Nguyễn Chí Bền đã khẳng định: “...*quá trình trở thành vật biểu trưng thần biển của cá voi có hai chiều tác động: niềm xác tín của ngư dân và sự dội xuống của vương triều. Người dân tin tưởng, thờ phụng, triều đình phong chức cho cá voi để bắt dân phụng thờ. Dù là chiều tác động nào, niềm tin tưởng của cư dân sống bằng nghề biển đã tạo ra quá trình thần thoại hóa, lịch sử hóa một con vật được phụng thờ*”.⁶

Tất cả các khu vực ven biển đều có đặc điểm riêng về môi trường sinh thái-nhân văn của mình, và điều kiện tự nhiên cùng văn hóa trên đã lý giải vì sao cá voi “*Tại Nam vi thần, tại Bắc vi ngư*” (*Ở phía Nam là thần, ở phía Bắc chỉ là cá*). Như sự phân tích của GS. Trần Quốc Vượng: “*người Việt phát tích từ Bắc Bộ có được vịnh Hạ Long thuận lợi nhiều*

⁶Nguyễn Chí Bền (1997), Tìm hiểu một số hiện tượng văn hóa dân gian Bến Tre, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.77-78

điều, nhưng lại bị chính cái vịnh ấy che mất tầm mắt đại dương. Cái thuyền dài khoảng chục mét với hai lá buồm cánh dơi, chỉ đủ mò cua bắt ốc ven biển thôi. Sau này, chính văn hóa Chăm mới bổ sung cho chúng ta cái tầm nhìn đại dương mà cái ghe bầu mà chiến thuyền có hàng chục khẩu đại bác của vua Quang Trung là một trong những kết quả của cuộc giao lưu văn hóa đó”⁷. Yếu tố phổ biến chung nằm ở giá trị rất lớn của biển đối với các hoạt động lao động sản xuất trên biển, tâm linh gắn với biển và nghệ thuật diễn xướng thể hiện tinh thần lạc quan, thái độ ứng xử hài hòa với thiên nhiên của người dân gắn bó trong sự thích ứng với biển để mưu sinh và tồn tại đã tạo nên bản sắc văn hóa của họ.

3. Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông từ góc nhìn di sản văn hóa biển

Trước đây, việc nghiên cứu, đánh giá giá trị và vai trò của lễ hội thờ cúng cá Ông thường đứng trên quan điểm về tín ngưỡng, coi lễ hội chỉ là một thành tố của tín ngưỡng thờ cúng cá Ông, mà chưa nhìn nhận lễ hội như một thực hành văn hóa được cộng đồng sáng tạo và tái tạo duy trì qua nhiều thế hệ, làm nên bản sắc văn hóa cộng đồng cư dân biển Việt Nam. Tuy nhiên, thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông cần được xem xét một cách độc lập với tư cách một di sản văn hóa phi vật thể, với toàn bộ quy trình thực hành cùng không gian văn hóa, chủ thể văn hóa và các sản phẩm vật chất và tinh thần liên quan. Soi chiếu từ Công ước 2003 về bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể của UNESCO, có thể nhận diện

Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông bao hàm hầu hết các loại hình: (1) Tập quán xã hội và tín ngưỡng, (2) Lễ hội truyền thống và (3) Nghệ thuật trình diễn dân gian, (4) Nghề thủ công truyền thống, (5) Tri thức dân gian. Thể hiện cụ thể:

Tập quán xã hội và tín ngưỡng: Có lẽ không có một sinh vật nào lại được con người thờ phụng với những nghi lễ hết sức tôn kính, trang trọng như đối với chính tổ tiên của họ hay như đối với những nhân vật có công lao và đức độ, thậm chí như một vị thần linh thiêng ngoài cá voi. Niềm tin thiêng liêng vào sự cứu giúp, hỗ trợ của người dân bé nhỏ trước biển cả, đại dương mệnh mông vào sinh vật biển to lớn nhưng hiền lành, tốt bụng đã được đẩy lên thành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông của cả một cộng đồng lớn các ngư dân bám biển mưu sinh dọc bờ biển dài hàng nghìn km ở Việt Nam. Tín ngưỡng đó được cụ thể hóa thành tập quán tôn thờ cá Ông như vị thần biển, vị thần hộ mệnh của cộng đồng; thành những thực hành văn hoá mang tính nghi lễ của cộng đồng khi thấy Ông "lụy" và dạt vào bờ (*làm đám tang, chôn cất, chịu tang, thỉnh cốt, thờ cốt...*); thành các lễ rước và lễ tế (*lễ hội*) để tạ ơn và mong cầu Ông ban cho mùa biển tôm cá đầy khoang và ngư dân bình yên khi ra lộng vào khơi; thành thói quen đến cầu xin tại Lăng - nơi thờ cá Ông trước khi ra khơi tìm mùa cá mới...

Lễ hội truyền thống: Hạt nhân của lễ hội thờ cúng cá Ông là nhân vật/đối tượng được tôn thờ - cá Ông. Ngược lại, biểu hiện cụ thể và sinh động của tín ngưỡng thờ cúng cá Ông là lễ hội Nghinh Ông, lễ hội Cầu ngư với những nghi thức tế, lễ vừa mang tính chất dân gian, vừa có sự chuyển hóa từ các nghi lễ

⁷Tô Ngọc Thanh, Báo cáo đề dẫn, Văn hóa dân gian với vịnh biển đảo, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Ngãi, Nxb Dân trí, 2017, tr.8

cung đình: lễ xây châu đại bội, lễ cúng tiền hiền, hậu hiền, lễ thỉnh ngọc cốt, lễ cầu ngư, lễ nghinh Ông, lễ thả "long châu" (có nơi gọi là "long chu")... Lễ hội này là môi trường thể hiện những mong cầu của ngư dân, là nơi gửi gắm những ước nguyện về một biển khơi hiền hòa và dồi dào nguồn tôm cá khi ngư dân khai thác nguồn lợi biển để mưu sinh. Các lễ hội Nghinh Ông hay Cầu ngư cũng là màn trình diễn sống động tái hiện truyền thuyết hình thành tín ngưỡng, biểu hiện sống động toàn bộ quy trình "nghinh Ông" hết sức thành kính và cầu mùa, "cầu ngư" với đầy đủ những mong cầu thiết thực của ngư dân. Ở mỗi làng, đền nơi thờ cúng cá Ông hay mỗi cộng đồng chủ thể di sản, lễ hội mang một sắc thái riêng xong đều như một bản diễn xướng nhắc nhở truyền thống lịch sử, văn hóa của người dân địa phương và bày tỏ lòng tôn kính, tri ân với vị thần biển thiêng liêng. Trong đời sống tâm linh của ngư dân, lễ hội Cầu ngư/Nghinh Ông không chỉ là dịp để họ bày tỏ lòng kính trọng và biết ơn đối với một sinh vật thiêng liêng mà còn gửi gắm vào đó cả niềm tin và hy vọng ở một vị thần hộ mạng sẵn sàng cứu giúp họ trong cơn hoạn nạn, trong những lúc hiểm nghèo giữa nơi biển cả.

Nghệ thuật trình diễn dân gian: Hầu hết các lễ hội truyền thống của Việt Nam đều là những màn "xướng ca" hoặc là bản "anh hùng ca", với những màn trình diễn từ đoàn rước cho đến một số loại hình nghệ thuật dân gian, tái hiện chiến công của những nhân thần hoặc nhiên thần có công với nước, với dân, với cộng đồng cư dân sở tại. Tuy nhiên, hiếm có lễ hội truyền thống nào lại chứa đựng những nghệ thuật trình diễn đặc sắc, khắc họa đời sống lao động sản xuất và mang đặc trưng văn hóa vùng miền

như lễ hội Nghinh Ông và lễ hội Cầu ngư. Đó là Hát bả trạo, Hát bội hay võ thuật truyền thống trong lễ hội thờ cúng Cá Ông từ Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa đến Ninh Thuận, Bình Thuận; là Hát bội, xây châu và múa lân sư rồng tại một số tỉnh Nam Bộ và Hồ khoan, chèo cạn và trò múa bông hay múa bài bông ở Quảng Bình, Quảng Trị hay Thừa Thiên Huế.

Nghề thủ công truyền thống: Biểu hiện cụ thể qua những công cụ, vật dụng được sử dụng phục vụ cho thực hành nghi lễ, mà phương tiện gài gủi và thiết thực nhất với tín ngưỡng Thờ cúng cá Ông là nghề đóng thuyền, phương tiện chính phục vụ lao động sản xuất mưu sinh trên biển. Bên cạnh đó, tại một số lễ hội thờ cúng cá Ông, cho đến nay vẫn còn tồn tại tục "thả Long Chu" - những chiếc thuyền nhỏ được chế tác hết sức tinh xảo, mang tính biểu tượng để làm vật tế thần. Cho dù là đóng thuyền để đi biển, hay để thực hành những nghi thức của lễ hội, thì cũng cần đến những đôi tay khéo léo, những tri thức nghề nghiệp và tài năng xuất sắc của những người thợ thủ công tài ba.

Tri thức dân gian: Được cụ thể hóa trong tín ngưỡng thờ cúng cá Ông thông qua những tri thức về thiên nhiên, hiểu biết về quy luật của biển, từ đó, có thái độ ứng xử hài hòa với biển để biến những tri thức dân gian đó thành kinh nghiệm trong lao động sản xuất trên biển. Trong đó, đỉnh cao là nhận thức về môi trường tự nhiên và thái độ tôn trọng hệ sinh thái biển, thể hiện qua ý thức bảo vệ môi trường biển, bảo vệ động vật biển đã được nâng lên thành một tín ngưỡng của cả cộng đồng.

Và soi chiếu từ Luật di sản văn hoá 2009 của Việt Nam, có thể nhận diện các

giá trị của di sản văn hóa Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông:

Giá trị lịch sử của Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông cần được xem xét ở hai khía cạnh: giá trị của di sản văn hóa vật thể liên quan đến lễ hội (*di tích, lăng, miếu thờ cá Ông*) và giá trị di sản văn hóa phi vật thể biểu hiện qua các nghi thức trong lễ hội thờ cúng cá Ông.

Toàn bộ hệ thống lăng miếu cùng với kết cấu kiến trúc, trang trí nghệ thuật, hệ thống ngai, bài vị thờ... là những bằng chứng vật chất cho lịch sử hình thành tín ngưỡng và lịch sử tụ cư, quần cư của cộng đồng cư dân địa phương. Bên cạnh đó, tại rất nhiều lăng Ông còn lưu giữ những sắc phong trong đó chứa nhiều thông tin liên quan đến lịch sử hình thành địa danh, phong tục, tín ngưỡng ở địa phương, cũng như sự tiếp biến và giao thoa văn hóa giữa cư dân bản địa với các khu vực khác. Việc nghiên cứu Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông từ các thiết chế tín ngưỡng, thờ tự liên quan cho sẽ cung cấp thông tin về: (1) Lịch sử hình thành, tồn tại và phát triển của cộng đồng cư dân miền biển từng địa phương; (2) Mỗi quan hệ giao thương kinh tế và giao lưu văn hóa giữa cư dân các vùng biển với nhau và với các cộng đồng khác qua đường biển; (3) Sự giao lưu và tiếp biến văn hóa để hình thành nên tín ngưỡng bản địa đặc sắc, phù hợp với đời sống lao động và sản xuất đặc thù của cư dân địa phương.

Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông không chỉ là tấm gương phản chiếu bản sắc văn hóa dân gian đặc sắc mang tính vùng miền của ngư dân mỗi địa phương có di sản, mà nó còn là môi trường bảo tồn, làm giàu và phát huy sự đa dạng của bản sắc văn hóa dân tộc, là

cơ hội phát huy giá trị văn hóa biển Việt Nam. Quan trọng hơn cả, Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông chính là nguồn sử liệu vô cùng phong phú và xác thực về những bằng chứng liên quan đến chủ quyền biển đảo, về kinh nghiệm ứng xử với biển của các thế hệ người dân biển Việt Nam trong quá khứ, hiện tại và cả tương lai.

Giá trị văn hóa: Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông là môi trường duy trì, giáo dục đạo lý "*Uống nước nhớ nguồn*", tôn vinh công đức của cá Ông như một vị thần biển, cứu giúp ngư dân khi gặp hoạn nạn cũng như mang đến cho họ những vụ mùa biển bội thu, cho cuộc sống được an bình và no đủ. Tổ chức và thực hành Lễ hội Cầu ngư/lễ hội Nghinh Ông là những cơ hội để cộng đồng ngư dân, đặc biệt là thế hệ trẻ ôn lại lịch sử cộng đồng mình, tưởng nhớ các vị Thành hoàng, tiền hiền có công khai hoang lập ấp và dạy nghề cho cư dân.

Với khoảng hơn 220 lễ hội Cầu ngư và Nghinh Ông tổ chức mỗi năm, việc tham gia tổ chức các lễ hội thờ cúng cá Ông giúp gắn kết cộng đồng, thắt chặt tình đoàn kết, tương thân tương ái giữa ngư dân các làng trong các làng chài trải dọc khắp biển Việt Nam sau những đợt lao động mưu sinh vất vả, hiểm nguy trên biển. Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông là cách thức để ngư dân thư giãn, tạo lập thế cân bằng trong đời sống tinh thần sau một năm đánh bắt vất vả, cực nhọc và tiếp thêm sinh lực, sẵn sàng cho một mùa ra khơi đầy sóng gió tiếp theo.

Một trong những giá trị văn hóa đặc sắc của Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông là thể hiện thái độ ứng xử hài hòa, thân thiện với môi trường biển, sự trân trọng đối với thế giới tự nhiên

của ngư dân. Họ sống dựa vào biển, bám biển để mưu sinh nhưng chỉ dừng lại ở việc khai thác nguồn tài nguyên của biển một cách hợp lý mà không tận diệt, phá huỷ môi trường biển. Nếu như một số quốc gia như Nhật Bản, Đan Mạch, Na Uy... có tục lệ săn bắt cá voi, ăn thịt cá voi, thậm chí đẩy lên thành nghi lễ đánh/săn bắt cá voi và người dân đến một số ngôi đền để thực hành các nghi thức quan trọng trước khi ra biển săn cá voi (Nhật Bản), thì Việt Nam lại đưa cá voi từ một sinh vật thông thường lên đồng nhất với một vị thần biển. Từ đó, không những chung sống hài hòa với loài động vật to lớn này mà còn kính trọng và tôn thờ ở phạm vi rất rộng. Như vậy, từ trong tâm thức người dân, Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông đã trở thành ý thức bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường biển một cách tự nhiên, tự nguyện và hết sức đồng thuận trong cộng đồng, thể hiện thái độ ứng xử nhân văn với môi trường thiên nhiên của ngư dân biển Việt Nam.

Giá trị khoa học: Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông của người Việt, từ Bắc Trung Bộ vào tới Nam Bộ, về cơ bản là mang tính tương đồng, nhưng sắc thái văn hóa địa phương, vùng miền không chỉ thể hiện trong cách xây dựng đền miếu, sự bổ sung các đối tượng thờ cúng do đó có các nghi thức tế lễ/thực hành nghi thức khác nhau cũng như các loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian trong lễ hội. Như vậy, mỗi sản phẩm văn hóa trong Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông được sáng tạo bởi cộng đồng ngư dân đều có cái nôi hình thành và phát triển phù hợp với yếu tố địa văn hóa/văn hóa vùng mà mỗi cộng đồng sinh sống. Trong sự vận động không ngừng của dòng chảy văn hóa, các loại hình nghệ thuật, các nghi lễ và diễn

xướng truyền thống ấy được cá nhân, cộng đồng liên tục tái tạo, duy trì, trao truyền, làm cho các sản phẩm tinh thần ấy có sức lan tỏa trong cộng đồng và các lễ hội thờ cúng cá Ông trở thành môi trường diễn xướng/ môi trường thực hành văn hóa mang tính bản sắc cộng đồng ngư dân biển và tính đặc thù của văn hóa biển Việt Nam rất sâu rộng và bền bỉ.

Giá trị kinh tế: Câu hỏi đặt ra đối với các địa phương có di sản Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông là làm thế nào để di sản văn hóa phi vật thể nói chung và di sản Lễ hội Cầu ngư/Nghinh Ông nói riêng đóng góp tốt hơn vào phát triển kinh tế - xã hội. UNESCO đã khẳng định tầm quan trọng của di sản “sống” đối với phát triển kinh tế, xã hội và môi trường bền vững: “*Các hoạt động thương mại có thể xuất phát từ một vài loại hình di sản văn hóa phi vật thể và việc trao đổi các sản phẩm và dịch vụ văn hóa có liên quan đến di sản văn hóa phi vật thể có thể giúp nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của di sản đó và tạo thu nhập cho người thực hành. Chúng có thể góp phần cải thiện mức sinh hoạt của các cộng đồng nắm giữ và thực hành di sản, nâng cao kinh tế địa phương, và góp phần tăng cường liên kết xã hội*”⁸.

Do đó, cần xác định Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông mà hạt nhân là Lễ hội Cầu ngư/Nghinh Ông là một sản phẩm văn hóa đặc thù, là bộ phận cấu thành tài sản văn hoá của các địa phương ven biển, nên cần được khai thác, phát huy đúng cách để có thể tạo thêm việc làm, tăng cường phát triển kinh tế địa

⁸ Chương IV, Hướng dẫn thực hiện Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể phiên họp thứ 5 (tại Paris, Pháp từ ngày 2 đến 4 tháng 6 năm 2014)

phương, mang lại nguồn lợi sống bền vững cho chính cộng đồng sở hữu di sản. Di sản Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông cần được nhìn nhận như loại tài sản đặc biệt vì đây là loại tài nguyên văn hóa - kinh tế có khả năng gia tăng giá trị theo thời gian. Do đó, việc sử dụng và khai thác di sản này gắn với phát triển kinh tế - xã hội nếu được tính toán kỹ lưỡng một mặt sẽ mang lại lợi ích trước hết vì cộng đồng và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương, một mặt góp phần tích cực vào bảo vệ và phát huy giá trị bản sắc văn hoá người dân biển Việt Nam.

4. Những tác động tới di sản Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông

Như hầu hết các di sản văn hóa phi vật thể, Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông phải đối diện với sự tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu, sự biến chuyển mạnh mẽ của đời sống công nghiệp hiện đại và xu thế đô thị hóa. Sự tác động có thể nhìn thấy ở:

Các yếu tố tự nhiên:

Hầu hết các lăng thờ Cá Ông đều nằm gần biển hoặc ngay trên bờ biển, lại được xây dựng tương đối đơn sơ, nên cùng với thời gian và sự tác động của các điều kiện tự nhiên, khí hậu và môi trường khắc nghiệt làm cho các kết cấu kiến trúc cũng như đồ thờ tự trong lăng nhanh bị xuống cấp, hư hỏng. Bên cạnh đó, hiện tượng xâm thực của nước biển đã thu hẹp không gian thực hành lễ hội, thậm chí những cơn bão lớn có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại của một số lăng Ông sát biển.

Nguồn tài nguyên hải sản không còn dồi dào như trước mà số lượng thuyền ghe tăng lên, nên người dân buộc phải trang bị thuyền lớn, hiện đại để

đánh bắt xa bờ hơn. Do đó, khi đến lễ hội họ không kịp về bờ tham dự, ít có điều kiện đóng góp cả về nhân lực và vật lực cho lễ hội. Lâu dần sẽ dẫn đến tâm lý ít mặn mà với hoạt động chung này của cộng đồng, thậm chí là không muốn kế thừa và không có khả năng kế thừa các thực hành trong lễ hội (*tế, lễ, hát bả trạo, nguyên tắc thực hành lễ...*) và vì thế mà lễ hội sẽ bị biến đổi và mai một theo nhiều chiều hướng.

Các yếu tố xã hội chủ quan:

Các nghi thức tế lễ, trình diễn các loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian trong lễ hội thường được thực hiện bởi người cao tuổi trong làng, vạ. Theo khảo sát, số lượng các cụ già am hiểu về nghi lễ tế và văn hóa địa phương ngày càng ít đi, trong khi đó, việc trao truyền vốn văn hóa này cho thế hệ trẻ chưa được chú trọng đúng mức và sự quan tâm của giới trẻ cũng không đủ đối với việc nối tiếp các truyền thống này. Xuất hiện xu hướng đơn giản hóa trong thực hành nghi lễ: việc khai chiêng, khai trống và các nghi thức tế được giản lược đồng thời bớt dần đi tính nghiêm trang; các vị đảm trách nhiệm vụ này có khi không phải trong Ban khánh tiết và chưa được truyền bài một cách thuần thực.

Cùng với sự thay đổi của cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ du lịch và thương mại, một bộ phận thanh niên không còn theo nghề biển mà chuyển sang những ngành nghề khác. Điều này đã làm cho giới trẻ thờ ơ với lễ hội bởi ý nghĩa của lễ hội không còn quan trọng và thiết thực với nghề nghiệp mưu sinh mới, không còn gắn liền với biển. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới hiện tượng này, trong đó, sự chuyển đổi nghề nghiệp ở bộ phận những người theo nghề đi biển, ngư dân có nhiều cơ hội việc làm

mới mà họ có thể lựa chọn với mức lương cao và ít rủi ro. Mặt khác, tâm lý ngại ra khơi xa khiến ngư dân không dám mạo hiểm, do đó, đứng trước những cơ hội nghề nghiệp mới, rất nhiều người đã bỏ nghề. Đối với một số ngư dân, việc tham gia lễ hội không còn được chú trọng. Nếu khi xưa đến ngày lễ hội thì tất cả tàu đánh bắt đều về tham dự thì ngày nay chỉ có những tàu đang dịp vào bờ ngay kỳ lễ hội mới tham gia vào sự kiện, còn lại những tàu khác vẫn tiếp tục công việc ngoài khơi. Tất cả là tác nhân dẫn đến sự suy giảm trong Tín ngưỡng thờ cúng cá Ông cũng như sự thu hẹp quy mô của Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông.

Các yếu tố xã hội khách quan:

Hiện nay, các địa phương vẫn đã, đang và sẽ có quy hoạch chỉnh trang đô thị, chắc chắn các không gian văn hóa - không gian thực hành lễ hội như lăng Ông, đền thờ, bến bãi, vịnh chài... sẽ mất đi hoặc thu hẹp dần để nhường chỗ các khách sạn, nhà hàng, đường sá... phục vụ du lịch. Mặc dù sẽ được thay thế, đền bù bằng diện tích đất khác nhưng không gian cư trú của thần linh và ngư dân - chủ thể của lễ hội sẽ không thể như xưa, thậm chí tập quán xã hội và đời sống sinh hoạt, sản xuất gắn với tín ngưỡng này biến mất, “xóa sổ” hoàn toàn. Một ví dụ điển hình tại phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng: Nam Ô là ngôi làng chài cổ bậc nhất xứ Đàng Trong với biết bao di tích văn hóa, lịch sử thiêng liêng mang tâm thức của những người đầu tiên vượt Ải Vân mở cõi. Lăng Ông làng Nam Ô là một trong những nơi còn lưu giữ nhiều bộ cốt cá voi nhất các làng biển Việt Nam và phía trước lăng vẫn còn một

ngôi mộ cá Ông chưa cải tang (*thời điểm 2017 và 2018*). Tuy nhiên, tất cả những di tích hàng trăm năm tuổi của làng biển Nam Ô này đã bị “nhốt” trong hàng rào sắt đồ sộ, cao vút và sau đó sẽ bị phá dỡ, di dời đi nơi khác nhường đất nhường biển cho doanh nghiệp xây resort, khách sạn 5 sao, nhà hàng quán bar..., thuộc dự án Lancaster Nam Ô Resort của Công ty Cổ phần Trung Thủy (*Thành phố Hồ Chí Minh*). Người dân chài bao năm bám biển mưu sinh bỗng bị di dời lên núi, họ không còn đường xuống biển để lễ xin vị thần biển phù trợ, chỉ được tiếp cận lăng Ông sau khi xin phép bảo vệ của khu “hàng rào” và không còn không gian để tổ chức lễ hội Cầu ngư⁹.

Trong chính sách phát huy giá trị lễ hội tiêu biểu để giới thiệu, quảng bá, phục vụ phát triển du lịch tại các địa phương, chính quyền các cấp đã đầu tư nguồn kinh phí để tu bổ, tôn tạo di tích lăng, đền, miếu, vịnh... và phục dựng một số nghi thức trong các lễ hội thờ cúng cá Ông. Việc làm này bên cạnh mặt tích cực thể hiện sự quan tâm của Nhà nước với di sản văn hóa thì cũng bộc lộ những hạn chế: (1) Việc tu bổ, tôn tạo thiếu tính khoa học nên làm biến dạng di tích; (2) Việc phục dựng nghi thức trong lễ hội mang tính chủ quan, cộng đồng không được tham gia lựa chọn yếu tố cần phục dựng, dẫn đến sai lệch quy trình và nghi thức tổ chức, thực hành lễ hội; (3)

⁹Cụ Lê Sự kể: “Không chỉ làng này, mà các làng khác, hồi xưa mỗi khi có người đau ốm là đội lễ vật đến Dinh Âm hồn để cầu xin. Vì thời xa xưa cả mấy làng chài chỉ có một ông lang thuốc Bắc, làm gì có bác sĩ. Còn lăng Ông nằm kế bên, bà con làng chài chúng tôi bao đời nay ra biển đánh bắt bình an là nhờ Ông Ngư phù trợ. Trong lăng đang thờ hàng chục bộ cốt của Ông cá trăm năm nay rồi...”

Cùng với sự đầu tư kinh phí là sự tùy tiện áp đặt những yếu tố mới cho lễ hội nhằm thu hút khách du lịch, như: thay đổi thời gian tổ chức lễ hội, gộp lễ hội của nhiều làng để tổ chức thành một “*sự kiện*” quy mô cấp tỉnh, trong đó, đại diện chính quyền làm thay đại diện cộng đồng một số nghi thức làm mờ nhạt vai trò, trách nhiệm của ngư dân trong việc tham gia, đóng góp cho việc tổ chức và thực hành lễ hội theo tập tục mà lâu nay bản thân họ và cộng đồng đã làm. Do đó, sự tham gia của cộng đồng ngư dân các làng chài vào các thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông ngày một thưa vắng và không khí lễ hội thiếu sự háo hức, rộn ràng đối với cư dân địa phương.

Kết luận

Là tín ngưỡng đặc thù, gắn với văn hóa biển Việt Nam, Tín ngưỡng thờ cúng cá Ông như đã trở thành một biểu tượng tâm linh của cư dân miền biển Việt Nam. Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông đã trở thành mẫu số chung cho văn hóa cộng đồng cư dân biển, trở thành yếu tố tương đồng văn hóa của những ngư dân vạn chài bám biển mưu sinh, từ Trung Bộ tới Nam Bộ. Trải qua thời gian, Tín ngưỡng thờ cúng cá Ông không có nhiều biến đổi, nhưng do những yếu tố chủ quan và khách quan mà Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông đang có những thay đổi thậm chí mai một. Sự biến đổi này diễn ra từ không gian thực hành cho đến quy trình thực hành lễ hội, từ việc quản lý và tổ chức lễ hội cho đến việc tham gia thực hành và hưởng thụ giá trị lễ hội, từ vai trò nắm giữ, thực hành và truyền thừa di sản của cộng đồng chủ thể văn hóa cho đến vai trò tham dự của các

khách thể liên quan, từ nhu cầu thực hành di sản của cộng đồng nắm giữ di sản cho đến nhu cầu khai thác giá trị di sản phục vụ phát triển du lịch... Sự biến đổi của Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông một mặt cho thấy sự vận động để thích nghi của di sản với đời sống xã hội đương đại, mà xu hướng chủ đạo là đáp ứng nhu cầu thực tế của cả cộng đồng chủ thể di sản văn hóa lẫn chính quyền địa phương nơi có di sản. Mặt khác, sự biến đổi đó cho thấy xu thế thực dụng hóa di sản, kinh tế hóa di sản, du lịch hóa di sản và quan phương hóa di sản. Bên cạnh đó, là xu thế lấn át của các ngành kinh tế khác làm thu hẹp không gian thực hành di sản, biến đổi cơ cấu kinh tế cộng đồng thậm chí dịch chuyển, thay thế hay xóa bỏ toàn bộ môi trường sinh thái - nhân văn của di sản Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông.

Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông với tất cả những thành tố của mình, từ không gian thực hành nghi lễ, đền thiết chế thờ cúng, hệ thống nghi thức, nghi lễ và nghệ thuật trình diễn dân gian đã tạo nên sản phẩm đặc thù của văn hóa biển Việt Nam. Sản phẩm văn hóa này cần được nhìn nhận, đánh giá một cách đúng đắn về giá trị và được quan tâm, bảo vệ hết sức nghiêm túc, cũng như khai thác và phát huy đúng hướng để có thể trở thành nguồn tài nguyên văn hóa, du lịch đầy tiềm năng của cộng đồng cũng như của các địa phương có di sản, để biển không chỉ là nguồn tài nguyên vật chất với cộng đồng, mà biển còn là nguồn tài nguyên du lịch, tài nguyên văn hóa và tâm linh với sản phẩm cụ thể là Thực hành tín ngưỡng thờ cúng cá Ông ♦

CÁC DI TÍCH LIÊN QUAN ĐẾN TỤC THỜ CÚNG CÁ ÔNG Ở HỘI AN

CN. Nguyễn Cường

Từ xa xưa, mỗi khi gặp thủy nạn, ngư dân ở miền Trung nói chung, ở Hội An nói riêng thường được cá Ông xuất hiện kịp thời cứu vớt, diu qua khỏi cơn nguy nan. Vì thế, trong tâm thức của những cư dân này đều xem cá Ông là vị thần bảo hộ tính mạng và tài sản, là chỗ dựa tinh thần cho họ khi mà quá trình hành nghề luôn phải đối diện với bao hiểm nguy rình rập trên biển cả bao la. Khi cá Ông lụy (*chết*), ngư dân vớt xác lên bờ và thực hiện các nghi thức rất trang trọng, từ mai táng, làm lăng thờ, đưa xương cốt về lăng và tổ chức cúng tế hàng năm. Nhà nước phong kiến Việt Nam cũng đã công nhận vai trò quan trọng của cá Ông đối với ngư dân thông qua ban tặng sắc phong, gia tặng mỹ tự là “*Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân tôn thần*” và cho ngư dân khắp nơi xây lăng lập miếu để thờ. Qua thời gian, tín ngưỡng tôn sùng được biểu hiện qua tục thờ cúng cá Ông đã dần ăn sâu vào đời sống văn hóa của cư dân làm nghề đi biển; tạo nên những giá trị văn hóa tiêu biểu và riêng có của bộ phận cư dân này. Xét về giá trị di sản, tục thờ cúng cá Ông không chỉ có giá trị về di sản văn hóa phi vật thể qua loại hình lễ hội truyền thống, tập quán xã hội (*ngghi lễ thờ cúng*), nghệ thuật trình diễn dân gian (*hát bá trạo*),... mà còn có giá trị về di sản văn hóa vật thể là các công trình xây dựng có giá trị về lịch sử, kiến trúc nghệ thuật độc đáo nhằm tạo ra không gian văn hóa để thực hiện tục lệ này.

Những công trình xây dựng đó có chức năng là nơi bảo quản xương cốt cá Ông, nơi thể hiện lòng thành kính của cư dân đối với cá Ông qua việc dâng hương thường xuyên hay tổ chức lễ lễ, lễ hội hàng năm. Mỗi địa phương có tên gọi có khác nhau nhưng nhìn chung những công trình này đều được gọi chung là lăng thờ cá Ông¹. Trong bài viết này, chúng tôi xin giới thiệu sơ lược một số lăng thờ cá Ông có giá trị đã được kiểm kê, nhận diện đưa vào danh mục di tích lịch sử - văn hóa của thành phố Hội An.

Theo danh mục di tích lịch sử - văn hóa của thành phố Hội An năm 2015 (*và theo số liệu thống kê đến nay*), hiện có 05 di tích liên quan đến tục thờ cúng cá Ông của ngư dân ở Hội An, gồm: Lăng Ông Ngư ở xã Tân Hiệp, lăng Ông An Bàng ở phường Cẩm An, lăng Ông (*trong cụm lăng Năm Sứ*) ở phường Cẩm Nam, lăng Ông ở xã Cẩm Thanh, lăng Tiêu Diện ở phường Cửa Đại.

*** Di tích lăng Ông Ngư:** Lăng nằm trong khu dân cư thuộc xóm Đình, thôn Bãi Làng, xã Tân Hiệp, là di tích khá tiêu biểu cho tục thờ cúng cá Ông ở Hội An, đã được Bộ Văn hóa - Thông tin (*nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*)

¹ Trong bài viết này, các di tích có liên quan đến tục thờ cúng cá ông ở Hội An chúng tôi gọi chung là lăng thờ cá Ông.

xếp hạng di tích cấp quốc gia vào năm 2006.

Chưa có tư liệu xác định chính xác thời gian khởi dựng lăng nhưng qua hình thức kiến trúc, mô típ trang trí và dấu vết lưu lại ở lăng² đoán định lăng được xây dựng muộn nhất vào cuối thế kỷ thứ XIX, đầu thế kỷ XX. Trong sách Đại Nam Nhất thống chí của Quốc sử quán triều Nguyễn có ghi chép một số thông tin về Cù Lao Chàm, trong đó cho biết trên núi (*Cù Lao Chàm*) có nhiều đền thờ, như đền thờ 3 vị Phục Ba Tướng quân, đền thờ Cao Các, đền thờ thần Bô Bô và các đền thờ thần: Ngọc Lân, Thành Hoàng, Chúa Lôi, Bạch mã, Ngũ Hành... Đền thờ Ngọc Lân được nhắc đến ở đây là lăng Ông Ngư. Mặc dù đã qua nhiều lần tu bổ nhưng kiểu thức kiến trúc truyền thống của lăng vẫn còn được bảo lưu rõ nét. Hiện trạng lăng quay mặt tiền về hướng Tây Nam, nhìn ra biển với diện tích khoanh vùng bảo vệ là 149,4m². Lăng được xây bằng vôi, gạch, san hô với kiểu mái cuốn vòm thấp, lợp ngói âm dương, trên trang trí con giống đề tài tứ linh. Lăng thờ có cấu trúc tiền đường và hậu tẩm. Tiền đường làm kiểu ba gian; hai gian bên thờ những vị tả hữu ban, thị tùng bộ hạ; gian giữa đặt bệ thờ trước hậu tẩm, ở trên có 12 bài vị bằng gỗ được chạm khắc tinh xảo, sơn son thếp vàng ghi các thần hiệu của cá Ông³. Hậu tẩm là nơi cất giữ các hòm đựng xương cốt cá Ông. Trước lăng có bình phong dạng cuốn thư, mặt trước đắp nổi hình long mã, mặt sau đắp hình cá chép uốn lượn uyển chuyển. Theo điều tra của

Viện Viễn Đông Bác Cổ những năm 1941-1943 về làng xã ở Quảng Nam, trong đó có làng Tân Hiệp ghi nhận “trong lăng Ông Ngư có một cái lư khá lớn bằng gang rất xưa, cái này dùng để đốt vàng bạc” nhưng hiện nay đã thất lạc. Hàng năm vào ngày 4/4 âm lịch tại di tích, trước khi ra khơi đánh bắt cá vụ nam, ngư dân trên đảo Cù Lao Chàm tổ chức lễ cúng cầu ngư tại lăng rất linh đình nhằm cầu mong cho làng xóm được bình yên, ra khơi được thuận buồm xuôi gió, đánh bắt được nhiều hải sản.

*** Di tích lăng Ông An Bàng:** Lăng nằm cạnh khuôn viên nhà văn hóa khối An Bàng, phường Cẩm An, đã được UBND tỉnh Quảng Nam xếp hạng di tích cấp tỉnh vào năm 2011.

Về thời điểm xây dựng lăng hiện vẫn chưa có tài liệu xác định chính xác, chỉ mới biết được lần tu bổ sớm nhất là vào tháng 4/1926 do nhân dân xã Đại An (*xã hiệu cũ của khối An Bàng hiện nay*) tu bổ qua thông tin ghi lại trên xà còn đang được lưu giữ ở lăng. Theo điều tra dân gian, vào năm 1968, sau khi đình đá An Bàng bị phá hủy, nhân dân phối thờ thêm tiền hiền tại lăng. Năm 1993, lăng được tu bổ lớn và đến nay cũng đã có một số lần tu bổ, tôn tạo từ sự đóng góp của nhân dân và đầu tư kinh phí của nhà nước, gần nhất là vào năm 2019, lần tu bổ này cũng đã mở rộng diện tích khoanh vùng bảo vệ lăng thành 1680m² để có điều kiện bảo tồn và phát huy giá trị di tích. Hiện trạng lăng quay mặt về hướng Đông Bắc, nhìn ra biển. Án ngự trước lăng là bình phong xây kiểu cuốn thư, mặt ngoài đắp nổi hình con nghê, mặt trong xây bệ thờ âm linh có mái che. Lăng thờ có cấu trúc tiền đường và hậu tẩm với kiểu thức kiến trúc cuốn vòm đặc trưng của vùng biển và khá tương

² Ở đình vòm thứ hai của lăng còn lưu lại hai chữ Hán 成泰 (Thành Thái), niên hiệu xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

³ Như: Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân Đại Tướng Quân, Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân Ông Mục tôn thần, Nam Hải Cự Tộc Ngọc lân Ông Hồ tôn thần...

đồng với kiến trúc của lăng Ông Ngư ở xã Tân Hiệp. Tiền đường làm ba gian, hệ đỡ mái theo kiểu cuốn vòm, lợp ngói âm dương, trang trí con giống đề tài tứ linh bằng nghệ thuật đắp mảnh sành rất công phu, sắc sảo. Không gian bên trong còn lưu lại tên xã hiệu làng Đại An (cũ) qua bức hoành chữ Hán: 大安 (Đại An) và câu đối chữ Hán: “Đại đức thâm niên thực mịch khai điền di hậu duệ/An cư vĩnh thế ẩm hà thực quả niệm tiền công”. Tổng cộng trong tiền đường và hậu tẩm có 6 bộ thờ xây; trong đó hậu tẩm là nơi đặt các hòm xương cốt của cá Ông được bảo quản kỹ lưỡng. Hàng năm, vào ngày 15/1 và 04/9 âm lịch, nhân dân tổ chức lễ cúng cá Ông cầu mong phù hộ bình an, đồng thời cúng bái các bậc tiền nhân đã có công khai mở làng xã, mong được mưa thuận gió hòa, được hưởng một vụ mùa bội thu, cuộc sống đủ đầy.

*** Di tích lăng Ông Cẩm Nam:**

Lăng tọa lạc ở khối Hà Trung, phường Cẩm Nam, là một trong 5 công trình tín ngưỡng nằm cạnh nhau, gồm: Lăng Ông, Miếu Ngũ Hành, Miếu Thổ Địa, Miếu Vạn Ghe bầu và Miếu Âm Linh; được nhân dân địa phương thường gọi tên là lăng Ông Năm Sờ. Đây là cụm công trình tín ngưỡng có quy mô lớn ở ấp Hà Trung thuộc xã Cẩm Phô trước đây, nay là thôn Hà Trung, phường Cẩm Nam với tổng diện tích khoanh vùng bảo vệ gần 670m². Qua các tư liệu điều tra cho biết trước đây cụm công trình này ở một vị trí khác nhưng do quá trình sạt lở bờ sông nên được dời về vị trí hiện nay và đã qua nhiều lần tu bổ. Riêng tại lăng Ông còn lưu giữ xà cò cho biết vào năm Khải Định thứ 2 (1917), nhân dân ấp Hà Trung, xã Cẩm Phô đã xây dựng lại lăng này. Sự xuất hiện của lăng Ông (cùng với đó là miếu Vạn Ghe bầu) cho thấy cư

dân ở đây từ lâu đã sự gắn bó mật thiết với môi trường sông, biển như khai thác đánh bắt thủy hải sản, mua bán bằng đường sông biển bằng các phương tiện ghe thuyền. Năm 2011, cụm công trình này đã được UBND tỉnh Quảng Nam xếp hạng di tích cấp tỉnh.

Nhìn từ đường giao thông hướng vào cụm công trình, theo chiều kim đồng hồ, lăng Ông ở vị trí thứ hai. Thần chủ được thờ ở lăng Ông là cá Ông. Lăng quay mặt tiền về hướng Bắc, cấu trúc gồm tiền đường và hậu tẩm. Tiền đường làm kiểu ba gian, hai chái, có hiên trước. Tiền đường lợp ngói âm dương, trên trang trí con giống đề tài: “*Lưỡng long tranh châu*”. Trong lăng lưu giữ một số hiện vật có giá trị: 1 xà cò gỗ, 3 bức hoành gỗ, 1 cặp liên gỗ, 1 bộ lỗ bộ và 1 ngai thờ gỗ. Tổng cộng có 04 bộ thờ xây, trong đó hậu tẩm đặt một số hòm gỗ đựng xương cốt và thờ cá Ông. Từng di tích trong cụm di tích này đều có ngày cúng tế theo lệ hàng năm, trong đó lăng Ông được cúng vào các ngày 28/2 và 20/8 âm lịch.

*** Di tích lăng Ông Cẩm Thanh:**

Lăng hiện nằm trên địa bàn thôn Thanh Nhứt, xã Cẩm Thanh, được UBND tỉnh Quảng Nam ghi vào danh mục đăng ký bảo vệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019 - 2024.

Cũng như ngư dân ở các địa phương khác, ngư dân ở làng Thanh Nhất (nay là thôn Thanh Nhất, xã Cẩm Thanh) cũng đã xây dựng lăng thờ cúng cá Ông nhằm cầu mong sự bình an mỗi khi ra khơi hành nghề. Qua thông tin điều tra cho biết lăng Ông được xây dựng vào năm 1820 với quy mô khá lớn. Đến những năm đầu thập niên 50 của thế kỷ XX, lăng bị hư hại do chiến tranh.

Năm 1992, cư dân xóm chài Vạn Lăng hợp sức làm lại lăng trên nền của lăng Ông cũ. Vào năm 2011, lăng được nhà nước tu bổ lớn định hình nên quy mô tổng thể kiến trúc như hiện nay. Lăng quay mặt tiền về hướng Đông nhìn ra biển. Tổng thể kiến trúc có bình phong và lăng thờ. Bình phong xây gắn với bệ thờ âm linh có mái che, hai bên làm 2 trụ biểu vuông, đầu trụ gắn hình búp sen. Cấu trúc lăng thờ gồm tiền đường và hậu tẩm với tổng diện tích xây dựng khoảng hơn 24m². Tiền đường chia thành 3 gian, có hiên, mái lợp ngói âm dương, bờ nóc gắn con giống đề tài “*lưỡng long tranh châu*”, các đuôi mái gắn con giống hình cá. Không gian bên trong tiền đường và hậu tẩm bố trí tổng cộng 6 bệ thờ xây, trong đó bệ thờ ở hậu tẩm đề bức hoành và cặp câu đối chữ chữ Hán thể hiện rõ thần chủ thờ tự ở đây là thần Nam Hải (*mỹ tự được phong cho cá Ông*): Bức hoành ghi: “*Nam Hải tự*”, cặp câu đối ghi: “*Nam khuyết doanh tri thủy quốc tiềm linh chương cự tộc/Hải quan trấn thủ ba lăng tịnh thiếp hộ quân sinh*”. Hàng năm vào ngày 10/2 âm lịch, cộng đồng làm nghề đi biển ở xã Cẩm Thanh, chủ yếu là thôn Vạn Lăng tề tựu về lăng tổ chức cúng cầu ngư rất linh đình.

*** Di tích lăng Tiêu Diện:** Lăng hiện tọa lạc tại khối Phước Thịnh, phường Cửa Đại, được UBND tỉnh Quảng Nam ghi vào danh mục đăng ký bảo vệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019 - 2024. Lăng còn có tên gọi khác là lăng Tứ chánh vạn. Tại đây có lăng chính thờ cá Ông và một lăng nhỏ xây trước bình phong thờ Tiêu Diện Đại Sĩ. Chưa có tài liệu xác định chính xác thời điểm xây dựng lăng. Theo thông tin điều tra hồi cổ từ các cụ cao niên địa phương thì lăng được xây dựng vào khoảng đầu thế kỷ XIX. Một thông tin điều tra hồi cổ khác

cũng cho biết rằng trước đây ở Cẩm An (*bao gồm cả địa phận phường Cửa Đại ngày nay*) có một cụm lăng Ba Sở (3 lăng thờ), trong đó có lăng Nghĩa Trung thờ âm linh và lăng thờ cá Ông. Sau đó cụm lăng này bị sạt lở không còn dấu vết gì, nhân dân chuyển sang các vị trí khác để thờ tự, trong đó thờ cá Ông đưa về lăng Tiêu Diện cho đến nay⁴, lăng Nghĩa Trung đã được chuyển sang một số nơi trước khi xây mới cố định tại vị trí hiện nay ở khối Thịnh Mỹ của phường Cẩm An vào năm 2003. Tại lăng Nghĩa Trung còn lưu giữ tấm bia đá đề 4 chữ Hán lớn là: “*Đại Phước Nghĩa Trung*” có niên đại Tự Đức năm thứ 27 (1873), tấm bia được dời về đây khi cụm lăng Ba Sở bị sạt lở. Những thông tin này cho thấy muộn nhất vào thế XIX ở đây đã có công trình xây dựng phục vụ tín ngưỡng thờ cúng cá Ông của nhân dân địa phương.

Lăng Tiêu Diện bị nhiều lần xuống cấp qua thời gian và đã được nhân dân tu bổ vào các năm 1949, 1956, 1968, 2005, đến năm 2009 tu bổ riêng lăng Tiêu Diện Đại Sĩ, năm 2016 nhà nước đầu tư kinh phí đại tu lăng chính. Lăng quay mặt tiền về hướng Đông Bắc nhìn ra biển với diện tích được khoanh vùng bảo vệ là 790m². Tổng thể kiến trúc lăng bao gồm các hạng mục xây dựng: Bình phong, lăng thờ Tiêu Diện Đại Sĩ, lăng thờ cá Ông. Bình phong làm kiểu cuốn thư, chỉ trang trí mặt ngoài hình con nghê. Liên kề bình phong là lăng thờ Tiêu Diện Đại Sĩ với diện tích xây dựng gần 5m², quay mặt vào trong lăng chính, kiến trúc kiểu 1 gian 4 mái, không gian bên trong xây bệ cao đặt tượng thờ Tiêu Diện Đại Sĩ ở giữa. Lăng chính có diện tích xây dựng

⁴ Theo thông tin điều tra hồi cổ thì lăng Ba Sở bị sạt lở vào khoảng năm 1983, như vậy cá Ông được đưa về thờ cúng tại lăng Tiêu Diện cũng vào khoảng thời gian này.

45m² với cấu trúc tiền đường và hậu tẩm. Tiền đường có hiên, mái lợp ngói âm dương, trên trang trí đề tài tứ linh bằng nghệ thuật đắp cấn đẹp mắt và gắn lại một bảng bê tông của ngôi miếu cũ trước khi tu bổ vào năm 2016, bên trong đề 3 chữ quốc ngữ: “*Tứ chánh vạn*”. Không gian bên trong tiền đường và hậu tẩm bố trí tổng cộng 6 bệ thờ xây; trong đó trước lối vào hậu tẩm đề 2 chữ Hán là “*Đại Hải*”, hai bên đề 2 câu chữ Quốc ngữ “*Đại Càn quốc gia cự tộc/Ngọc Lâm Nam Hải cự tộc*”, trong tẩm có các hòm đựng cốt cá Ông đã thể hiện rõ thần chủ thờ tự ở đây. Trong khuôn viên lăng còn có một số khu đất trống đang chôn cất nhiều hài cốt cá Ông đã được ngư dân mai táng trong thời gian qua. Hàng năm, nhân dân địa phương duy trì cúng tế cá Ông và Tiều Diện Đại Sĩ theo lệ vào ngày 16/2 và 16/8 âm lịch. Đặc biệt từ năm 2014, lễ hội cầu ngư tại lăng Tiều Diện đã được UBND thành phố Hội An đưa vào chương trình các sự kiện văn hóa - du lịch thường niên của thành phố. Từ đó đến nay, lễ hội được tổ chức trong hai ngày 16 và 17/2 âm lịch; bên cạnh lễ tế truyền thống còn có các hoạt động hát bả trạo, đua thuyền thu hút đông đảo bà con và du khách đến tham gia, thưởng lãm.

Có thể thấy các di tích liên quan đến tục thờ cúng cá Ông đều được phân bố ở các địa phương có truyền thống ngư nghiệp và hiện còn được duy trì trong hoạt động kinh tế của địa phương. Đây là giá trị văn hóa rất đặc trưng, riêng có của cộng đồng cư dân làm ngư nghiệp. Các di tích này đều có giá trị cao về mặt lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật. Về lịch sử, đó là tư liệu thực địa để nghiên cứu về quá trình hình thành, phát triển của các làng xã ở Hội An nói chung, ở các địa phương nói riêng. Về văn hóa, đó là

những giá trị văn hóa phi vật thể về lễ hội truyền thống, tập quán xã hội, trình diễn dân gian,... được bảo lưu trong đời sống văn hóa của ngư dân qua nhiều thế hệ, là chỗ dựa tinh thần, tạo ra sợi dây cổ kết cộng đồng cả trong hoạt động làm ăn cũng như tại địa bàn cư trú; trong đó lễ hội cầu ngư và hát bả trạo là những giá trị văn hóa tinh thần khá tiêu biểu, đặc trưng và hiện đang được phát huy tốt giá trị. Về kiến trúc nghệ thuật, đó là những công trình xây dựng bảo lưu được kiến trúc truyền thống, góp phần làm phong phú cho loại hình kiến trúc tín ngưỡng ở Hội An; hơn nữa mỗi công trình là những tác phẩm nghệ thuật đặc sắc cả về tổng thể lẫn từng chi tiết, trong đó dưới góc độ mỹ thuật có thể nhận thấy qua con giống, các đồ án trang trí, bài vị, vật tế tự... dưới góc độ văn học có thể nhận thấy qua các hoành phi, liễn đối. Những giá trị này gắn với các di tích đang được nhà nước và cộng đồng chăm lo quản lý, bảo tồn và phát huy trên cơ sở pháp lý quan trọng là đã được các cấp thẩm quyền xếp hạng và bảo vệ⁵. Đây là một tài nguyên văn hóa quý báu, bảo tồn và phát huy tốt sẽ góp phần xây dựng thành công thành phố Hội An theo định hướng sinh thái, văn hóa và du lịch ♦

Tài liệu tham khảo:

- Các hồ sơ di tích lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

⁵ 1 di tích được xếp hạng cấp quốc gia là lăng Ông Ngư ở xã Tân Hiệp; 2 di tích được xếp hạng cấp tỉnh là lăng Ông An Bàng ở phường Cẩm An và cụm lăng Năm Sờ, trong đó có lăng Ông ở phường Cẩm Nam; 2 di tích được đưa vào danh mục kiểm kê bảo vệ của tỉnh giai đoạn 2019-2024 là lăng Ông ở xã Cẩm Thanh và lăng Tiều Diện ở phường Cửa Đại.

TỔNG QUAN VỀ KIẾN TRÚC CÁC DI TÍCH THỜ CÚNG CÁ ÔNG Ở HỘI AN

KTS.Trần Thanh Hoàng Phúc

Ở khu vực miền Trung nói riêng, cả nước nói chung, nhiều công trình kiến trúc được xây dựng để phục vụ nhu cầu sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng của người dân. Mỗi loại hình di tích tôn giáo, tín ngưỡng có một tên gọi khác nhau, bên trong di tích có các đối tượng thờ tự riêng biệt, rõ ràng. Các loại hình di tích tín ngưỡng tiêu biểu ở Hội An gồm: đình, chùa, miếu, lăng, hội quán, văn chỉ.

Về tính chất, lăng vừa là nơi chôn cất xương cốt, vừa là nơi thờ tự. Với các làng nghề đánh bắt trên biển ở miền Trung, xuất phát từ tục thờ cúng cá Ông, khi cá Ông lụy dạt vào bờ, ngư dân tổ chức mai táng. Sau vài năm, cải táng lấy xương cốt chuyển về thờ trong một công trình kiến trúc tín ngưỡng riêng biệt, gọi là lăng Ông. Trước đây, các triều đình phong kiến Việt Nam công nhận vai trò quan trọng của cá Ông đối với ngư dân nên đã nhiều lần ban sắc phong, gia tặng mỹ tự “*Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân tôn thần*” và cho ngư dân khắp nơi lập lăng để thờ.

Ở Quảng Nam, hầu như xã phường ven biển nào có nghề đánh bắt hải sản cũng có lăng Ông. Các làng/vạn chài ở Hội An cũng không ngoại lệ. Theo Danh mục Di tích - Danh thắng Hội An xuất bản năm 2015, hiện có 05 lăng Ông đã được đưa vào Danh mục di tích/bảo vệ ở

các cấp khác nhau, đó là: lăng Ông Ngư (*Bãi Làng, Tân Hiệp*), lăng Ông (*Thanh Nhứt, Cẩm Thanh*), lăng Ông An Bàng (*An Bàng, Cẩm An*), lăng Ông Năm Sở (*Hà Trung, Cẩm Nam*) và lăng Tiêu Diện (*Phước Trạch, Cửa Đại*). Ngoài ra, còn có một số di tích tín ngưỡng khác thờ cúng cá Ông nhưng chưa được đưa vào Danh mục bảo vệ như: lăng vạn Thanh Thuận (*Thanh Nam Đông, phường Cẩm Nam*), lăng Ông Nam Hải (*Phước Tân, phường Cửa Đại*) vừa được tôn tạo thời gian gần đây, lăng Ông Tân Thành (*Tân Thành, phường Cẩm An*), ...

Về niên đại xây dựng, hầu hết lăng Ông được xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, có niên đại trên dưới 100 năm. Hiện chưa có đủ tư liệu để nhận biết chính xác lăng Ông nào có niên đại khởi dựng sớm nhất. Một số lăng xây dựng sát sông, sát biển, trải qua thời gian, nền đất bị xói lở, phải di dời lăng đến vị trí khác như lăng Ông ở Cẩm Nam, lăng thờ thần Nam Hải ở Cửa Đại. Từ khi khởi dựng đến nay, do nhiều yếu tố tác động, các lăng đều bị xuống cấp. Trải qua nhiều lần tu bổ, tôn tạo, hình thức kiến trúc, các yếu tố gốc của di tích ít nhiều bị mất đi hoặc có sự biến dạng. Mỗi địa phương lại có hình thức kiến trúc lăng không hoàn toàn giống nhau, do đó khá khó khăn trong việc nhận định, đưa ra những nét kiến trúc đặc



Lăng Ông An Bàng - Cẩm An năm 2009, ảnh: Hồng Việt

trung, riêng biệt của lăng thờ cá Ông so với các loại hình kiến trúc tín ngưỡng khác. Dưới đây là những điểm tương đồng nhất về kiến trúc lăng thờ cá Ông ở Hội An.

Cũng giống như một số loại hình kiến trúc khác, lăng có nhiều quy mô khác nhau tùy thuộc vào điều kiện của từng địa phương. Qua khảo sát, các lăng được xây cất gần vịnh, hoặc nằm giữa khu vực dân cư sinh sống và không theo một hướng cố định nào, tùy vào vị thế khu đất mà có các hướng khác nhau. Có lăng nằm sâu trong nội địa như lăng Ông ở Cẩm Nam. Với các lăng xây dựng gần biển, mặt tiền lăng luôn được xây hướng ra phía biển. Lăng có khuôn viên độc lập, một số ít lăng nằm chung khuôn viên với các công trình tín ngưỡng khác như: lăng Ông ở phường Cẩm Nam (trong khuôn viên gồm 5 di tích xây cạnh nhau: lăng Ông, miếu Thổ thần, miếu Ngũ hành, miếu Âm linh, miếu các Vạn ghe bầu), lăng vịnh Thanh Thuận (nằm cạnh đình Tiền hiền Thanh Nam, phường Cẩm Nam), lăng Ông ở phường Cửa Đại (trong khuôn viên còn có miếu thờ Tiêu

Diện Đại sĩ Diệm Khẩu Quỷ vương). Tuy nhiên, qua tư liệu, có thể thấy rằng trước đây người dân xây dựng một số lăng Ông nằm trong cụm công trình kiến trúc tín ngưỡng có quy mô lớn, là điểm sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng quan trọng của các cư dân vịnh chài. Như vị trí tọa lạc lăng Ông ở Cẩm Thanh hiện nay, trước đây có 4 công trình tín ngưỡng xây cạnh nhau: lăng Ông, miếu Thổ thần, miếu Ngũ hành,

miếu Âm linh, trong đó lăng Ông là di tích có quy mô lớn nhất. Khu di tích đã bị hủy hoại trong chiến tranh. Do kinh tế khó khăn, chỉ đến năm 1992 mới phục dựng lại lăng Ông trên nền móng hậu tẩm của lăng Ông cũ. Tương tự, theo thông tin hồi cố, trước đây ở Cẩm An (gồm cả phường Cửa Đại hiện nay) có cụm lăng Ba Sở (trong đó có lăng thờ cá Ông) nằm ở gần biển bị sạt lở. Sau đó, lăng được người dân địa phương chuyển về thờ chung tại lăng Tiêu Diện cho tới hiện nay. Lăng Năm Sở được nhắc đến ở đây có thể là một cụm gồm 5 công trình tín ngưỡng, tương tự như cụm lăng Năm Sở tại phường Cẩm Nam.

Nhìn chung, mặt bằng tổng thể của lăng Ông gồm: bình phong, sân trước, lăng thờ và tường rào, cổng ngõ bảo vệ. Các hạng mục này được bố cục đăng đối để tạo sự tôn kính, uy nghiêm. Hầu hết lăng có khuôn viên rộng, thoáng đãng.

Bình phong án ngữ ở chính giữa, phía trước lăng, là vật che chắn theo quan niệm về phong thủy, dùng để ngăn chặn tà khí từ các hướng xấu hoặc từ các

vật lạ đặt phía trước chiếu vào. Bình phong thường có dạng cuốn thư, một số ít có mái che giống hình thức khám thờ (lăng Ông ở Cẩm Thanh, lăng Ông Tân Thành). Mặt trước thường đắp linh vật (long mã, hổ¹), mặt sau xây bệ thờ Âm linh (陰靈), riêng mặt sau bình phong lăng Ông ở Cẩm Thanh có đắp nổi hai chữ²: 高望 (Cao vọng - từ mang ý nghĩa cát tường, tỏ ý tôn trọng những người ở trên, tức đã mất). Việc thờ cúng âm linh nhằm mong âm hồn đừng quấy phá và tạo điều kiện thuận lợi cho công việc làm ăn buôn bán, cầu an, cầu mùa, cầu mong xừ sở, xóm làng được bình yên. Chỉ có phía sau bình phong lăng Ông Ngự ở Tân Hiệp là không thờ Âm linh mà đắp nổi đồ án “Thần Ngự hí nguyệt” (Cá thần vui với trăng).

¹ Ở mặt trước bình phong lăng Ông Năm Sờ (phường Cẩm Nam), lăng Tiêu Diện (phường Cửa Đại) và lăng Ông Tân Thành (phường Cẩm An) có đắp nổi hình hổ. Hổ đứng hàng thứ ba trong 12 con giáp. Theo Nguyễn Hữu Thông (2001), *Mỹ thuật Huế nhìn từ góc độ ý nghĩa và biểu tượng trang trí*, Nxb. Thuận Hóa: “Hổ đứng trong hàng ngũ những vị vua của các loài dã thú. Hình tượng con hổ là một trong những con vật chứa đựng nhiều sự ẩn dụ hơn bất cứ con dã thú nào khác. Với người phương Bắc, nó biểu tượng cho quyền uy, chất dũng mãnh của những chiến binh trận mạc.... Trong đạo Phật, hình ảnh con hổ tượng trưng cho sức mạnh của niềm tin, của sự chiến thắng các trở ngại trên con đường tu chứng”. Hiện chưa rõ vì sao hình tượng hổ được chọn để trang trí mặt trước bình phong lăng Ông, nơi gần sông nước, biển đảo, liên quan đến văn hóa biển. Theo *Lý lịch di tích Lăng Ông Ngự, xã Tân Hiệp* do NNC. Tổng Quốc Hưng lập năm 2006: “Cách lăng 7m về phía trước có bình phong dạng cuốn thư, mặt trước đắp nổi hình hổ, mặt sau đắp hình cá chép uốn lượn uyển chuyển”. Qua đối chiếu ảnh tư liệu di tích năm 2009, do bị bong tróc, mất chi tiết nên đồ án trang trí không thật sự rõ nét nhưng có thể đoán định là “long mã”. Đồ án trang trí mặt trước bình phong hiện nay là “long mã”.

² Chữ Vọng (望) có lẽ do bị thợ sau nhiều lần tu sửa đã làm mất nét nên hiện nay có dạng gần giống chữ Thánh (聖) hoặc chữ Lí (里).

Qua bình phong là khoảng sân rộng, thoáng, ít hoặc không có trồng cây xanh. Tại lăng hằng năm tổ chức lễ tế “xuân thu nhị kỳ”, thường kết hợp lễ cầu ngư với lễ tế xuân. Ngày này trở thành ngày hội lớn của cư dân làng vạn, được đặc biệt coi trọng, xem là đại lễ. Cùng lễ tế, các trò chơi thể thao miền biển như đua ghe, lắc thúng chai,... cũng được tổ chức linh đình, tập trung rất đông người. Do đó, khoảng sân (giữa bình phong và lăng thờ) phải có diện tích đủ lớn để đảm bảo không gian tổ chức các sự kiện này, không có cây cối gây vướng víu khi cần dựng rạp có mái che.

Lăng thờ nằm về phía cuối khu đất, thường có quy mô vừa và nhỏ. Mặc dù có kích thước, quy mô khác nhau, song các lăng đều có mặt bằng hình chữ Đinh (丁) tạo thành tiền đình và hậu tẩm.

Tiền đình có kiểu thức nhà 3 gian, gian giữa thường rộng hơn hai gian bên do gian này nối liền với hậu tẩm là nơi thờ tự chính. Với các lăng sát biển (lăng Ông Ngự Tân Hiệp, lăng Ông An Bàng), thường chịu tác động mạnh từ gió bão, lăng được xây dựng hoàn toàn bằng gạch và vữa vôi theo kiểu cuốn vòm (đổ bê tông vữa vôi cốt tre, bên trên xây gạch tạo độ dốc mái) nhiều nhịp với tường dày, cột gạch lớn tạo không gian nội thất sâu hun hút và thêm phần linh thiêng. Kiểu thức xây dựng này không chỉ dùng cho lăng mà còn cho các công trình tín ngưỡng khác xây dựng gần biển. Với các lăng có đòn tay gỗ đỡ mái (thường có quy mô nhỏ hơn lăng xây kiểu cuốn vòm nêu trên), nằm giữa các vạn thì tường gạch bao che, chịu lực có tiết diện mỏng hơn. Dù không có cột gạch, gỗ chống đỡ,

phân chia không gian nhưng qua cách bài trí nội thất, hệ kèo trính đỡ mái vẫn gọi kiến trúc nhà 3 gian rất rõ nét. Tuy nhiên, hệ kèo trính lại có hình thức rất đơn giản, không chạm trổ cầu kỳ giống như trong các công trình tín ngưỡng khác (đình, miếu,...). Phía trước tiền đình có hiên (trừ lăng Ông Ngự Tân Hiệp). Ngăn cách giữa không gian bên ngoài và nội thất lăng là các bộ cửa gỗ thượng song hạ bản. Chỉ riêng tiền đình lăng Ông An Bàng có không gian “mở” hoàn toàn, không lắp dựng cửa đi.

Hậu tẩm chỉ có một gian, là nơi thờ ông Nam Hải và đặt các hòm xương cá Ông. Hậu tẩm ngăn cách với tiền đình bằng bộ cửa thượng song hạ bản. Với lăng có mái xây kiểu cuốn vòm, nóc hậu tẩm hơi thấp hơn nóc tiền đình. Ngược lại, với lăng có kèo trính gỗ đỡ hệ mái, nóc hậu tẩm lại cao hơn nóc tiền đình.

Ở lăng Ông, việc bố trí không gian thờ tự trong di tích rất trang nghiêm, hệ thống bàn thờ được trang trí rực rỡ, nhiều hoành phi, liễn đối có giá trị. Trước hậu tẩm có hương án bằng gạch dùng để bày lễ vật hiến cúng trong các ngày lễ tế. Hai gian bên thờ tả ban, hữu ban liệt vị, Quang Tiền (光 前), Dụ Hậu (裕 後) để tôn vinh các bậc Tiên hiền, Hậu hiền, hay các chữ mang ý nghĩa cát tường như Phúc, Thọ, Phước Hải, Thọ Sơn. Ở lăng Ông An Bàng và lăng Tiêu

Diện, tả ban, hữu ban được thờ trong hậu tẩm, ở hai bên bàn thờ chính. Bàn thờ chính ở hậu tẩm không có tượng mà chỉ thờ chữ Thần (神). Hậu tẩm lăng Ông Tân Thành có hai chữ “Ngọc Lân” (玉 麟). Riêng hậu tẩm lăng Ông Ngự Tân Hiệp, lăng Ông An Bàng là không có thờ tự, chỉ là nơi đặt các hòm xương cá Ông. Tuy nhiên, trên bệ thờ trước hậu tẩm lăng Ông Ngự có đến 13 bài vị sơn son thiếp vàng bằng gỗ khắc các thần hiệu của cá Ông.



Di tích lăng Ông Ngự ở Cù Lao Chàm năm 2012, ảnh: Hồng Việt

Trang trí ngoại thất lăng cũng được chú trọng không kém phần nội thất. Mái được lợp ngói âm dương, đuôi mỗi vòng ngói gắn đĩa sứ cang tăng phần thẩm mỹ. Bờ nóc, bờ chảy

trang trí các con vật trong bộ tứ linh, hoa dây, quy thư, đề tài lưỡng long tranh châu... rất sinh động, kết hợp với mái ngói rêu phong làm nên sự cổ kính của hệ mái và công trình.

Trong các chi tiết trang trí ở lăng, ít nhiều đồ án có liên quan đến đề tài sông nước như: Thần ngư hí nguyệt, long ngư hí thủy, lý ngư hóa long... được đắp, tô vẽ ở bình phong, bờ chảy mái trước tiền đình, quần bàn hương án, các bàn thờ hay ở giá kinh. Hay quần bàn ở bàn thờ hai bên tả hữu ở lăng Ông An Bàng vẽ hình cá voi, liên quan trực tiếp đến đối tượng được thờ tự trong lăng. Các hòm

gỗ dựng xương cá Ông cũng được sơn son, chạm khắc tỉ mỉ để tỏ lòng tôn kính, đặt trang trọng trong hậu tẩm. Cửa hậu tẩm thường xuyên đóng kín, không gian u trầm cùng làn khói hương huyền ảo... tất cả tạo nên không khí linh thiêng ở lăng Ông.

Như vậy, có thể nói lăng Ông là điểm sinh hoạt tín ngưỡng quan trọng, là biểu tượng của các làng vạn chài. *“Về chức năng thế tục, lăng Ông là nơi sinh hoạt nghề nghiệp, đồng thời cũng là nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng, đãi đằng khách trong lễ tế thần. Rõ ràng lăng Ông đã mang dáng vẻ, tính chất như một ngôi đình. Nếu cư dân trồng lúa có đình làng là biểu tượng của làng xã thì cư dân làm nghề biển cũng có biểu tượng của làng vạn là lăng Ông. Nếu ở đình làng, chủ thần là Thành hoàng, vị thần ban phúc cho dân làng thì ở làng vạn, chủ thần là cá Ông - ông Nam Hải - vị thần nắm giữ bản mệnh, bảo trợ cho dân vạn chài”*³.

Có một hiện tượng khá phổ biến, xảy ra ở nhiều địa phương tại Hội An nhưng mức độ nhiều hơn cả ở những vùng có liên quan đến nghề đánh bắt sông nước, làng chài, có tục thờ cá Ông như Cẩm An, Tân Hiệp, đó là việc gọi “miếu” thờ Thần (*không phải thần Nam Hải*) là “lăng”. Mỗi xóm, ấp đều có xây dựng miếu gắn với tín ngưỡng của cư dân địa phương với quy mô khác nhau, nhưng có một bộ phận người dân thường gọi là lăng, điều này rất dễ gây nhầm lẫn. Như lăng Ông ở xã Cẩm Kim, đây là nơi

thờ Cao Các Đại Vương, được người Việt thờ cúng xem như một trong những vị thần bảo hộ của làng xóm. Trong di tích còn phối thờ các vị Thủy Tinh Thần Nữ, Thủy Long Thánh Nương, Ngũ Hành Tiên Nương. Rõ ràng phải gọi di tích này là miếu, nhưng tên gọi trong dân gian lâu nay lại là “lăng Ông”.

Tóm lại, lăng Ông ở Hội An mang giá trị riêng về nghệ thuật kiến trúc và phản ánh giá trị riêng về văn hóa của cộng đồng. Đây là thiết chế văn hóa tín ngưỡng vô cùng quan trọng đối với cư dân vạn chài, làm nghề đánh bắt trên biển, là nơi thờ cúng đồng thời là nơi diễn ra các sinh hoạt văn hóa truyền thống. Trong di sản kiến trúc Hội An, so với các loại hình di tích tín ngưỡng khác, lăng thờ cá Ông chiếm số lượng khá khiêm tốn song vẫn còn bảo tồn được nhiều yếu tố mỹ - kỹ thuật, là nguồn dữ liệu quan trọng để nghiên cứu về lĩnh vực kiến trúc truyền thống, góp phần làm phong phú, đa dạng các loại hình kiến trúc nghệ thuật địa phương ♦

*** Tài liệu tham khảo:**

1. UBND thành phố Hội An (2015), *Di tích - Danh thắng Hội An*, Nxb Đà Nẵng.
2. Nguyễn Xuân Hương, *Tục thờ cá Ông của dân vùng biển Quảng Nam - Đà Nẵng*, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật.
3. Hồ sơ các di tích thờ cá Ông trên địa bàn Thành phố, Tài liệu lưu trữ của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản văn hóa Hội An.

³ Nguyễn Xuân Hương, *Tục thờ cá Ông của dân vùng biển Quảng Nam - Đà Nẵng*, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật.

ĐỀ TÀI, CHI TIẾT TRANG TRÍ TẠI CÁC DI TÍCH THỜ CÚNG CÁ ÔNG Ở HỘI AN

CN. Trần Phương

Hội An là một vùng đất nằm ở vị trí cửa sông - ven biển với nhiều địa phương có địa giới tiếp giáp sông nước, biển cả. Theo đó, nhiều nơi đời sống mưu sinh của nhân dân gắn liền với biển cả đầy thách thức, hiểm nguy. Trong quá trình mưu sinh, cộng đồng ngư dân đã hình thành một số hình thức văn hóa tín ngưỡng gắn liền với biển cả, trong đó có tín ngưỡng thờ cúng cá Ông. Cá Ông là một loài cá sinh sống trên biển, ngư dân đi biển khi gặp sóng to, gió lớn thường được loài cá này cứu giúp, do đó được triều đình nhà Nguyễn nhiều lần sắc phong thần, ngư dân lập lăng thờ phụng, đặc biệt là khi cá Ông lụy (*chết*) trôi dạt vào địa phận của làng nào thì làng đó sẽ tổ chức an táng cho cá Ông, sau đó sẽ thỉnh hài cốt vào thờ tự trong lăng. Theo Danh mục Di tích - Danh thắng Hội An ban hành năm 2015, trên địa bàn thành phố Hội An hiện nay có 05 lăng thờ cá Ông được ghi vào Danh mục Di tích với các cấp xếp hạng khác nhau: lăng Ông Ngư ở thôn Bãi Làng, xã Tân Hiệp (*di tích cấp quốc gia*); lăng Ông ở khối An Bàng, phường Cẩm An (*di tích cấp tỉnh*); lăng Ông ở khối Hà Trung, phường Cẩm Nam (*di tích cấp tỉnh*); lăng Ông ở thôn Thanh Nhút, xã Cẩm Thanh (*danh mục bảo vệ của tỉnh*); lăng Tiêu Diện ở khối Phước Hải, phường Cửa Đại (*danh mục bảo vệ của tỉnh*). Hầu hết các di tích này được xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, trải qua thời gian

với nhiều yếu tố tác động, các lăng đã có sự thay đổi về hình thức kiến trúc, đề tài trang trí đã không còn nguyên gốc. Trong bài viết này xin giới thiệu về những đề tài, chi tiết trang trí tại các di tích thờ cúng cá Ông ở Hội An hiện nay.

Trong các di tích thờ cúng cá Ông ở Hội An hiện nay, ngoài di tích lăng Ông thuộc cụm di tích Khu lăng Năm Sờ ở phường Cẩm Nam thì các di tích còn lại đều có hạng mục tường rào, cổng ngõ. Hạng mục tường rào, cổng ngõ ở các di tích này có quy mô nhỏ, chi tiết trang trí đơn giản, tập trung ở cổng. Cổng gồm hai trụ tiết diện vuông, trên đỉnh trụ gắn chi tiết trang trí hình tượng hoa sen bằng chất liệu vữa (*lăng Ông An Bàng, lăng Ông Cẩm Thanh, lăng Ông Ngư*), hay bằng sứ (*lăng Tiêu Diện*); riêng lăng Ông An Bàng ngoài hai trụ cổng chính thì hai bên còn bố trí thêm hai trụ bên trên trang trí tượng con Lân được khảm sành sứ.

Án ngữ trước các lăng thờ đều có một bức bình phong, các bình phong này nhìn chung có cùng kiểu dáng hình cuốn thư, xây bằng gạch, tô trát vữa. Hầu hết mặt trước các bình phong đều được trang trí đề tài linh vật (*trừ lăng Ông Cẩm Thanh không trang trí*). Bình phong lăng Ông An Bàng và lăng Ông Ngư cùng trang trí đề tài “*Long mã phụ hà đồ*”, tuy nhiên tạo hình không giống nhau, trong khi đề tài “*Long mã phụ hà đồ*” tại bình

phong lăng Ông Ngư được khảm bằng các mảnh sành sứ thì tại lăng Ông An Bàng được đắp nổi bằng vữa, quét vôi màu. Tại di tích lăng Ông Cẩm Nam và lăng Tiêu Diện sử dụng đề tài hồ để trang trí tại mặt trước bình phong. Nghệ thuật tạo hình đối với đề tài này không theo một khuôn mẫu nhất định, như hình tượng hồ trên bình phong lăng Ông Cẩm Nam có tư thế hướng về phía Tây, xung quanh đắp nổi hình tượng cây cối theo kiểu cách điệu, đơn giản, trên bề mặt ngoài hai trụ bình phong đắp nổi câu đối chữ Hán; trong khi đó hình tượng hồ trên bình phong lăng Tiêu Diện có tư thế hướng về phía Đông, đầu lại ngoảnh về phía Tây, xung quanh đắp nổi hình tượng cây cối khá sinh động, bên dưới vẽ chi tiết trang trí dây lá, hai cạnh bên đắp nổi chi tiết hồi văn, bề mặt ngoài hai trụ không trang trí. Đối với bình phong có trụ biểu hai bên, trên đầu trụ biểu đều được gắn hình tượng hoa sen (lăng Ông Cẩm Thanh, lăng Ông Cẩm Nam). Mặt trong bình phong có hai trường hợp xây bệ thờ có mái che (lăng Ông An Bàng, lăng Ông Cẩm Thanh), trên tường mặt sau thường đắp nổi chữ Hán, tại lăng Ông Cẩm Thanh đắp nổi hai chữ Hán: 高望 (Cao vọng), trên cổ lầu hướng vào lăng đề 4 chữ Hán: 臺靈婺寶 (Đài linh vụ bảo); tại lăng Ông An Bàng đắp nổi hai chữ Hán: 陰靈 (Ám linh). Hình thức mái che lăng Ông Cẩm Thanh kiểu khám thờ, đúc bằng xi măng, mái đắp giả ngói âm dương, bờ nóc gắn chi tiết trang trí dây lá, quả châu, đầu bờ chảy gắn chi tiết cuộn mây, trên thân hai trụ trước đắp nổi hình tượng rồng cuộn quanh thân trụ, các ban thờ đơn giản, không có chi tiết trang trí. Hình thức mái che bình phong lăng Ông An Bàng đơn giản, chỉ gồm một tấm đan bê tông và hai trụ đỡ tiết diện

tròn, các ban thờ không có chi tiết trang trí. Mặt trong bình phong lăng Ông Ngư ở Tân Hiệp được trang trí các đề tài giàu giá trị nghệ thuật: chính giữa khảm các mảnh sứ tạo hình tượng cá trong tư thế tung lên khỏi mặt nước, đầu hướng lên trên, hai bên trang trí đối xứng đồ án “Đông bình Tây quả”, nền trang trí các chữ 卍 (Vạn) cách điệu, phần trên cùng trang trí thêm mảng các họa tiết đám mây mềm mại.

Hạng mục lăng thờ đa số có quy mô vừa và nhỏ, kích thước không giống nhau nhưng có cùng mặt bằng hình chữ 丁 (Đinh), kết cấu gồm tiền đường và hậu tẩm. Mặt tiền lăng thờ thường trang trí đơn giản, có hai di tích đắp nổi cặp câu đối chữ Hán trên bề mặt hai trụ hiên (lăng Ông Cẩm Nam, lăng Ông Cẩm Thanh), riêng mặt tiền lăng Ông An Bàng không trang trí các cặp câu đối chữ Hán nhưng được trang trí công phu và giàu giá trị thẩm mỹ thông qua hình tượng các bình hoa, dây lá (các chi tiết trang trí này được tạo hình bằng hình thức đắp nổi bằng chất liệu vữa, quét vôi màu). Trên tường lối vào chính diện lăng thờ thường để trống, riêng tại di tích lăng Ông Cẩm Thanh có trang trí bức hoành được đắp nổi bằng chất liệu vữa, có dạng cuốn thư, bề mặt đắp nổi các chữ Hán: 宇宙回春 (Vũ trụ hồi xuân).

Hệ mái các lăng thờ là hạng mục được trang trí công phu và có tính chung nhất thông qua các đề tài trang trí. Hầu hết hệ mái các lăng thờ đều trang trí các đề tài thuộc “Tứ linh” (long, lân, quy, phụng) đồng thời kết hợp chi tiết quả châu, hoa dây ở vị trí trung tâm tạo sự đối xứng, cân đối giữa các đồ án. Các đồ án này được nghệ nhân tạo tác công phu

thông qua hình thức đắp nổi, khảm các mảnh sành sứ đa dạng màu sắc lên bề mặt các chi tiết tạo sự mềm mại cho chủ thể. Tại vị trí diềm bờ nóc mái lăng Ông Ngự (*Tân Hiệp*) có trang trí các chi tiết khá đặc trưng của địa phương thông qua nghệ thuật đắp nổi, vẽ màu các hình tượng sóng biển và chim yến, hoa quả kết hợp. Hệ mái tại di tích lăng Ông Cẩm Thanh được trang trí đơn giản, khác biệt so với các lăng khác thông qua đề tài “*Lưỡng long tranh châu*” ở trên bờ nóc chính điện, đầu bờ chày trang trí đề tài “*Lý ngư hóa long*”, các đề tài này được tạo hình bằng chất liệu vữa.



Trang trí hệ mái lăng Ông An Bàng - Cẩm An, ảnh: Hồng Việt

Bên trong tiền đường các lăng thờ đều bố trí 03 bàn thờ, gồm: 01 bàn thờ ở gian chính giữa, hai bàn thờ sát tường hai bên gian tả hữu. Trong đó, bàn thờ gian chính giữa thường là bàn hương án, thờ hội đồng, riêng lăng Ông Ngự thì bàn thờ này là nơi đặt các bài vị cá Ông. Đề tài trang trí bàn thờ này tập trung tại quần bàn, các đề tài trang trí khá đa dạng, không theo một khuôn mẫu nào, cụ thể:

- Lăng Ông Ngự: chính giữa quần bàn trang trí đề tài “*Long vân*”, hai cạnh ngoài trang trí đề tài “*Phụng vũ*”, hai cạnh trên cùng trang trí chi tiết hồi văn kết hợp dây lá.

- Lăng Ông Cẩm Thanh: chính giữa quần bàn trang trí đề tài “*Long ngư hý thủy*”, bốn góc trang trí đề tài đôi cách điệu, diềm trên trang trí đề tài dây lá.

- Lăng Tiêu Diện: chính giữa quần bàn trang trí đề tài hồ.

- Lăng Ông An Bàng: chính giữa quần bàn trang trí đề “*Long vân*”, viền trên trang trí đồ án thuộc bát bửu (2 *cây bút*).

- Lăng Ông Cẩm Nam: chính giữa quần bàn trang trí đề tài “*Long ngư hý thủy*”.

Bàn thờ gian tả/hữu thường thờ tả ban/hữu ban (*lăng Ông Cẩm Nam*), Phước hải/Thọ sơn (*lăng Ông Ngự, lăng Ông Cẩm Thanh*), Phúc/ Thọ (*lăng Ông Tiêu Diện*), Quang tiên/Dụ hậu (*lăng Ông An Bàng*); các đề tài trang trí tại các bàn thờ này cũng khá đa dạng, không trùng lặp, cụ thể:

- Lăng Ông Cẩm Nam:

Bàn thờ gian tả: trên tường viết chữ 左班 (*tả ban*), bên trên trang trí đề tài “*Tùng lộc*”, quần bàn trang trí đề tài “*Phụng vũ*”, hai cạnh trên vẽ đề tài con doi, diềm trên cùng trang trí đề tài thuộc bát bửu (*quyển sách*).

Bàn thờ gian hữu: trên tường viết chữ 右班 (*hữu ban*), bên trên trang trí đề tài “*tùng lộc*”, chính giữa quần bàn trang trí đề tài “*Phụng vũ*”, hai cạnh trên

vẽ đề tài con doi, diềm trên cùng trang trí đề tài thuộc bát bửu (*quyển sách*).

- Lãng Tiêu Diện:

Bàn thờ gian tả: trên tường viết chữ 福 (*Phúc*), hai bên viết cặp câu đối chữ Hán, bên trên trang trí đề tài “*Tùng lộc*”, quần bàn trang trí đề tài “*Phụng vũ*”, bốn góc trang trí chi tiết dây lá.

Bàn thờ gian hữu: trên tường viết chữ 壽 (*Thọ*), hai bên viết cặp câu đối chữ Hán, bên trên trang trí tranh phong cảnh với đề tài làng chài biển và núi non, quần bàn trang trí đề tài “*Phụng vũ*”, bốn góc trang trí chi tiết dây lá cách điệu.

- Lãng Ông Cẩm Thanh:

Bàn thờ gian tả: trên tường vẽ khám thờ, chính giữa viết hai chữ Hán: 福海 (*Phước Hải*), hai bên viết cặp câu đối chữ Hán, trán khám thờ trang trí đề tài “*Lưỡng long tranh châu*” theo kiểu thức hóa (*dây lá hóa long*). Chính giữa quần bàn trang trí đề tài “*Phụng vũ*”, bốn góc trang trí chi tiết dây lá, hai mảng hai bên đối xứng nhau qua đề tài “*Phụng vũ*” là đề tài hoa cúc (*bên trái*) và đề tài quả đào (*bên phải*).

Bàn thờ gian hữu: trên tường vẽ khám thờ, chính giữa viết hai chữ Hán: 壽山 (*Thọ Sơn*), quần bàn trang trí các đề tài giống quần bàn bàn thờ gian tả.

Trong số các lăng Ông đề cập trong bài viết này, chỉ có tại tiền đường di tích lăng Ông Cẩm Thanh bố trí đến 4 bộ thờ ở hai gian tả/hữu, ngoài hai bàn thờ Phước Hải/Thọ Sơn thì tại sát tường biên gian tả bố trí một bộ thờ, trên tường vẽ một khám thờ hình thức trang trí đơn giản giống như một bài vị (*phần chân trang trí kiểu chân quỳ*), chính giữa viết

các chữ Hán: 前往英靈 (*Tiên vãng anh linh*); bộ thờ bên gian hữu trang trí giống bàn thờ bên gian tả nhưng đề các chữ Hán là: 後往英靈 (*Hậu vãng anh linh*).

- Lãng Ông An Bàng:

Bàn thờ gian tả: trên tường viết chữ: 光前 (*Quang tiền*), viền trên trang trí đề tài thuộc bát bửu (*cuốn thư*), viền hai bên trang trí đề tài thuộc chủ đề “*tứ thời*” thông qua hình tượng cây hoa mai ở bên trái (*tượng trưng cho mùa xuân*), hoa lan ở bên phải (*tượng trưng cho mùa hạ*), quần bàn trang trí hình tượng con cá và sóng biển.

Bàn thờ gian hữu: trên tường viết chữ: 裕後 (*Dụ hậu*), viền trên trang trí đề tài thuộc bát bửu (*bình hồ lô*), viền hai bên trang trí đề tài thuộc chủ đề “*tứ thời*” thông qua hình tượng hoa cúc ở bên tả (*tượng trưng cho mùa thu*), cây trúc ở bên hữu (*tượng trưng cho mùa đông*), quần bàn trang trí giống quần bàn bàn thờ gian tả.

- Lãng Ông Ngự:

Bàn thờ gian tả: sát tường có xây khám thờ bằng xi măng, chính giữa khám sứ hai chữ 福海 (*Phước Hải*), xung quanh trang trí các cụm mây. Trán khám thờ trang trí đề tài “*Lưỡng long tranh châu*”, hình tượng rồng được thể hiện theo kiểu thức hóa (*dây lá hóa long*). Viền trên khám thờ chia thành 5 ô nhỏ, ô chính giữa trang trí đề tài thuộc bát bửu (*cây bút và cuốn thư*), hai ô hai bên trang trí đối xứng đề tài hoa cúc, hai ô hai bên ngoài cùng trang trí đề tài rồng lá kết hợp hình tượng quả đào và rồng lá kết hợp hình tượng quả lựu. Hai viền hai bên chia thành hai mảng trang trí, phần

trên trang trí đề tài “*Đông bình Tây quả*”, phần dưới trang trí hình tượng bông hoa 8 cánh, ô dưới cùng đắp nổi hình hoa thị 4 cánh. Quần bàn trang trí đề tài “*Phụng vũ*”, viền phía trên trang trí đề tài hoa dây (*sử dụng hình tượng hoa cúc làm chủ đạo, một bông hoa cúc lớn ở vị trí trung tâm và hai bông hoa cúc nhỏ đối xứng hai bên*).

Bàn thờ gian hữu: có hình thức trang trí giống bàn thờ gian tả, chỉ khác hai điểm đó là chính giữa khám thờ khảm sứ hai chữ Hán: 壽山 (*Thọ Sơn*), ô chính giữa viền trên trang trí đề tài bát bửu (*bình hồ lô*).

Trong số các di tích lăng Ông, lăng Ông An Bàng và lăng Ông Ngư là hai di tích có quy mô lớn, được xây dựng hoàn toàn bằng gạch và vữa vôi theo kiểu cuốn vòm, có nhiều cột gạch lớn ở tiền đường. Trong đó, trên bề mặt cuốn vòm di tích lăng Ông An Bàng được trang trí nhiều đề tài đặc sắc: tại vị trí trên cuốn vòm gian giữa lòng nhất trang trí hình tượng hai con dơi châu cụm mây theo hình thức đắp nổi, tại vị trí mỗi góc trên cuốn vòm cả 3 gian thuộc lòng nhì cùng đắp nổi đề tài “*dây lá hóa long*”, tại vị trí trên cuốn vòm gian giữa lòng ba vẽ bức hoành đề hai chữ Hán: 大安 (*Đại An*), hai cạnh tường hai bên đắp nổi cặp liên đối đề chữ Hán.

Trên bề mặt tường trước lối vào hậu tẩm các lăng đều trang trí một bức hoành dạng cuốn thư đề các chữ Hán với nội dung và chất liệu khác nhau (*đá số đắp nổi bằng vữa, riêng lăng Ông Cẩm Nam bằng chất liệu gỗ*), hai bên cạnh tường đắp nổi cặp liên đối chữ Hán, trên đầu mỗi bức liên thường trang trí hình tượng con dơi theo hình thức đắp nổi.

Hậu tẩm các di tích lăng Ông có kết cấu một gian, chức năng và trang trí không đồng nhất, có 02 trường hợp hậu tẩm chỉ để thờ Thần (*lăng Tiêu Diện, lăng Ông Cẩm Thanh*), có 02 trường hợp chỉ để hòm đựng xương cá Ông mà không có các chi tiết trang trí (*lăng Ông An Bàng, lăng Ông Ngư*), và trường hợp lăng Ông Cẩm Nam là sự kết hợp giữa không gian thờ Thần và hòm đựng xương cá Ông, cụ thể:

- Lăng Tiêu Diện: Hậu tẩm bố trí 03 bàn thờ liên kết nhau, trong đó bàn thờ chính giữa có kích thước lớn nhất, sát tường xây một khám thờ bằng xi măng, chính giữa khám viết chữ Hán: 神 (*Thần*), nền vẽ các cụm mây, hai góc trên vẽ cặp chim phụng trong tư thế châu nhau; viền trên của khám thờ chia thành 3 mảng nhỏ, trong đó mảng chính giữa viết các chữ Hán: 祭如在 (*Tế như tại*), hai mảng hai bên cùng trang trí một chủ đề tranh phong cảnh đề tài “*Tùng hạc*”; viền hai bên trang trí đối xứng nhau, mỗi viền chia thành 3 mảng, chính giữa viết cặp câu đối chữ Hán, các mảng còn lại cùng trang trí đề tài hình quả đào. Trán khám thờ đắp nổi dạng hình cuốn thư, trang trí nhiều đề tài giàu tính thẩm mỹ, chính giữa trang trí đề tài “*Lưỡng long tranh châu*” (*rồng được thể hiện theo kiểu thức “dây lá hóa long”*), bên dưới hình tượng quả châu trang trí đề tài con dơi, hai mảng hai bên trang trí đề tài hoa lá, hai bên ngoài cùng của cuốn thư được tạo hình hai ngọn bút lông, phần cuốn thư bao quanh thân bút được vẽ chi tiết trang trí chữ 卍 (*Vạn*) cách điệu, ngoài cùng hai bên cuốn thư trang trí đối xứng đề tài hình con dơi cách điệu. Chính giữa quần bàn bàn thờ trang trí đề tài “*Long ngư hý thủy*”, hai góc trên trang trí đề tài quả đào (*2 quả đào*). Hai bàn thờ hai bên

thờ tả ban và hữu ban, trên tường bàn thờ gian tả viết chữ Hán: 左班 (*tả ban*), trên tường bàn thờ gian hữu viết chữ Hán: 右班 (*hữu ban*).

- Lăng Ông Cẩm Thanh: Bên trong hậu tẩm bố trí một bàn thờ xây bằng gạch, sát tường trên bàn thờ vẽ một khám thờ trang trí đơn giản, chính giữa khám thờ khảm sành sứ chữ Hán: 神 (*Thần*), hai bên tường khám thờ vẽ đề tài các cụm mây. Chính giữa quần bàn trang trí đề tài với hình tượng trung tâm là quả lựu (*02 quả*) xung quanh là hình tượng 05 con dơi (*ngũ phúc*), bốn góc quần bàn trang trí chi tiết hồi văn, dây lá. Viên trên cùng trang trí chi tiết dây lá đối xứng.

- Lăng Ông Cẩm Nam: Bên trong hậu tẩm bố trí một bàn thờ xây bằng gạch, sát tường trên bệ thờ xây khám thờ, tại bàn thờ này đặt một số hòm bằng gỗ đựng xương cốt cá Ông và một ngai thờ bằng gỗ được tạo hình giàu giá trị thẩm mỹ. Chính giữa khám thờ khảm sành sứ chữ Hán: 神 (*Thần*), hai góc trên vẽ đề tài dơi, hai viên bên đắp nổi cặp câu đối chữ Hán, viên trên chính giữa bố trí một mảng hình chữ nhật trong đó vị trí chính giữa đắp nổi chữ: 壽 (*Thọ*) tròn, hai bên trang trí đề tài thuộc bát bửu (*bên trái trang trí hình tượng bình hồ lô, bên phải trang trí hình tượng thư bút*), hai trụ khám thờ tiết diện tròn, trên thân trụ trang trí đề tài rồng trong tư thế cuộn tròn thân trụ kết hợp các cụm mây (*Long vân*); trán khám thờ tạo hình dạng cuộn thư, vị trí chính giữa trang trí đề tài “*Luồng long tranh châu*”, bên dưới trang trí đề tài hoa cúc dây, hai mảng hai bên đối xứng nhau qua đề tài “*Luồng long tranh châu*” trang trí đề tài “*Đông đào Tây lựu*”, hai mảng ngoài kế tiếp trang trí đề tài thiên nhiên cây cối chim chóc, thú vật.

Chính giữa quần bàn thờ trang trí đề tài “*Hổ phù*” trong một khuôn viên tròn.

Các đề tài trang trí trên vật liệu gỗ tại các di tích lăng Ông hiện nay chủ yếu tập trung ở các hòm đựng xương cốt cá Ông, ngai thờ và bài vị. Tuy nhiên, các hiện vật này hiện nay không còn nhiều, tập trung chủ yếu ở lăng Ông Ngư (*Tân Hiệp*) và lăng Ông Cẩm Nam. Hòm đựng xương cá Ông được làm bằng gỗ, bề mặt chạm khắc các đề tài giàu giá trị nghệ thuật, trong đó nổi bật là hòm đựng xương cốt cá Ông ở lăng Ông Cẩm Nam, bề mặt cạnh hòm chạm nổi hình tượng hai con rồng cùng châu chữ 壽 (*Thọ*) tròn, các chi tiết trang trí này được sơn son thếp vàng khá tỉ mỉ. Ngai thờ tại lăng Ông Cẩm Nam và lăng Ông có kiểu thức khá tương đồng, đề tài trang trí tập trung hình tượng rồng, dây lá, “*Hổ phù*”; các chi tiết trang trí được sơn son thếp vàng khá tỉ mỉ thể hiện sự tài hoa



Trang trí bàn thờ lăng Ông Ngư - Cù Lao Chàm, ảnh: Hồng Việt

của nghệ nhân. Trong các di tích lăng thờ cá Ông hiện nay, chỉ còn lăng Ông Ngư là còn lưu giữ khá đầy đủ các bài vị thờ cá Ông bằng chất liệu gỗ, sơn son thếp vàng tinh xảo, các đề tài trang trí trên các bài vị cũng khá đa dạng thông qua các đề tài như: *rồng*, “*Luồng long tranh châu*”, hoa dây, hồi văn.

Qua kết quả khảo sát, chúng tôi nhận thấy các đề tài, chi tiết trang trí tại các di tích thờ cúng cá Ông ở Hội An không có sự khác biệt lớn so với các di tích thuộc loại hình đình, miếu ở Hội An. Các mô típ trang trí tập trung chủ yếu qua các hệ đề tài chính như: thiên nhiên, thực vật, linh thú/động vật.

Mô típ trang trí hệ đề tài thiên nhiên gồm các đề tài như: nước, hình tượng sóng nước thường được tạo hình gồm những đường lượn cong đều, đề tài nước được sử dụng dưới dạng đề tài “*cá và sóng biển*”, “*Long ngư hý thủy*”, “*chim yến và sóng biển*”; đề tài mây, chi tiết các cụm mây mang ý nghĩa những điều tốt lành, người xưa quan niệm những đám mây ngũ sắc có ý nghĩa ngũ phúc, trong các di tích thờ cá Ông ở Hội An, đề tài mây thường xuất hiện qua mô típ “*Long ẩn vân*”, “*Phụng vũ*”, các cụm mây bằng vữa gắn trên các đầu bờ chày, các cụm mây trang trí trên các khám thờ.

Mô típ trang trí hệ đề tài thực vật gồm các đề tài như: “*dây lá*”, hoa sen, “*Đông bình Tây quả*”, hoa cúc, quả đào, lựu, hoa mai, hoa lan, cây trúc.

Mô típ trang trí hệ đề tài linh vật, động vật gồm các đề tài như: “*Long mã phụ hà đồ*”, hổ, dơi, cá, “*Long ngư hý thủy*”, chim yến, “*Long vân*”, “*Phụng vũ*”, “*Hổ phù*”, “*tứ linh*” (*long, lân,*

quy, phụng), “*Luồng long tranh châu*”, “*Lý ngư hóa long*”.

Mô típ trang trí hệ đề tài đồ vật gồm các đề tài như: các đồ vật thuộc bát bửu: cuốn thư, thư bút, thảo sách, bình hồ lô, hình tượng các vật quý này luôn được trang trí kết với dải lụa thanh nhã, mềm mại; hình ảnh chiếc bình hoa xuất hiện thông qua đề tài kết hợp “*Đông bình Tây quả*”.

Có thể nói các đề tài, chi tiết trang trí tại các di tích lăng Ông ở Hội An mang giá trị riêng về nghệ thuật trang trí mang dấu ấn văn hóa cộng đồng cư dân miền biển, là một thiết chế văn hóa tín ngưỡng đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân gắn liền với đời sống mưu sinh trên biển cả. Trải qua thời gian với nhiều biến động của thời cuộc, mặc dù đã có những biến đổi về quy mô cũng như hình thức kiến trúc nhưng thông qua các đề tài, chi tiết trang trí tại các di tích này vẫn còn bảo lưu, gìn giữ được nhiều giá trị nghệ thuật trang trí truyền thống. Đây là nguồn dữ liệu quan trọng để nghiên cứu về các đề tài, đồ án nghệ thuật trang trí truyền thống về lăng thờ cá Ông ở Hội An nói riêng, góp phần làm phong phú, đa dạng các đề tài trang trí tại các công trình kiến trúc tín ngưỡng ở Hội An nói chung ♦

*** Tài liệu tham khảo:**

1. UBND thành phố Hội An (2015), *Di tích – Danh thắng Hội An*, Nxb Đà Nẵng.
2. Lý lịch các di tích thờ cá Ông, Tài liệu lưu trữ của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản văn hóa.

VĂN BẢN HÁN NÔM VỀ TỤC THỜ CÚNG CÁ ÔNG Ở HỘI AN

CN. Lê Thị Lưu

Đối với người Việt, tập tục thờ cúng bách thần trong văn hóa tín ngưỡng dân gian luôn được coi trọng, tôn sùng. Trong đó tục thờ cúng cá Ông là một trong những tín ngưỡng thờ cúng phổ biến của ngư dân ven biển từ Bắc Trung Bộ đến Nam Bộ. Ở đó, ngư dân xây dựng lăng miếu để thờ, tổ chức cúng kính, tế lễ,...

Với những ngư dân vùng biển, nghề biển là một trong những khá nhiều nguy hiểm, lênh đênh giữa biển cả với vô vàn phong ba bão táp bất ngờ, thế nên để giúp họ có được sự kiên trì bám biển không chỉ là sức mạnh về thể xác, về trí tuệ, niềm tin với nghề, mà là một niềm tin mãnh liệt với tín ngưỡng tâm linh, tin vào những vị thần bảo hộ, che chở của các vị thần biển, tin vào những điều thiên nhiên ban tặng cho họ ở nơi đầu sóng ngọn gió - đây là sự tồn tại của cá Ông, người dân thường gọi trân trọng là Ông, ông Nam Hải, hay Ông Khôi, Ông Lộng,... Theo tín ngưỡng của ngư dân, cá Ông là vị thần cứu giúp ngư dân mỗi khi gặp nạn trên biển, giúp họ vào bờ an toàn trong những đợt hiểm họa bất ngờ ập đến, vì vậy mà đa số ở các vùng biển, đều có lăng thờ cá Ông, như là một hình thức để đáp ơn, thể hiện lòng thành, cũng như gởi gắm những hi vọng nơi xa trong những lần ra khơi của dân vạn chài.

Trong suốt tiến trình phát triển của lịch sử, cá Ông đóng một vai trò hết sức quan trọng trong đời sống tâm linh của

dân vạn chài. Ở Hội An, các làng chài xưa đều có các lăng miếu được xây dựng để thờ cúng. Tại đó có nhiều di sản văn hóa Hán Nôm liên quan đến nghề biển, thể hiện trong nội dung thờ phụng ở các khám thờ, tượng, hoành phi, liễn đối, trên các văn khắc xung quanh nơi thờ tự như lăng Ông - Hà Trung, lăng Ông An Bàng, lăng Ông Cẩm Thanh, lăng Ông Ngư Cù Lao Chàm,... Chính vì sự tôn kính, tri ân của ngư dân, đồng thời sự coi trọng của triều đình nhà Nguyễn, cũng đã có những sắc phong ban tặng cho thần Nam Hải mỗi triều đại đều có các mỹ hiệu đặc trưng.

Trong Quảng Nam xã chí, ở làng Tân Hiệp, Thanh Hà, Thanh Đông,... có các đạo sắc phong phong cho thần, gia tặng thêm các mỹ tự, và trải qua các đời vua, đều được gia phong, nên chúng ta thấy được vai trò, tầm quan trọng và ý nghĩa của cá Ông đối với đời sống nhân dân làng chài như thế nào, mà còn thể hiện được phong tục, tập quán tín ngưỡng của dân gian trong đời sống văn hóa, tinh thần của người dân Việt xưa và nay:

STT	Vị thần	Gia tặng	Niên đại
Làng Tân Hiệp			
1	Nam Hải Ngọc	Từ tế Chương linh Trợ tín Trùng trạm Dực bảo Trung	Ngày 8 tháng 6 nhuận Duy

	Lân (南海玉鱗)	hung (慈濟彰 靈助信澄湛 翊保中興)	Tân thứ 5 (1911)
2	Nam Hải Ngọc Lân (南海玉鱗)	Uông Nhuận trung đẳng thần (汪潤中等 神)	Ngày 24 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924)
Làng Thanh Hà			
3	Ngọc Lân (玉鱗)	Trợ tín (助信)	Ngày 14 tháng 5 năm Thiệu Trị thứ 3 (1843)
4	Ngọc Lân (玉鱗)	Chương linh (彰靈)	Ngày 12 tháng 4 năm Thiệu Trị thứ 3 (1843)
5	Nam Hải Ngọc Lân (南海玉鱗)	Từ tế Chương linh Trợ tín Trùng Trạm (慈濟彰靈 助信澄湛)	Ngày 25 tháng 9 năm Tự Đức thứ 3 (1850)
6	Ngọc Lân (玉鱗)	Từ tế (慈濟)	Ngày 17 tháng 9 năm Tự Đức thứ 3 (1850)
Làng Thanh Đông			
7	Ngọc Lân (玉鱗)	Từ tế 慈濟	Ngày 17 tháng 3 năm Minh

			Mạng thứ 7 (1826)
8	Ngọc Lân (玉鱗)	Chương linh (彰靈)	Ngày 12 tháng 4 Thiệu Trị thứ 3 (1843)
9	Ngọc Lân (玉鱗)	Trợ tín (助信)	Ngày 14 tháng 5 năm Thiệu Trị thứ 3 (1843)
10	Ngọc Lân (玉鱗)	Trùng trạm (澄湛)	Ngày 25 tháng 9 năm Tự Đức thứ 3 (1850)
11	Ngọc Lân (玉鱗)	Dực bảo Trung hung (翊保中興)	Ngày 1 tháng 7 năm Đồng Khánh thứ 2 (1887)
12	Ngọc Lân (玉鱗)	Uông nhuận (汪潤)	Ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924)
Làng Thanh Nam			
13	Đông Hải Ngọc Lân (東海玉鱗)	Trùng trạm Dực bảo Trung hung hạ đẳng thần (澄湛翊保 中興下等)	Ngày 18 tháng 3 năm Khải Định thứ 2

		神)	(1917)
Đình và làng Cẩm Phô			
14	Ngọc Lân (玉 鳞)	Trùng trạm (澄 湛)	Ngày 8 tháng 6 nhuận năm Duy Tân thứ 5 (1911)
15	Nam Hải Ngọc Lân (南 海 玉 鳞)	Uông nhuận (汪 潤)	Ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924)

Một số di tích thờ cúng Cá Ông tại Hội An:

Lăng Ông Hà Trung, Cẩm Nam:

Đây là khu di tích tín ngưỡng của cư dân vạm chài xứ Hà Trung, xã Cẩm Phô trong thời Nguyễn nay thuộc khối Hà Trung, phường Cẩm Nam. Khu Lăng Ông gồm lăng Ông (*thờ thần Nam Hải Cự tộc Ngọc Lân tôn thần và đang lưu giữ hài cốt cá voi được ngư dân tôn thờ là thần hổ trợ trên biển*), miếu Thổ Thần, miếu Ngũ Hành, miếu Âm linh, miếu các vạm ghe bầu. Các miếu bố trí theo hình chữ U, đều có 3 gian, tiền đường, hậu tẩm.

Các hoành phi, liễn đối ở đây đa số thể hiện tinh thần cầu mong mùa màng bội thu, sóng yên biển lặng, mưa thuận gió hòa,... đặc biệt các bức hoành phi ở đây được các chủ thuyền, hộ ngư dân, trùm vạm,... dâng hương kính tặng cho lăng.

Một số hoành phi, liễn đối tại lăng Ông, Hà Trung:

- Bức hoành 1

Nguyên văn:

求必應
丙午年夏月
漁戶阮庭蘭
舊企萬杜固仝拜

Phiên âm:

Cầu tất ứng
Bính Ngọ niên, hạ nguyệt
Ngư hộ: Nguyễn Đình Lan
Cự Trùm vạm: Đỗ Có đồng bái

Dịch nghĩa:

Cầu tất linh ứng
Tháng hạ, năm Bính Ngọ (1966)
Hộ nghề cá: Nguyễn Đình Lan
Cự trưởng xóm vạm ghe: Đỗ Có đồng bái.

- Bức hoành 2

Nguyên văn:

助信彰靈
歲次己酉年仲秋吉日
船主阮庭底
杜曰胤同奉供

Phiên âm:

Trợ tín chương linh
Tuế thứ Kỷ Dậu niên, trọng thu cát
nhật

Thuyền chủ: Nguyễn Đình Đễ, Đỗ
Viết Dận đồng phụng cúng

Dịch nghĩa:

Trợ tín chương linh

Ngày tốt giữa thu, năm Kỷ Dậu
(1909)

Chủ thuyền: Nguyễn Đình Đễ, Đỗ
Viết Dân cùng phụng cúng

- Liễn đối 1

Nguyên văn:

春到南天風調雨順
生來海國浪靜波平

Phiên âm:

Xuân đáo nam thiên, phong điều vũ
thuận

Sinh lai hải quốc, lãng tĩnh ba bình

Dịch nghĩa:

Xuân đến trời nam, gió hòa mưa
thuận.

Sống trong vùng biển, sóng lặng
nước yên

- Liễn đối 2

Nguyên văn:

陰扶本邑平安千年泰
靈助人民祿壽四季隆

Phiên âm:

Âm phò bản ấp bình an, thiên niên
thái

Linh trợ nhân dân phước thọ, tứ
quý long

Dịch nghĩa:

Âm phò làng xóm bình an, ngàn
năm yên ấm

Linh giúp người dân lộc thọ, năm
tháng đủ đầy

- Liễn đối 3

Nguyên văn:

四時順撫 坤年豐

六府孔修 徵物阜

Phiên âm:

Tứ thời thuận phủ đồn niên phong

Lục phủ không tu trưng vật phú

Dịch nghĩa:

Bốn Mùa thuận hợp, cả năm thịnh

Sáu phủ thông thương, trọn vật đầy

- Liễn đối 4

Nguyên văn:

春節清平波浪靜
生來櫓格妥馮依

Phiên âm:

Xuân tiết thanh bình ba lãng tĩnh

Sinh lai cốt cách thỏa bằng y

Dịch nghĩa:

Xuân đến thanh bình, yên sóng
lặng

Sống theo cốt cách, dựa chôn an

Lăng Ông An Bàng, Cẩm An: Di tích lăng Ông tọa lạc ở khối An Bàng, phường Cẩm An. Di tích được tu bổ lần đầu vào năm 1926, có kiểu dáng hình chữ đinh, ba gian, hai lòng, tiền đường, hậu tẩm, nội thất kiểu vòm cuốn, mái có lợp ngói âm dương. Trong di tích có lưu giữ hài cốt cá Ông. Đây là di tích thờ cá Ông (*Nam Hải cự tộc Ngọc Lân tôn thần*) gắn với tín ngưỡng ngư nghiệp ở địa phương. Gắn liền với di tích còn có hoạt động múa hát bả trạo trong các lễ cầu ngư hằng năm và lễ tang cá Ông. Tại đây có duy nhất một cặp liễn đối, cũng thể hiện mong muốn, hi vọng của người dân.

Nguyên văn:

大德深恩植木開田貽後裔

安居永世飲河食果念前功

Phiên âm:

Đại đức thâm ân, thực mộc khai
điền di hậu duệ

An cư vĩnh thế, ẩm hà thực quả
niệm tiền công

Dịch nghĩa:

Đức lớn ơn sâu, trồng cây mở
ruộng lưu con cháu

An lành cuộc sống, uống nước ăn
quả nhớ công xưa

Lăng Ông - Cù Lao Chàm: Lăng Ông Ngự nằm ở thôn Bãi Làng xã Tân Hiệp được xây dựng vào cuối thế kỷ XIX, là công trình kiến trúc thờ cá Ông điển hình nhất ở Hội An. Lăng nằm ở Bãi Làng, mặt nhìn ra biển, bố cục kiểu chữ đinh, phía trước là bình phong hình cuốn thư, trang trí đề tài Long mã. Thần Ngự hí nguyệt. Kiến trúc chính diện và hậu tẩm kiểu cuốn vòm đặc trưng, mái lợp ngói âm dương, trang trí đề tài tứ linh, lưỡng long tranh châu. Hậu tẩm là nơi quàng các hòm xương cá Ông. Bàn thờ chính đặt 13 bài vị cá Ông, hai bên thờ tả hữu ban và các vị phò tá.

Lăng không có hoành phi hay liên đối, nhưng hiện tại vẫn còn lưu giữ khá nhiều bài vị được thờ cúng tại lăng, một số bài vị của các vị thần được ban sắc tặng như sau:

- Nam Hải cự tộc Ngọc Lâm quý
nương tôn thần linh vị

(Kỷ Mùi niên bát nguyệt sơ bát
nhật bản xã đồng tạo)

Thập nhị nguyệt sơ bát nhật chính
ky)

- Nam Hải cự tộc Ngọc Lâm Đại
tướng quân tôn thần

(Bính Thân niên tam nguyệt sơ thập
nhật)

- Nam Hải cự tộc Ông Bành tôn
thần

(thập nhị nguyệt nhị thập cửu nhật
chính ky).

- Nam Hải cự tộc Ngọc Lâm Đại
tướng quân tôn thần

- Sắc Nam Hải cự tộc Ngọc Lâm Từ
tế chi thần

- Cung thỉnh Nam Hải cự tộc Ngọc
Lâm Ông Hồ tôn thần

- Cung thỉnh Nam Hải cự tộc Ngọc
Lâm Ông Cam tôn thần

(thất nguyệt nhị thập thất nhật
chính ky; Bản xã đồng phụng tạo).

- Cung thỉnh Nam Hải cự tộc Ngọc
Lâm Ông Mặc tôn thần

Ở mỗi loại hình tín ngưỡng dân gian cũng đều có những giá trị tác động mạnh về mặt văn hóa, tinh thần tín ngưỡng, được dân gian tin cậy và phát huy ngày càng mạnh mẽ, truyền đời mãi mãi trong sự tôn kính, thông qua các lễ tế Nam Hải, cúng Nghinh Ông hằng năm, hay mỗi dịp ra khơi, tín ngưỡng thờ cúng cá Ông không chỉ về mặt văn hóa, tinh thần, mà còn góp phần giáo dục đạo đức, lối sống con người, truyền qua bao đời thế hệ, góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp của tín ngưỡng thờ phụng các vị thần bảo vệ dân cư

VỀ NGHI LỄ CÚNG CẦU NGƯ Ở HỘI AN

CN.Tổng Quốc Hưng

Quan niệm của những người làm nghề đánh cá cho rằng, cá Ông là vị thần biển có nhân tính, thường xuất hiện cứu vớt những người bị nạn trên biển, là vị cứu tinh kịp thời của dân chúng trên vùng biển mênh mông khi gặp thủy tai. Vì vậy, khi phát hiện có cá Ông lỵ (*lụy*), trôi dạt vào bờ thì người ta làm đám tang đúng theo nghi lễ hướng dẫn trong sách Thọ mai gia lễ, sau đó chôn cất và sau 3 năm thì đưa xương vào lăng thờ cúng. Trước đây, nhà nước phong kiến Việt Nam cũng công nhận vai trò quan trọng của cá Ông đối với ngư dân, nên đã nhiều lần ban sắc phong, gia tặng mỹ tự là “*Từ tể Chương linh Trợ tín Trừng trạch Dực bảo Trung hưng Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân tôn thần*” và cho ngư dân khắp nơi xây lăng lập miếu để thờ.

Hàng năm, trước khi chuẩn bị ra khơi đánh bắt cá vụ nam, ngư dân thường tổ chức lễ cúng tại lăng Ông gọi là lễ cầu ngư. Lễ này được tổ chức khá quy mô với sự tham gia của hầu hết ngư dân.

Lễ cúng cầu ngư được diễn ra theo nghi thức tế lễ truyền thống vốn có từ bao đời nay của địa phương. Lễ tế thường diễn ra trong hai ngày, ngày đầu người ta tổ chức bày trí trần thiết trong lăng; đến tối thì tiến hành cúng lễ túc (*còn gọi là lễ cáo yết hay lễ tiên thờ*). Sang ngày hôm sau thì tổ chức lễ nghinh thần. Sau đó người ta tiến hành cúng âm linh, cầu an. Lễ cúng âm linh kéo dài khoảng hơn một giờ, và phần tế ông

Ngọc Lân Nam Hải được tiếp tục ngay sau lễ tế âm linh. Lễ tế Ông bao giờ cũng có xướng tế hành nghi và đọc văn tế (*còn gọi là chúc văn*). Qua khảo sát thực địa tại nhiều xã phường trên địa bàn thành phố Hội An, nhóm nghiên cứu đã sưu tầm được khá nhiều các nghi thức hành nghi và “*lòng văn*” tế Ông Nam Hải. Nhân đây xin giới thiệu mẫu hành nghi và văn tế để các nhà chuyên môn tham khảo.

Nghi thức hành nghi tế lễ gồm 4 phần chính. Phần thứ nhất là phần xướng để toàn ban tế lễ thực hiện các nghi thức chuẩn bị như đánh chuông trống, kiểm tra lễ vật có đầy đủ như đã dự kiến hay chưa, tấu nhạc nghinh thần... 3 phần còn lại là sơ hiến lễ, á hiến lễ và chung hiến lễ. Trình tự như sau:

- Chấp sự giả các tư kỳ sự (*các vị chấp sự chuẩn bị*)
- Chánh tế củ soát lễ vật (*Chánh tế kiểm tra lễ vật*)
- Khởi chinh cổ (*đánh chuông trống*)
- Nhạc sanh khởi nhạc (*Ban nhạc khởi nhạc*)
- Các nghệ quán tẩy sở (*chánh tế, tả hữu phân hiến đến nơi rửa tay*)
- Quán tẩy (*rửa tay*)
- Thuế cân (*lau tay*)
- Chánh tế tựu vị (*chánh tế vào vị trí*)
- Tả, hữu phân hiến tựu vị (*tả hữu phân hiến vào vị trí*)

- Quy, giai quy (các vị chánh tế, phân hiến cùng quy)

- Phần hương (đốt hương)

- Thượng hương (thắp hương)

- Nghinh thần lúc cung bái (bái lạy nghinh thần)

(lạy 4 lạy)

- Hưng, bình thân phục vị (bình thân, về vị trí cũ)

Hành sơ hiến lễ:

- Nghệ tôn thần vị tiền (đến trước bàn thờ thần)

- Quy, giai quy (chánh tế, phân hiến cùng quy)

- Chúc tửu (rót rượu)

- Tân tước (dâng rượu)

- Phủ phục (lạy sát đất)

- Hưng, bình thân phục vị (bình thân, về vị trí cũ)

- Nghệ độc chúc vị (người đọc văn vào vị trí)

- Nghinh chúc vị, bồng chúc văn (hặc tư chúc giả bồng chúc văn) (đến bàn thờ và dâng văn tế)

- Quy, giai quy (chánh tế, phân hiến cùng quy)

- Chuyển chúc (chuyển văn tế)

- Độc chúc (đọc văn tế)

- Phủ phục (lạy sát đất)

- Hưng bái, Hưng bái.

- Hưng, bình thân phục vị (bình thân, về vị trí cũ)

Hành á hiến lễ:

- Nghệ tôn thần vị tiền (đến trước bàn thờ thần)

- Quy, giai quy (cùng quy)

- Chúc tửu (rót rượu)

- Phủ phục (lạy sát đất)

- Hưng, bình thân phục vị (bình thân, về vị trí cũ)

- Nghệ ẩm phước vị (đến nơi ẩm phước)

- Ẩm phước, thọ tộ (động tác tượng trưng: uống ly rượu, ăn miếng thịt)

- Phủ phục (lạy sát đất)

- Hưng bái, Hưng bái.

- Hưng, bình thân (bình thân, về vị trí cũ)

- Chánh tế, tả hữu phân hiến xuất vị (thối khước = thiếu khước) (Chánh tế và tả hữu phân hiến lui hẳn ra ngoài) (lui bước)

- Bồn xú đồng tộ bái (bà con trong làng vào lạy)

Hành chung hiến lễ:

- Chánh tế, tả hữu phân hiến tộ vị (chánh tế và phân hiến trở lại vị trí)

- Quy, giai quy (cùng quy)

- Chúc tửu (rót rượu)

- Phủ phục (lạy sát đất)

- Hưng, bình thân, phục vị (bình thân, về vị trí cũ)

- Điểm trà (hiển trà)

- Từ thần lúc cung bái (lạy từ thần)

- Hưng bái, Hưng bái, Hưng bái, Hưng bái.

- Hưng, bình thân (bình thân)

- Phần chúc (đốt văn tế)

- Lễ tất (lễ hoàn thành)

Chánh văn cúng cầu ngư về thể thức cơ bản cũng như các bài văn tế thần khác, cũng gồm có ba phần chính đó là: phần bắt đầu bằng chữ “Duy”, nêu thời gian, địa điểm, chủ trì tế lễ và liệt kê lễ vật. Phần thứ hai bắt đầu bằng cụm từ

“*Cảm cáo vu hoặc kiện cảm cáo vu hoặc cần cáo vu...*”, phần này thỉnh mời các vị thần được tế. Phần thứ ba bắt đầu bằng cụm từ “*Viết cung duy*”, phần này tán tụng công đức của các vị thần và bày tỏ nguyện cầu của cộng đồng để chư thần chúng giám, phù hộ và kết thúc văn tế bao giờ cũng có câu “*ngưỡng lại tôn thần phò trì chi gia huệ dã, phục duy cần cáo*”. Nội dung văn tế như sau:

Duy:

Tuế thứ ... niên... nguyệt... nhật

Việt Nam quốc, Quảng Nam tỉnh, Hội An thành phố,... xã tứ chánh vạn cần trí chủ báỉ lão thành... đồng bốn xứ... đại tiểu đẳng.

Tư nhân xuân tế lễ lễ cầu ngư, cần dĩ kim ngân, thanh chúc, hoa quả, bàn soạn thứ phẩm chi nghi.

Cảm cáo vu:

- Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân gia tặng Từ Tế Chương Linh Trợ Tín Trùng Trăm Dực Bảo Trung Hưng thượng đẳng thần.

- Cung thỉnh Nam Hải Cự Tộc Đức Bà Đức Cô chi thần.

- Đông Nam sát hải Lang thất nhị đại tướng quân chi thần

- Ông Ngư Bà Ngư chi thần

- Cự lực Cự lân chi thần

- Kim niên Hành Khiển Hành Bình chi thần

- Lý ngư Lý lực chi thần

- Chánh chúa Cảng môn chi thần

- Ngũ phương Đạo lộ chi thần

- Thủy tinh Thủy tế chi thần

- Hà bá Thủy quan chi thần

- Giang hà Hải nhạc chi thần

- Tam đầu Cửu vĩ Xích lân chi thần

- Hải đảo Hải cơ Hải chữ Hải ba chi thần

- Tả ban liệt vị chư linh thần

- Hữu ban liệt vị chư linh thần

- Tiên hiền khai khẩn hậu hiền khai cơ chi thần

- Bách tánh gia tiên sáng tạo vông điều nghệ cổ tích danh sư chi thần

Cập bộ hạ thị tùng hàm lai chứng hưởng.

Viết cung duy:

Son xuyên đục tú, hải vũ chừ tinh, dương dương hồ như tại, trạc trạc nhĩ quyết linh. Hộ quốc tí dân vạn thần uy vu phát văn phát kiến, an nhân lợi nghiệp vu vô xú vô thanh. Mạc kiến hồ ẩ, mạc hiển hồ vi, châu lưu hải giác. Cảm chi tư thông, cầu chi tư ứng. Tiếp hưởng vân hành, hoặc phong vân nhi mặc chuyển ba bình, nhân nhân hàm tư an lạc. Đương lỗi vũ nhi âm phù lãng tịnh, chúng chúng đồng lại toàn sanh. Thiết tưởng ân thâm vô để, đồng tư đức đại nan danh.

Tư nhân xuân tiết dĩ toại doanh sinh, tải trần phi lễ cung tiên tư sinh, phục kỳ giáng giám thứ biểu truân thành, ty hải yên hà thanh, bang nội quân triêm lạc lợi. Hựu phong điều vũ thuận, đồng nhân cộng khánh doanh ninh.

Ngưỡng lại tôn thần phò trì chi gia huệ dã.

Phục duy cần cáo.

Có thể nói rằng, lễ cầu ngư ở Hội An là một trong những lễ hội truyền thống tiêu biểu của cư dân vùng sông nước miền Trung. Điều đáng quý là cho đến hiện nay ngư dân vẫn bảo tồn và duy trì được nghi thức tế lễ cổ truyền cùng các hình thức diễn xướng đậm gian đậm chất dân gian ♦

KHẢO THÈM VỀ DIỄN XƯỞNG BẢ TRẠO

ThS. Phùng Tấn Đông

Từ tục hát múa đưa linh...

Diễn xướng dân gian nói riêng, các hình thức biểu diễn nghệ thuật nói chung bao gồm biểu diễn nghệ thuật trong lễ hội hoặc các nghi lễ của cộng đồng bằng các hình thức trình diễn như ngôn ngữ, cử chỉ, âm nhạc, kịch, hát, múa, cảnh diễn... là một loại hình di sản văn hóa phi vật thể được người dân trao truyền qua nhiều thế hệ. Diễn xướng bả trạo hay hát múa bả trạo của cư dân miền biển Hội An, Quảng Nam hiện nay đa phần được hiểu là hát “*cầm chèo/cầm chắc tay chèo*” (chữ Hán, “*bả*” là “*cầm chắc*”, “*trạo*” là “*chèo*”). Tuy nhiên cũng có một ý kiến khác - gọi là “*bá trạo*” (*trăm chèo* vì “*bá*”/“*bách*” có nghĩa là *trăm*). Theo các nhà nghiên cứu âm nhạc thì “*hát bả trạo*”, “*hát múa bả trạo*” hay “*chèo bả trạo*” đều có nghĩa là “*hát chèo thuyền*”⁽¹⁾. Hát chèo thuyền/ghe có liên quan đến hát múa chèo thuyền trên cạn - một hình thức tái hiện cảnh chèo thuyền “*hộ linh*” được “*cách điệu hóa*” của diễn xướng nghi lễ “*hò đưa linh*” trong hát ông Tổng đưa linh. Tục hát tiễn đưa linh hồn người chết là một ứng xử văn hóa tốt đẹp của cư dân các làng xã truyền thống. Trong quan niệm có một thế giới bên kia tốt đẹp, “*cực lạc*” và quan niệm “*sống gửi thác về*”, “*về*” chốn yên nghỉ vĩnh hằng, về lại với bản nguyên “*hữu tử quy*” của con người, “*về*” để sống tiếp một cuộc nữa - cuộc đời ở phía bên kia trần thế vì

vậy “*sống dầu đèn, chết kèn trống*” người xưa đã có các màn diễn xướng đưa linh hồn người chết về thế giới bên kia mà hò đưa linh là một tục lệ lâu đời.

Diễn xướng hò đưa linh diễn ra tại nhà đám, hay ngoài nghĩa trang lúc sắp hạ huyệt gồm các làn điệu hát bội xen kẽ với lý, hò, vè kết hợp với sự di chuyển đội hình diễn viên. Diễn viên cầm mái chèo, mặc xiêm trưởng, quần *giáp* (*trang phục trong hát bội*), đầu chít khăn tang, đứng thành hai hàng song song bên quan tài đặt trong thuyền rồng, vừa hát vừa làm động tác chèo thuyền, theo sự điều khiển của các tổng lái, tổng mũi, tổng thương (*khoang*). Diễn trình cũng có những đoạn tát nước, câu cá, sóng gió, cuốn buồm, cứu thuyền... các động tác hình thể đều được cách điệu theo mô hình hát bội.

Như vậy múa trong hò đưa linh trước hết là sự dịch chuyển có tính cách điệu của đội hình (*đội hình theo hình đồ: hình chữ chi; đàn gà (hình rắn); đàn lông môt (một kiểu bắt chéo trong nghệ đàn đất), khu ốc (hình tròn ốc), nhứt nguyệt (mặt trời ngoài, mặt trăng trong); chữ điền (ruộng, tứ giác vuông); tứ trụ (bốn cột trụ)...* biểu đạt ý nghĩa “*dẫn đường*”, hỗ trợ “*vong linh*” quy hồi cực lạc, giải thoát, về với tiên tổ ông bà, về cõi Phật - một cách nghiêm cẩn, hết lòng. Động tác chèo cũng được cách điệu hóa thành nhẹ nhàng, uyển chuyển như

đưa hồn linh qua sông Nại Hà về cõi âm hay “*vượt bờ mê sang bến giác*” từ cõi phàm sang cõi Phật.

Đến múa - hát trong diễn xướng bả trạo

Hát bả trạo được trình diễn với 3 ông tổng: tổng mũi, tổng khoang (*hoặc tổng thương*) tổng lái (*có nơi có 4 ông tổng - tổng mũi, tổng khoang, tổng lái và tổng khậu - khẩu (lo việc nấu nướng)*) và đám bạn chèo (*bả trạo ban*). Bạn chèo thường có số chẵn để dễ sắp xếp đội hình đối xứng, thuận âm - dương (*thường từ 10 đến 16 người*). Đội hình bả trạo sắp xếp theo lối chèo thuyền gồm: tổng mũi đứng đằng trước (*đối diện với bàn thờ*), tiếp đến là tổng khoang, tổng khậu và cuối cùng là tổng lái. Bạn chèo đứng làm hai hàng, đứng hai bên 3 ông tổng. Bên cạnh đội hình có ban nhạc lễ.

Diễn trình biểu diễn thường sau khi chánh tế kết thúc các phần lễ thức, chánh tế đứng niệm hương xin phép thần cho đội chèo biểu diễn. Chánh tế khăn xong - có lúc xin gieo quẻ bằng đồng xu xấp, ngửa - đến lượt ba ông tổng vào cùng khăn lễ. Trống đánh ba hồi chín tiếng. Khi dứt trống chiêng, cả đội bắt đầu diễn xướng trên sân diễn. Phần diễn xướng thứ nhất dành ca ngợi tôn linh cá Ông, ca ngợi sự phù trợ, cứu khôn phò nguy khi lao động trên biển của ngư dân của đức Ông; phần thứ hai - phản ánh sinh hoạt của dân chài khi biển lặng và khi bão

tổ. Đám bạn chèo đưa Ông đi theo hàng một, dẫn đầu là tổng mũi, đến tổng khoang, tiếp đến là đám bạn chèo và tổng lái. Chèo được cầm dựng đứng bên tay phải, mũi chèo hướng lên trời. Sau khi định vị trí trên sân diễn, cả đoàn đi theo hình xoáy ốc (*khu ốc*), rồi lộn ngược vòng, sau đó xếp thành hai vòng tròn: vòng trong là ba tổng, vòng ngoài là đám bạn chèo. Tiếp đến đám bạn chèo lại mở vòng, ba ông tổng lại dẫn đám bạn chèo lộn ra thành hàng một. Dừng lại một lát, tổng mũi gõ hai tiếng sênh, cả đoàn lại tách ra hai hàng theo số chẵn, lẻ - các bạn chèo mang số lẻ, thứ tự 1, 3, 5, 7... tách thành một hàng; các số chẵn, thứ tự 2, 4, 6, 8... tách thành một hàng. Đứng đầu ở giữa hai hàng bạn chèo là tổng mũi, ở giữa là tổng khoang, cuối thuyền là tổng lái. Việc điều khiển hát múa chèo đưa Ông do tổng mũi đảm trách. Trong lúc trình diễn, tổng mũi sử dụng nhiều làn điệu để xướng, hát (*hát nam, hát khách, hát tẩu mã của hát bội*), thán (*than*), ngâm, hát lý, diễn cảnh... bạn chèo cứ “*chèo theo động tác chèo*



Diễn xướng Bả trạo trong lễ hội Cầu Ngư ở di tích lăng Ông Ngư – Cù Lao Chàm năm 2018, ảnh: Hồng Việt

thuyền đã được cách điệu và nghệ thuật hóa”(2). Kết thúc buổi diễn, khi có hiệu lệnh của tổng mũi, bạn chèo nhập thành hàng một lần lượt theo tổng mũi đi khuất vào sau sàn diễn.

Các động tác chèo thuyền cũng có ba dạng thức: “đoạn thứ nhất là đoạn múa chèo thuyền, ở đoạn này bạn chèo chèo theo nhịp sinh của tổng mũi, tay bồng mái chèo, cùng nhảy bước một từ một hàng dọc rẽ thành hai hàng... dứt đoạn này, day mái chèo; động tác chèo thứ hai là cạy - chống mái chèo xuống đất và dùng một tay mà cạy, đến đoạn cuối, khi bả trạo gậy chèo để lên mái nhất thì động tác đổi tiết tấu nhanh hơn. Trong bả trạo, phần múa của tập thể các bạn chèo không nhiều. Nhưng phần múa của các vai tổng thì nhiều hơn, nhất là phần múa của tổng khoang. Động tác múa của ông tổng này là những động tác múa kịch cảm miêu tả sinh hoạt lao động trên thuyền như tát nước, câu cá... và những động tác thể hiện tâm trạng, tính cách nhân vật...”(3)

Xét về kết cấu cảnh diễn, hát múa bả trạo trong nhiều “bồn vắn” của các vạ/làng ở vùng biển cửa sông - ven biển Cửa Đại đều thể hiện cảnh diễn từ lúc thuyền ra khơi cho đến khi thuyền cập bến an toàn có kết cấu gồm 3 phần: phần mở đầu (ra khơi, bủa lưới); phần giữa (thuyền có sự biến - gặp nạn trên biển và nhờ Ông cứu giúp); phần cuối (kể về ân đức của Ông luôn phù hộ, độ trì cho dân nghề biển). Như vậy, xét về cảnh diễn, các “phân cảnh” đã có yếu tố kịch tính như: vào kịch (tạo tình huống khởi sự/điển biến sự cố/thắt nút) đến cao

trào (kịch tính cao độ) và phần mở nút - giải quyết xung đột kịch. Một cảnh diễn có lớp lang, kịch tính như vậy nên cùng với nghệ thuật múa hát, hô diễn luôn cuốn hút người xem.

Về văn bản/bồn hát múa nghi lễ có hai bản chèo, một bản phổ biến là bồn văn Long Thần Bả Trạo ca dùng để diễn xướng nghi lễ tại lăng Ông - đồ hình con thuyền quay hướng mũi thuyền vào trong lăng và đuôi quay ra hướng biển. Nội dung bản chèo này ca ngợi công đức của cá Ông, các đấng nhiên thần và nhân thần đã giúp đỡ, hộ trì cho dân biển vượt qua sóng gió, bão tố. Bài chèo cũng cầu mong Đức Ông Nam Hải giúp dân được mùa, an lạc với nghề biển trong năm. Bồn văn Chèo Ông (Long Thần Bả Trạo ca) còn có phần “giao đãi”/tương tác với người xem/nghe qua màn “trình diễn” của Tổng Khậu với màn ngâm thơ lối hát bội và đặc biệt là màn “đố cá” của Tổng Khậu trước khán giả:

“Cá biển, cá bầy

Cả nhà ăn rày

Là con cá... Nục

Cắt ra nhiều khúc

Là con cá... Chình

Trai gái rập rình

Là con cá... Ve

Chồng nói vợ nghe

Là con cá... Mát

Đem tiền đánh bạc

Là cậu cá... Cờ

Tối ngủ hay rờ

Là con cá... Ngựa...”

*(Trích bốn văn của Đội Bà trạo
Vạn Lãng - Cẩm Thanh)*

Bồn chèo thứ hai là bồn “*Âm linh
Bả Trạo ca*” hay còn gọi là chèo Cô hồn
- thường diễn ra sau khi diễn xướng chèo
Ông dành cho các Cô hồn chết vì tai nạn
“*bất kỳ*” trên biển và đồ hình thuyền
phải hướng mũi ra biển. Chèo cô hồn
thường được chèo vào tiết Thanh Minh
(28 tháng Hai Âm lịch).

Về phần hát, diễn xướng bả trạo có
ba lối hát cơ bản: một là lối hát có nguồn
gốc từ hát bội như các kiểu nói - lối (*lối
nói Văn, lối nói - kể, các lối hát Xướng-
kể, lối nói Dựng*). Có thể kể một vài kiểu
nói - lối như:

Lối Văn: “*Nay gặp tiết ơ... thiều
quang cửu thập. Cõi bờ đề thế giới tam
thiên. Trong bốn vạn, bốn làng thiết kính
án diên. Ngoài bả trạo gay chèo tới
đây...ư...ư. Chèo tới miền cực lạc ơ...*”;

Lối nói - kể của Tổng Khậu: “*Từ
đêm, tôi câu khúc sông bên tề, cá nó không
ăn thoi thoi, cho nó ăn thì tôi giết. Đêm
nay sao cá nó lại không ăn - thiệt lạ tề?*”.

Lối nói Dựng của Tổng Mũi: “*Như
tôi tài hay coi gió bão buồn/mắt biết xem
mây ngó ráng/thừa lệnh tiêu sắc
mạng/Quản Phật hải long thuyền/nay tới
ngày Thánh giáng triều thiên/kiểu tam
tổng diện tiền thánh lệnh nghe*”.

Lối ngâm thơ trong hát bội được sử
dụng trong bả trạo xen kẽ với các làn
điệu khác gắn với bối cảnh nhân nhả của
lao động biển khi sóng lặng biển yên.
Lối thán/than văn, cầu khiến, tự tình. Lối
tấu mã với tiết tấu khẩn trương để tăng
kịch tính của tình huống cảnh diễn. Lối

hát Phú lục giọng Bắc để diễn tả sự hưng
phấn, tôn phù trong hát bội cùng với điệu
hát Nam “*được hát giản lược như một
thể hò*” (Xa Văn Hùng). Diễn xướng bả
trạo có lối hát thứ hai là sử dụng các làn
điệu dân ca Quảng Nam như bắt bài lệnh,
bắt bài Văn, hò kéo neo, Lý (*Lý vọng
phu, Lý Mọi*) và cuối cùng là lối hát có
nguồn gốc trong âm nhạc Phật giáo như
lối Tán, lối Kệ như:

“Ái hà thiên xích lãng

Khổ hải vạn trùng ba...”

*(Triều sông Ái cao nghìn thước/Sóng
biển khổ vạn trùng khơi)*

Diễn xướng bả trạo là một màn
diễn xướng mang đậm yếu tố tâm linh
của tục thờ Nhiên thần có công “*cứu hộ
độ sinh*” của cư dân vùng biển, vừa là
một “*cảnh diễn*” nghi lễ, cảnh diễn “*hội
hè*” có giá trị nhân văn sâu sắc, “*vừa là
một tác phẩm mang giá trị diễn xướng
nghệ thuật cao trong vai trò âm
nhạc*”⁽⁴⁾◆

Chú thích:

(1) Xa Văn Hùng (2015), *Văn nghệ
dân gian Thăng Bình* - NXB Đà Nẵng,
tr.306.

(2) Trung Tâm Quản lý Bảo tồn Di
tích Hội An (2008), *Lễ lệ, lễ hội Hội An,
Hội An*, 2008, tr.196.

(3) Lâm Tô Lộc (1979), *Nghệ thuật
múa dân tộc Việt*, NXB Văn Hóa, Hà
Nội, tr.24.

(4) Trần Hồng (2010), *Hát bả trạo*,
NXB Sân Khấu, Hà Nội, tr.363.

TÍN NGƯỠNG THỜ CÁ ÔNG TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CỦA NGƯỜI DÂN HỘI AN

CN.Trương Hoàng Vinh

Trước tiên có thể thấy tín ngưỡng thờ cá Ông đã ăn sâu vào tiềm thức của người dân miền biển Hội An qua hàng trăm năm thông qua các giai thoại trong dân gian và được nhà nước chính thức hóa công nhận thờ tế qua các sắc phong cá Ông của triều đình nhà Nguyễn từ cách đây gần 200 năm. Qua đợt điều tra ngữ văn dân gian ở Hội An, chúng tôi thu thập được một truyền thuyết về tục thờ cá Ông ở Hội An như sau:

Lúc Vua Gia Long chạy trốn nhà anh em nhà Tây Sơn ra đảo. Đi theo có đoàn tùy tùng của triều có quan văn, quan võ và có con gái (công chúa) đi theo. Cô công chúa không biết kêu cứu ai, mới nhớ lại khi đi chùa tụng kinh có câu kinh kêu cứu “*Nam mô cứu khổ, cứu nạn Quan Thế Âm Bồ tát*”. Liên khi đó hiện lên một người phụ nữ cầm cành dương liễu chỉ xuống biển. Tự nhiên, đoàn cá Voi nổi lên che chắn cho cả con thuyền. Khi đoàn cá voi nổi lên tiết ra vết dầu, làm khu vực yên sóng, đưa thuyền về nơi an toàn. Về tới triều đình, vua hỏi lại quan, con cá gì đã che chắn chúng ta lúc đó. Các vị quan đại thần tâu “*Thưa bệ hạ đó là cá Voi, người dân gọi là cá Ông. Khi ngư dân kêu cứu cá Ông nổi lên cứu giúp. Nhà vua mới nói lệnh cho quan thần ra sắc phong tặng, thờ tự. Từ đó, con cá voi ngoài biển Đông được gọi kính trọng là Nam Hải cự tộc Ngọc Lân tôn thần*”¹.

Đồng thời qua tài liệu *Điều tra về lịch sử văn hóa làng xã Quảng Nam năm 1942 - 1943* của Viện Viễn Đông Bác Cổ thực hiện, trong phần các xã thuộc Hội An lúc bấy giờ đã có 15 đạo sắc phong cá Ông² với các tên thần là Ngọc Lân, Nam Hải Ngọc Lân, Đông Hải Ngọc Lân. Trong đó, các đạo sắc phong được liệt kê ở các xã như sau: xã Tân Hiệp (có 2 sắc phong), xã Thanh Đông (nay là thôn Thanh Đông xã Cẩm Thanh, có 6 sắc phong), xã Thanh Nam (có một phần đất thuộc phường Cẩm Châu, một phần đất thuộc xã Cẩm Thanh hiện nay, có 1 sắc phong), xã Thanh Hà (nay bao gồm phường Thanh Hà, xã Cẩm Hà, có 4 sắc phong), xã Cẩm Phô (nay là phường Cẩm Phô và phường Cẩm Nam, có 2 sắc phong). Ở xã Tân Hiệp, trong tài liệu đã dẫn trên ghi rõ: “*vị Ngọc Lân gia tặng Ưông Nhuận trung đẳng thần*” vào năm Khải Định thứ 9. Ở xã Thanh Nam, trong tài liệu đã dẫn trên ghi rõ: “*Vị Đông Hải Ngọc Lân gia tặng Trừng trạm Dực bảo Trung hưng hạ đẳng thần*”. Về niên đại, sắc phong Ngọc Lân cho làng Thanh Đông là sớm nhất, vào năm Minh Mạng thứ 7 (1826). Mỗi sắc phong thường là tương ứng với mỗi lần có một Ông lụy, sau đó, được nhân dân và chính quyền địa phương làm sớ dâng lên triều đình xét, ban sắc phong. Các sắc phong này được cất giữ rất cẩn trọng trong các hòm gỗ đựng sắc

¹ Tổng hợp theo lời kể của cụ ông Huỳnh Hanh, thôn Bãi Làng, xã Tân Hiệp. Nguồn: Phiếu phân loại văn

học dân gian Hội An, 2019, người phân loại: Nguyễn Thị Khánh Vân. Tư liệu lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

² Cử nhân Hán Nôm Lê Thị Lưu tổng hợp

phong để ở lăng, đến khi có lễ tế mới được mở ra.

Thứ 2, ở Hội An có 7 lăng miếu thờ cá Ông³ - Nam Hải Ngọc Lân, khẳng định vị trí rất quan trọng trong tín ngưỡng của cộng đồng cư dân ven biển ở Hội An. Trong đó, có một số lăng được xây dựng riêng biệt để thờ cá Ông, như lăng Ông ở các địa điểm An Bàng, Tân Thành - Cẩm An, Thanh Nhút - Cẩm Thanh, Bãi Làng - Cù Lao Chàm, lăng vạn Thanh Thuận, khối Thanh Nam, phường Cẩm Nam. Một số lăng Ông khác đang được nằm trong các khu có các miếu thờ Ngũ Hành, Âm Linh (*trường hợp Khu lăng Ông - Cẩm Nam*) hoặc kết hợp có miếu thờ Tiêu Diện Đại Sĩ (*trường hợp Lăng Tiêu Diện - Phước Thịnh - Cửa Đại*). Có thể trong lịch sử, các làng khác như Cẩm Phô, Thanh Nam, Thanh Đông, Thanh Hà cũng có lăng Ông nhưng trải qua những biến động của lịch sử nên có khả năng một số lăng miếu thờ cá Ông ở những địa phương kể trên bị mất đi (?).

+ Tại lăng Ông Ngư - Cù Lao Chàm, Hội An, ở án thờ chính giữa, hiện đang còn đặt trang trọng 13 bài vị Cá Ông với nhiều Thân hiệu chữ Nôm khác nhau là Ông Mặc, Ông Hồ, Ông Bành....⁴

³ 1. Lăng Ông Ngư ở Cù Lao Chàm, xã Tân Hiệp, 2. Lăng Ông ở khối An Bàng và 3. Lăng Ông ở khối Tân Thành, phường Cẩm An, 4. Lăng Ông ở thôn Thanh Nhút, xã Cẩm Thanh, 5. Lăng Ông ở khối Hà Trung, 6. Lăng Vạn Thanh Thuận ở khối Thanh Nam, phường Cẩm Nam, 7. Lăng Tiêu Diện Đại sĩ ở khối Phước Thịnh, phường Cửa Đại. Trong đó có 1 di tích Lịch sử văn hóa quốc gia là lăng Ông Ngư, 3 di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh là Khu lăng Ông Cẩm Nam, lăng Ông An Bàng, lăng Ông Cẩm Thanh.

⁴ Âm Hán Việt một số bài vị là: 1. “*Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân Quý Nương Đẳng Thần Tọa Vị*”, 2. “*Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân Đại Tướng Quân Tôn Thần*”, 3. “*Nam Hải Cự Tộc Ông Bành Tôn Thần*”, 4. “*Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân Từ Tế Chi Thần*”, 5. “*Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân Ông Hồ Tôn Thần*”, 6. “*Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân Ông Hàm Tôn Thần Chi Linh Tôn*”, 7. “*Cung Thịnh Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân*

được chạm khắc rất tinh tế, sơn son thiếp vàng. Như vậy, ở Cù Lao Chàm đã có nhiều lần Ông lụy (*cá Ông dạt vào bờ và chết*)⁵. Tại các lăng thờ cá Ông ở Hội An đều có những khoang (*thường là dưới các bệ thờ*) để chứa các hòm gỗ đựng xương cốt cá Ông một cách trang trọng, linh thiêng.

+ Các di tích liên quan đến tín ngưỡng thờ cá Ông cũng có lịch sử lâu đời và qui mô. Về niên đại lập lăng, nhiều di tích thờ cá Ông đã được lập dựng nên từ khá lâu, vào đầu thế kỷ XX đã có đợt “*tu tạo*”, “*tái tạo*” di tích⁶. Như vậy, muộn nhất là vào cuối thế kỷ XIX, các lăng Ông ở Hội An đã được xây dựng. Về qui mô không gian di tích, theo lời kể của các vị cao tuổi cho biết đã có một số di tích ngoài không gian chính là lăng thờ còn có cả khu nghĩa trang ở liền cạnh khuôn viên lăng để mai táng Ông như trường hợp ở lăng Ông Cẩm Thanh, lăng Ông An Bàng... Ở Cù Lao Chàm thì có một nghĩa trang cá Ông nằm sát cạnh lăng Cô Hồn, Bãi Ông. Qua đây, có thể thấy tín ngưỡng cá Ông vừa là tín ngưỡng thờ thần linh vừa là hoạt động nhân sinh (*địa táng, xử lý thi thể cá voi rất văn minh của cộng đồng cư dân ven biển*).

Vị trí của tín ngưỡng cá Ông còn được thể hiện qua hệ thống các nghi thức tín ngưỡng, lễ hội liên quan đến mai táng cá Ông. Vị trí quan trọng của tang lễ và

Ông Mặc Tôn Thần”. Mỗi sắc phong tương ứng với mỗi lần có một Ông lụy, vì sau khi Ông lụy, nhân dân và chính quyền địa phương làm sớ dân lên triều đình xét, ban sắc phong.

⁵ Diêm thường có Ông lụy tại Cù Lao Chàm là Hòn Ông, Hòn Lá.

⁶ Tại di tích lăng Ông An Bàng - Cẩm An hiện vẫn còn xà cò ghi miếu được tu tạo vào năm Bảo Đại nguyên niên (1926); tại lăng Ông Cẩm Nam, có xà cò ghi niên đại tái tạo lăng vào năm Khải Định thứ 2 (1918), Ở di tích lăng Ông Cẩm Thanh có hai ô đắp nổi các số 1820, 1990 - các vị bô lão ở đây cho rằng miếu được xây dựng vào năm 1820 và tu tạo vào năm 1990.



mai táng cá Ông được đặt lên vị trí của tang lễ, nghĩa cử của người con với cha, mẹ theo các qui định chủ yếu trong tang lễ truyền thống (*Thọ mai gia lễ*) và có sự tham gia của cả cộng đồng làng chài. Vì theo ngư dân, cá Ông là vị thần linh thường hiện ra trong lúc giông bão để nâng đỡ ghe thuyền, đưa vào bờ, cứu sống nhiều người thoát nạn và được xem như là đã sinh ra các ngư dân lần thứ hai. Người đầu tiên phát hiện được Ông lụy là người chịu tang như con trai trưởng chịu tang cha mẹ, nhưng việc tổ chức tang, táng cho cá Ông là do cộng đồng tham gia thực hiện cả về kinh phí và sức lực⁷. Và Ông lụy tại điểm nào đó, thì địa điểm trở thành nơi may mắn, đem điềm lành về làng.

⁷ Điều này lý giải tại sao có một số làng Ông nằm sâu trong đất liền (*cách biển từ 1 - 3km*) như làng vạn Thanh Thuận, làng Ông Cẩm Nam, làng Ông Cẩm Thanh, tại các làng chài này, đã có ngư dân phát hiện Ông lụy ở ngoài bãi biển, sau đó làng lập lăng thờ Ông.

Thường thì việc tổ chức tang lễ cá Ông ở Hội An được thực hiện theo qui trình sau: Ngày đầu tiên là mọi người chọn lập tang chủ (*người phát hiện Ông lụy*), lập hội đồng hộ lễ, chuẩn bị các phương tiện, vật dụng để thực hiện nghi thức liệm, nghi lễ tang ma; thực hành nghi lễ liệm (*tắm gội bằng rượu*) cá Ông, phạn hàm (*bỏ gạo vào miệng Ông*), nhập quan, thiết linh sàng, minh tinh, thành phục (*lễ để tang*), cúng cơm mỗi sáng, chiều. Ngày tiếp theo là tổ chức lễ tế vào ban ngày, ban đêm tổ chức hát bội. Ngày cuối cùng: Đưa đám (*có đội bả trạo đưa linh và hát đưa linh hết sức trang nghiêm và thống thiết*), cúng hậu thổ nghi tiết. Kết thúc tang lễ có mở hội đua ghe để Ông chứng cho lòng thành và cầu mong thái bình. Sau tang lễ, vẫn thực hiện các nghi lễ mở cửa mả làm tuần như cho người chết (*mở cửa mả - bảy ngày*

sau khi chôn; làm tuần 7 ngày, 21 ngày, 49 ngày, lễ đám tế (lễ đốt bỏ tang phục) 90 ngày và lễ đại tường 100 ngày, đến ba năm (thực ra là tròn 2 năm) tổ chức nghi lễ cải táng, các xương của Ông được xếp ngay ngắn vào trong quách gỗ (màu đỏ) rồi cất trong lăng, có một số lăng có xây các hộc trống dưới các án thờ hoặc đưa ra nghĩa địa cá Ông cải táng. Có nơi treo một đoạn xương dài của Ông trong miếu như tại Lăng Vạn Thanh Thuận.). Trong lúc vạn chài này tổ chức tang lễ cá Ông thì các vạn chài lân cận (ở đất liền) hoặc có cùng chung khu vực đánh bắt trên biển đều đến thực hành nghi lễ phúng điếu. Qua táng thức cá Ông cho chúng ta thấy một cách xử lý thi thể các sinh vật biển có kích thước khổng lồ hết sức văn minh, khoa học của cư dân miền biển để bảo vệ môi trường.

Liên quan đến việc tôn thờ cá Ông là các lễ hội hết sức trang trọng, qui mô của ngư dân vùng biển theo dịp Xuân kỳ, Thu tế cầu mong bình an, đánh bắt được mùa, gắn liền với khối lượng tri thức dân gian và các hoạt động nghệ thuật (*hát bội, hát bả trạo, hò đưa linh*), thể thao (*đua ghe, lắc thúng chai...*) mang đậm văn hóa miền biển, nổi bật hơn so với nhiều lễ hội cộng đồng làng xã khác. Hiện nay, các lễ cầu ngư tại các di tích là lăng Ông Ngư - Cù Lao Chàm - Tân Hiệp, lăng Tiều Diện Đại sĩ - Cửa Đại, lăng Ông An Bàng - Cẩm An là những lễ cầu ngư qui mô được đưa vào danh mục các lễ hội hàng năm để Ủy ban Nhân dân Thành phố Hội An quản lý, hỗ trợ tổ chức, quảng bá giá trị, thu hút khách tham quan⁸.

Qua bước đầu nhận diện về vị trí của tín ngưỡng thờ cá Ông chúng tôi thấy, tín ngưỡng thờ cá Ông có vai trò hết sức quan trọng trong đời sống văn hóa miền biển nói riêng và Hội An nói chung, trong đó có một điểm nổi bật như sau:

- Tín ngưỡng thờ cá Ông đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tinh thần của ngư dân đánh bắt trên biển, những người thường xuyên sống giữa không gian rộng lớn, gặp nhiều bất trắc, ảnh hưởng đến tính mạng trong đánh bắt (*đêm tối, sóng, gió, bão, tố, giông, lốc, sét...*). Do vậy, những nghi lễ mai táng, tế Ông, cầu ngư với ước mong cầu sự bình an, nhớ ơn những yếu tố hỗ trợ, đem đến sự an toàn, đánh bắt bội thu đã đem lại cho ngư dân một cuộc sống tự tin, tiếp tục duy trì nghề nghiệp, bám biển, vươn khơi. Và chính từ hệ thống những quan niệm, nghi lễ này đã tạo một khối lượng di sản văn hóa phi vật thể to lớn, góp phần tạo nên nét đặc trưng của văn hóa ven biển Quảng Nam, miền Trung Việt Nam. Song hành với phần lễ đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, phần hội trong các lễ tế cá Ông, cầu ngư được diễn ra trang nghiêm nhưng cũng hết sức rộn ràng với các hoạt động nghệ thuật, thể thao qui mô là hát bội, đua ghe góp phần tạo nên không khí vui chơi giải trí, thưởng lãm nghệ thuật. Lễ tang cá Ông, lễ cầu ngư, việc tôn thờ cá Ông, các hội tiệc, trò chơi, diễn xướng còn tạo nên sự cố kết cộng đồng giữa các ngư dân với ngư dân trong cùng một địa phương, trong cùng một phân ngành đánh bắt cũng như giữa các ngư dân ở các địa phương lân cận nhau. Từ đó tạo nên tình đoàn kết, hỗ trợ nhau trong đánh bắt, khai thác.

⁸ Lăng Ông Cẩm Nam tế vào ngày 28/2 và 20/8 âm lịch hàng năm; Lăng Ông Ngư Cù Lao Chàm vào ngày 4

tháng 4 âm lịch, Lăng Ông An Bàng tế vào ngày 12 tháng Giêng và ngày 04/9 âm lịch hàng năm...

- Tín ngưỡng thờ cá Ông làm cho ngư dân an tâm, tin tưởng vào thiên nhiên, vào bản thân, tiếp tục dần thân gửi nghề, khai thác đánh bắt trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai, từ đó đóng góp giá trị kinh tế lớn lao, phục vụ nhu cầu ăn uống cho người dân Hội An cũng như những địa phương khác có tiêu dùng hải sản của ngư dân Hội An đánh bắt và khách du lịch đến Hội An thưởng thức. Đặc biệt các lễ hội cầu ngư tại Hội An là những điểm nhấn thu hút du khách đến tham dự bởi những giá trị văn hóa tín ngưỡng đặc trưng, qui mô, hệ thống nghi lễ trang trọng, qui củ...

- Tín ngưỡng thờ cá Ông là một hoạt động bảo vệ môi trường cổ truyền, có giá trị đến ngày nay (*xử lý thi thể, mai táng sinh vật biển có kích thước lớn*), bảo vệ sinh vật biển (*khi cá Ông vào bờ nhưng chưa lụy (chưa chết) thì ngư dân sẽ làm hết sức mình để cá Ông được trở về với biển khơi*).

- Tín ngưỡng thờ cá Ông thể hiện tư duy uống nước nhớ nguồn ngay từ trong sự tích, trong cuộc sống hàng ngày và được nhiều đời truyền kể, chỉ dạy, tiếp thu tạo nên một bài học đạo đức linh nghiệm của cư dân miền biển.

- Tín ngưỡng thờ cá Ông đã tạo dựng nên một hệ thống di tích, cùng các di sản văn hóa phi vật thể đặc trưng, có giá trị lịch sử - văn hóa cấp quốc gia (*di tích lăng Ông Ngư Cù Lao Chàm - Tân Hiệp*), cấp tỉnh (*gồm các di tích Khu lăng Ông Cẩm Nam, lăng ông An Bàng, lăng Ông Cẩm Thanh*), là nơi cổ kết cộng đồng hữu hiệu, nơi thực hành và bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể liên quan đến ngư nghiệp bền vững ♦

*** Tài liệu tham khảo:**

1. Trần Văn An (2008), Di sản Văn hóa Văn nghệ dân gian Hội An.

2. Phan Thu Hiền (2019), Tín ngưỡng thờ cá Ông (Cá Voi) của cư dân vùng biển, Nguồn: <http://www.vanhocnghethuathatinh.org.vn/tin-nguong-tho-ca-ong-ca-voicua-cu-dan-vung-bien-1568942912.html>

3. Ngọc Lại - Hà Nguyễn (2013), *Truyền kỳ 'Nam Hải Đại tướng quân' cứu vua Gia Long*, website Báo Người đưa tin, cập nhật Chủ nhật, 05/05/2013 | 09:27.

4. Mai Hồng Lâm (2015): *Táng tục cá Ông*, Nguồn: <https://www.baodanang.vn/channel/6058/201505/tuc-tang-ca-ong-2418276/index.htm>, cập nhật Thứ Sáu, 29/05/2015, 17:05 [GMT+7].

5. Thanh Trang, *Ảnh hưởng của tín ngưỡng thờ cá Ông đối với cư dân ven biển Cà Mau*, Nguồn: http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/262/0/16613/Anh_huong_cua_tin_nguon_tho_ca_ong_doi_voi_nguoi_dan_ven_bien_tinh_Ca_Mau

6. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An: *Lý lịch di tích (các di tích Lăng Ông Ngư Cù Lao Chàm, Lăng Ông An Bàng, Lăng Ông Cẩm Nam, Lăng Ông Cẩm Thanh, Lăng Tiêu Diện Đại Sĩ - Cửa Đại)*, Thông tin khảo sát về lăng Ông Tân Thành - Cẩm An, lăng vạn Thanh Thuận - Cẩm Nam, Lưu trữ tại TTQLBTDSVH.

7. Viện Viễn Đông Bác cổ (1943): Tài liệu điều tra về văn hóa làng xã Quảng Nam, bản photo tiếng Việt, lưu trữ tại TTQLBTDSVH Hội An.

8. Võ Hồng Việt (2018): *Tiếp cận tín ngưỡng thờ cúng cá Ông ở Hội An qua di tích lăng Ông Ngư tại Cù Lao Chàm*, Nguồn: hoianheritage.net, cập nhật: Thứ hai - 14/05/2018 08:46.

ẢNH HƯỞNG CỦA TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG CÁ ÔNG ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ Ở HỘI AN

CN. Nguyễn Văn Thịnh

1. Đặt vấn đề

Tín ngưỡng thờ cúng cá Ông là loại hình tín ngưỡng đặc trưng của cộng đồng dân cư ven biển nước ta, hình thức tín ngưỡng này khá phổ biến từ khu vực duyên hải miền Trung trở vào. Đây là một dạng thức, tín ngưỡng thờ vật linh, nhiên thần, vị thần hộ mệnh mang lại nhiều điều may mắn cho những người làm nghề đi biển. Sách Đại Nam nhất thống chí của Quốc sử quán triều Nguyễn chép rằng: *“Cá Ông voi: Đức ngư (theo tên đời Tự Đức ban cho) đầu tròn, trên trán có lỗ phun nước sắc đen, nhẵn nhụi không vảy, đuôi chẻ ra như đuôi tôm; tính hiền lành hay cứu người. Đầu đời Minh Mệnh cho tên là nhân ngư, đầu đời Tự Đức cho đổi tên như hiện nay. Con nào ở biển Nam thì có linh tính, ở biển khác thì không...”*¹. Sử gia Trịnh Hoài Đức trong Gia Định thành thông chí cũng miêu tả khá rõ: *“Cá biển có cá voi, đầu tròn, ở trán có lỗ phun nước, mũi miệng như con voi, mình trơn láng không có vảy, đuôi chẻ như đuôi tôm; tính hiền lành, hay cứu giúp người. Người đánh cá thường gọi để lừa cá vào lưới. Thuyền đi biển bị đắm, cá này thường đưa người lên bờ. Dân vùng biển đều kính lễ. Có xác cá ấy trôi dạt vào*

*đâu, thì ngư dân góp tiền vải, sắm quan tài để liệm chôn, lấy người trùm ngư dân làm tang chủ, lập đền phụng thờ. Trong điện thờ phong làm Nam hải tướng quân, vì là ở biển Nam hải thì mới linh ứng, còn ở biển khác thì không...”*².

Theo quan niệm dân gian, cá Ông được xem là hiện thân của thần biển, vị thần bảo hộ, che chở cho ngư dân trước những bão tố, hiểm nguy trong những lần ra khơi vào lộng. Niềm tin này dần dần đã hằn sâu vào tiềm thức và trở thành tín ngưỡng dân gian của cộng đồng dân cư ven biển. Tùy theo từng địa phương thường gọi cá Ông bằng nhiều danh xưng tôn kính mang biểu tượng dân gian khác nhau như: Đức Ông, Cá Ngải, Ông Nam Hải, Ông Lớn, Ông Cậu, Ông Lộng, Ông Khoi, Ông Chuông, Ông Kim, Ông Phuron, Ông Sứa,... Về mặt khoa học, cá Ông có tên tiếng Anh là Whale, là loại động vật có vú sống ở môi trường nước thuộc bộ cá Voi (*Cetacea*). Đây là một loại cá lớn, thông minh, có khả năng phán đoán, phản xạ nhanh và rất nhạy bén. Chúng có thể cảm nhận được cảm xúc của con người cũng như phán đoán, phân biệt được con mồi chúng muốn tấn công, vì vậy chúng

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí, Tập 1*. NXB Thuận Hoá, 1997, Trang 406.

² Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí (Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch)*. NXB Giáo dục, 1998, Trang 167.

không làm hại con người và tàu thuyền trên biển.

Hội An nằm trong khu vực cửa sông - ven biển của tỉnh Quảng Nam, thuộc vùng hạ lưu, nơi hội lưu của các nguồn sông lớn của xứ Quảng: Nguồn Thu Bồn (*được tạo bởi sông Tranh - ở Phước Sơn, sông Tiên - ở Tiên Phước, sông Trà - ở Trà My*); nguồn Ô Gia/Vu Gia (*được tạo bởi sông Bung - ở Giồng, sông Vàng - ở Hiên, chảy xuống Đại Lộc*); nguồn Chiên Đàn (*từ phía Nam chảy ra, được tạo bởi sông Tam Kỳ chảy xuống sông Trường Giang*) và sông Đé Vông hay Lộ Cảnh giang (*tục gọi là sông Cổ Cò, nối thông với Đà Nẵng*). Phía Đông Hội An là biển Đông với đường bờ biển dài khoảng 7km, có cửa biển/Cửa Đại (*Đại Chiêm hải khẩu - cửa biển lớn của Chăm Pa*) nơi hợp lưu của các nguồn sông trước khi đổ ra biển. Cách đất liền về phía Đông Đông Bắc khoảng 18km là cụm đảo Cù Lao Chàm (*Pulociam, Pulaucham, Polochiam pello, Chiêm Bất Lao, Tiêm Bích La,...*), bao gồm 8 hòn đảo lớn, nhỏ: Hòn Lao, hòn Dài, hòn Mồ, hòn Ông (*hòn Nôm*), hòn Tai, hòn Lá, hòn Khô Mẹ, hòn Khô Con³. Với những đặc trưng về địa lý, môi trường - sinh thái gắn liền với biển đảo và việc dựa vào biển đảo để sinh tồn, từ đó đã hình thành nên các cộng đồng dân cư chuyên làm nghề chài lưới, khai thác, đánh bắt hải sản ở Hội An như các làng, vạ ở Cẩm An, Cẩm Thanh, Cẩm Nam, Cửa Đại, Cù Lao Chàm,... Cùng với việc hình thành các làng, vạ nghề này là sự ra đời của tín ngưỡng văn hoá

dân gian gắn liền với biển đảo đó là tín ngưỡng thờ cúng cá Ông. Hiện nay, ở Hội An có khá nhiều thiết chế văn hoá liên quan đến loại hình tín ngưỡng này như: Lăng Ông Ngự ở thôn Bãi Làng, xã Tân Hiệp (*Cù Lao Chàm*); lăng Ông An Bàng ở khối An Bàng, phường Cẩm An; lăng Ông Cẩm Nam ở khối Hà Trung, phường Cẩm Nam; lăng Ông Cẩm Thanh ở thôn Thanh Nhút, xã Cẩm Thanh; lăng Tiêu Diện ở khối Phước Thịnh, phường Cửa Đại.

2. Ảnh hưởng của tín ngưỡng thờ cúng cá Ông đối với cộng đồng dân cư ở Hội An

Tín ngưỡng thờ cúng cá Ông là loại hình tín ngưỡng đặc trưng của cộng đồng dân cư ven biển nước ta. Ở mỗi loại hình tín ngưỡng dân gian nào đều có những giá trị tích cực tác động, ảnh hưởng đến đời sống văn hoá tinh thần, vật chất của con người. Một mặt, nó là điểm tựa tinh thần của con người trong những lúc gặp khó khăn, nguy hiểm. Mặt khác, đây còn là nơi bảo tồn và phát triển những loại hình tín ngưỡng văn hoá dân gian của con người trong xã hội; là cơ sở, điều kiện góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Ở Hội An, tín ngưỡng thờ cúng cá Ông có vai trò, vị thế và sức ảnh hưởng không nhỏ đối với đời sống của cộng đồng dân cư.

- *Đối với đời sống tâm linh, sinh hoạt văn hóa:* Việc khai thác, tận dụng các nguồn lợi từ biển cả là truyền thống vốn có từ bao đời nay của cộng đồng dân cư ở Hội An. Thời gian qua, tín ngưỡng thờ cúng cá Ông đã có sức ảnh hưởng không nhỏ đối với người dân ở Hội An nói chung và những ngư dân đi biển nói riêng. Niềm tin và việc thực hành các

³ Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An, *Thông tin nghiên cứu Địa lý - Sinh thái Hội An*. Hội An, tháng 01 năm 2017.

ngghi lễ tín ngưỡng này đã tác động đến tinh thần của ngư dân, thông qua việc họ được củng cố thêm tinh thần, vững tâm hơn trong những lúc ra khơi, đánh bắt được mùa. Mặt khác, tín ngưỡng thờ cúng cá Ông không chỉ thoả mãn đời sống tâm linh mà còn đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hoá, vui chơi giải trí cho người dân thông qua các hình thức lễ hội truyền thống (*lễ hội Cầu Ngư*). Bên cạnh phần lễ tôn nghiêm, là lúc mọi người bày tỏ lòng thành kính của mình, thì phần hội là phần vui chơi, giải trí với nhiều hoạt động rất đa dạng, phong phú như hát bả trạo, hát tuồng, đua ghe, hội thi ẩm thực,... Thông qua các hoạt động này, người dân sẽ có những giây phút vui vẻ, thư giãn sau những tháng ngày ra khơi vất vả.

- *Đối với đời sống kinh tế - xã hội:*

Tín ngưỡng thờ cúng cá Ông đã có những ảnh hưởng và tác động, chi phối nhất định đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở Hội An. Thông qua các hoạt động tín ngưỡng thờ cúng cá Ông, ngư dân phần nào cảm thấy an tâm hơn mỗi khi ra khơi đánh bắt hải sản, từ đó góp phần thúc đẩy nền kinh tế ngư nghiệp ở Hội An phát triển, qua đó đời sống kinh tế của người dân cũng được cải thiện, nâng cao hơn. Bên cạnh đó, các lễ hội của tín ngưỡng thờ cúng cá Ông còn là một bộ phận di sản văn hóa phi vật thể đặc trưng và quan trọng trong các loại hình văn hóa tín ngưỡng dân gian ở Hội An. Việc thực hành các nghi lễ thờ cúng cá Ông, các hình thức nghệ thuật trình diễn dân gian (*hát bả trạo*) luôn thu hút được sự quan tâm, tham gia của nhiều du khách khi đến Hội An. Nhờ đó, đã tạo được cơ sở quan trọng để phát triển ngành kinh tế du lịch gắn liền với lễ hội, qua đó phần nào làm phát triển, phong phú thêm các loại hình du lịch ở Hội An.

Về mặt xã hội, Tín ngưỡng thờ cúng cá Ông cũng có vai trò và sự ảnh hưởng không nhỏ. Tín ngưỡng thờ cúng cá Ông không chỉ thể hiện nhu cầu tâm linh, phản ánh nguyện vọng, mong muốn có được cuộc sống bình an, hạnh phúc mà còn mang ý nghĩa giáo dục nhân cách sống, thể hiện sự tri ân, tinh thần khoan dung, nhân ái trong tình yêu thương mọi loại, mọi chúng sanh,... Thông qua các nghi thức tín ngưỡng cộng đồng đã bày tỏ sự tôn kính, lòng biết ơn của mình đối với vị ân nhân - Cá Ông, qua đó đã khơi dậy truyền thống đạo lý “*uống nước nhớ nguồn*”, “*ăn quả nhớ kẻ trồng cây*”, tinh thần đoàn kết, gắn bó giữa con người với con người, góp phần làm cho mối quan hệ giữa các cá nhân trong xã hội ngày càng tốt đẹp hơn. Mặt khác, các thiết chế văn hóa của tín ngưỡng thờ cúng cá Ông còn thể hiện, phản ánh một giai đoạn lịch sử gắn liền với quá hình thành phát triển cộng đồng dân cư, qua đó nhắc nhở, giáo dục cho thế hệ trẻ biết kính trọng, biết ơn những lớp người đi trước, những thế hệ cha ông đã đổ bao mồ hôi, xương máu để có được ngày hôm nay.

- *Đối với môi trường - sinh thái biển:* Không chỉ có giá trị, ý nghĩa về mặt nhân văn, tín ngưỡng thờ cúng cá Ông còn góp phần vào việc bảo môi trường sinh thái biển, bảo vệ nguồn lợi thủy sản đang có nguy cơ cạn kiệt, qua đó tạo ra nguồn sinh kế bền vững cho ngư dân nói riêng, người dân ở Hội An nói chung.

Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, phương tiện kỹ thuật, rất nhiều bí ẩn về biển cả, về các thế lực siêu nhiên đã được con người lý giải, tất cả các vấn đề này phần nào đã tác động, ảnh hưởng đến nhận thức, niềm tin - tín ngưỡng của con

người. Bên cạnh đó, quá trình đô thị hóa, các hoạt động du lịch - dịch vụ ồ ạt đã làm phá vỡ, biến dạng cấu trúc, không gian thực hành các nghi thức tín ngưỡng ở nhiều địa phương. Hơn nữa, việc chuyển đổi cơ cấu ngành kinh tế từ ngư nghiệp sang các ngành như dịch vụ - du lịch,... đã làm thay đổi các giá trị văn hóa truyền thống vốn có của cộng đồng dân cư. Tất cả những vấn đề trên đã đặt ra một thách thức to lớn cho việc gìn giữ, bảo tồn những giá trị văn hóa gắn liền với biển đảo, trong đó có Tín ngưỡng thờ cúng cá Ông.

3. Kết luận

Với những đặc trưng về địa lý, môi trường - sinh thái gắn liền với biển đảo và việc dựa vào biển đảo từ bao đời nay nên tín ngưỡng thờ cúng cá Ông là một nhu cầu tâm linh không thể thiếu đối với cộng đồng dân cư ở Hội An. Thời gian qua, tín ngưỡng thờ cúng cá Ông đã có

những ảnh hưởng, tác động không nhỏ đến đời sống cộng đồng dân cư ở Hội An. Thông qua việc thực hiện các nghi lễ tín ngưỡng, người dân phần nào đã giảm bớt đi nỗi lo sợ, căng thẳng khi phải đối mặt với nhiều yếu tố bất trắc, rủi ro từ biển cả và thể hiện sự tôn kính của mình đối với thiên nhiên. Mặt khác, niềm tin và việc thực hành các nghi lễ tín ngưỡng còn thể hiện sự tri ân, tấm lòng biết ơn của cộng đồng đối với vị ân nhân - Cá Ông, cũng như phản ánh nguyện vọng, mong muốn có được cuộc sống bình an, ấm no và hạnh phúc. Bên cạnh đó, Tín ngưỡng thờ cúng cá Ông còn để lại một kho tàng di sản văn hóa quý báu như các lễ hội truyền thống (*lễ Cầu Ngư*), tập quán xã hội (*nghi thức thờ cúng*), các loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian (*hát bả trạo*), các thiết chế văn hóa (*lăng/miếu*),... từ đó đã góp phần làm phong phú thêm các loại hình di sản văn hóa ở Hội An♦



Trò chơi kéo co dưới nước trong Lễ hội Cầu Ngư ở Cù Lao Chàm năm 2018, ảnh: Hồng Việt

VĂN NGHỆ DÂN GIAN LIÊN QUAN ĐẾN TỤC THỜ CÚNG CÁ ÔNG Ở HỘI AN

ThS.Thái Thị Liễu Chi

Ở Hội An, cá Ông (*cá Voi*) được ngư dân tôn kính như một vị phúc thần. Làng xóm nào có cộng đồng ngư dân sinh sống đều lập lăng để thờ ngọc cốt của Ông: Tại Bãi Làng - Tân Hiệp là lăng Ông Ngư, ở Thanh Nhứt - Cẩm Thanh, An Bàng - Cẩm An gọi là lăng Ông, ở Hà Trung - Cẩm Nam có lăng Năm Sờ, trong đó có thờ cá Ông, Phước Thịnh - Cửa Đại có lăng Tiêu Diện. Dân gian có câu “*cá Ông vào làng như vàng vào tủ*”. Ngư dân xem đó là vinh phúc của làng mình. Họ cùng nhau lo việc tang ma, chôn cất chu đáo (*trong khu vực lăng*) như đối với một con người. Tín ngưỡng thờ cúng cá Ông đan cài, quyện hợp vào đời sống văn hóa văn nghệ của người dân miền biển nơi đây từ bao đời qua truyện kể, ca dao, dân ca, đặc biệt là không thể tách rời hai loại hình diễn xướng dân gian đặc trưng: hát Bội và chèo Bả Trạo. Trong một bản Bả Trạo ca chèo cầu ngư, người Hội An có tóm gọn mục đích, gốc tích của việc thờ cúng cá Ông như sau:

Đức Ông có tiếng nhơn từ

Sắc vua phong tặng công tư phụng thờ

Phụng thờ từ thuở xưa nay

Hộ trì vạn lịch ngày ngày đội ơn
[7, 6]

Đây thực ra là tục cổ truyền của những người làm nghề biển trải suốt từ Thanh Hóa vào đến Nam Bộ, còn trở ra phía Bắc thì không thờ, nên dân gian có

câu “*Tại Nam vi thần, tại Bắc vi ngư*”. Thực tế này có lẽ vì chỉ có Triều đình nhà Nguyễn mới ban sắc phong Thần cho cá Ông. Sâu xa hơn, còn vì chủ thể gốc của phong tục là cộng đồng người Chăm, vốn tài giỏi trong nghề ra khơi xa đánh bắt thủy hải sản và buôn bán giao thương với các nước bằng đường biển. Khác với người Việt vốn bị giới hạn tầm nhìn trong vùng Vịnh Bắc Bộ nước nông, êm ả, cuộc sống bám biển dài ngày khiến người Chăm giàu có về kinh nghiệm và cũng gặp nhiều thử thách của biển khơi hơn. Tín ngưỡng thờ cúng cá Ông như một vị thần hộ mệnh cũng hình thành từ việc nhiều lần họ được loài cá này cứu sống trong cơn bão tố. Trong quá trình Nam tiến, hòa nhập và giao lưu, học hỏi về sinh kế, văn hóa... với người Chăm, người Việt cũng đã thâm hóa một cách nhuần nhuyễn để tục thờ cúng cá Ông trở thành tín ngưỡng của dân tộc mình và duy trì đến tận ngày nay. Với đặc điểm hình thành và phát triển như vậy nên dân gian có nhiều thần tích, truyện kể thể hiện nguồn gốc xa xưa của tục thờ cúng cá Ông với nhiều tầng lớp văn hóa đan xen, thể hiện quá trình tiếp biến, sáng tạo và nhiều góc độ tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau.

Truyện cổ Chăm kể về vị thần Pô Riyak (*thần Sóng biển*) như sau: Thần Pô Riyak tên thật là Jataul Wa (*hay Aih Wa*) thuở bé thông minh, đỉnh ngộ, có đạo đức. Lớn lên, thấy đất nước bị lâm nguy, dân lành đau khổ, ngài sang Mukah (*Mecca*)

học bùa thiêng với quyết tâm sẽ trở về cứu nguy đất nước. Ở Mecca, ngài tâm sự với thầy hoài bão của mình và được thầy thương tình truyền dạy cho mọi bùa phép thần thông. Năm ấy là năm kỵ tuổi, nhưng vì nóng lòng về lại quê hương để giúp đỡ mọi người nên ngài đã cãi lời thầy can ngăn, lên thầy lên thuyền vượt biển. Gần đến bờ biển quê hương, biển động mạnh khiến chiếc thuyền của ngài bị một cơn sóng lớn đánh chìm. Một loài ó biển chúi sà xuống phanh xác ngài ra làm đôi. Dạt vào đến bờ, một mảnh thân xác hóa lại thành người, lên núi sống mai danh ẩn tích, còn mảnh kia hóa thành cá Ông phơi mình trên cát. Như vậy, cá Ông chính là hiện thân của thần sóng biển, được người Chăm lập đền thờ và cúng tế hàng năm [5, 81].

Ở vùng Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, dân gian thường truyền tụng câu chuyện về sự tích cá Ông mang màu sắc Phật giáo như sau: Một hôm, trên toà sen, nhìn lướt qua sóng gió đại dương Nam Hải, đức Quán Thế Âm Bồ Tát thấy muôn vàn sinh linh vốn là những ngư dân hiền lành lấy nghề đánh cá để nuôi thân đang gặp cơn phong ba bão táp, phải bỏ mạng oan uổng. Trước cảnh tượng đau lòng đó, Bồ Tát liền cỡi chiếc pháp y, xé tan thành từng mảnh nhỏ, ném xuống mặt biển mênh mông; mỗi mảnh vụn theo nguyện ý của Bồ Tát đã biến thành một con cá voi để cứu đám ngư dân đang nguy khốn. Đức Quán Thế Âm còn mượn bộ xương của loài voi trên rừng ban cho đàn cá để có sức vóc to lớn, có thể đương đầu với sóng gió đại dương. Cũng vì thế, đàn cá mang tên là cá voi (vì mượn xương voi và cũng vì to lớn như voi). Tuy nhiên, do to lớn nên chậm chạp, nhiều trường hợp biết có thuyền chài lâm nạn nhưng vì ở quá xa, cá Voi cố sức bơi tới cũng không kịp cứu nạn. Bồ Tát liền ban cho đàn cá phép “thâu đường”, dù ở bất cứ nơi nào cần đến đều có thể cứu nạn

kịp thời, kèm giữ cho thuyền được thăng bằng, không bị tan vỡ trong bão tố, lại diu vào tận bờ biển.

Ngày nay, dân gian vùng sông biển Hội An vẫn còn lưu truyền nhiều mẩu chuyện ly kỳ về những lần ngư dân thoát chết trở về trên lưng Ông, có người nay vẫn còn sống. Điều này càng minh chứng rõ ràng thêm về sự hiển linh của Ông, càng bồi đắp sắc màu cho thần thoại xa xưa, khắc sâu niềm tin, thái độ thành kính đối với cá Ông trong tâm thức người dân miền biển và cả cộng đồng dân cư Hội An, một vùng đất địa linh nhân kiệt, vừa thấm nhuần đạo Phật, vừa khiêm minh ứng xử theo quan niệm đạo đức Nho gia “*Thuận đạo trời, an đạo đất, hòa đạo người*”.

Không những trong truyện kể, Ông còn hiện diện thường xuyên trong tâm thức người làm nghề biển qua hoạt động lao động sản xuất, sinh sống hàng ngày. Ở Hội An, ngư dân thường gọi cá Ông là Ông, một cách gọi thể hiện lòng tôn kính nhưng mộc mạc, gần gũi như với đức sinh thành (ở vùng miền khác, cá Ông còn được gọi là: ông Nam Hải, ông Chuông, ông Khơi, ông Lớn, ông Cậu, ông Lược, ông Sanh...). Cũng vì yêu kính, nể trọng Ông, người dân đã lấy tên Ông đặt tên cho đất, cho làng với niềm tin luôn có sự hiện diện của Ông để được che chở, phù trợ nhiều điều may mắn trong hành trình mưu sinh gian nan giữa biển khơi.

- Hòn Dài hòn Lá hòn Ông

Tàu xuôi ngược đảo Bãi Ông yển sào

- Bãi Làng, Bãi Bắc, Bãi Ông

Bãi Bìm, Bãi Xếp, Bãi Chông, Bãi Hương

Chúng mình giữ trọn quê hương

*Trăm năm ta với bạn múi chỉ
hường se duyên*

Hòn Ông là tên một hòn đảo lớn, nằm về chót đuôi phía Nam của cụm đảo Cù Lao Chàm - Hội An, còn Bãi Ông là một trong 3 dải đất rộng lớn ven đảo.

Khi lên đến trên biển, Ông chính là nơi bầu vút tinh thần, là hóa thân của Bồ Tát nghìn mắt nghìn tay cứu nhân độ thế, nên ngư dân niệm Ông để được linh ứng cứu giúp khi lâm nguy. Vì vậy, dân gian có câu ca:

Dậm chân ba tiếng kêu Ông

Ghe tôi xiêu dạt sao không thấy về

Ngư dân Hội An có lệ cúng Ông mỗi khi ghe thuyền hành nghề đi qua Lăng Ông, Hòn Ông (*Cù Lao Chàm*). Thực tế đó còn được phản ánh trong văn nghệ dân gian qua câu hò:

Hòn Ông đây đã gần miền

Anh em lớn nhỏ trong thì mà ra

Kẻ thời xắt bánh người lại làm gà

Kẻ thời cắt chuối người mà bơi xôi

Mấy lãng vừa tới đã rồi

Xin Ông làm lễ một hồi hấn hiên

Các hình thức sinh hoạt văn nghệ dân gian liên quan đến lễ hội cúng tế cá Ông lại càng tô đậm vai trò quan trọng của tín ngưỡng tâm linh này đối với đời sống văn hóa xã hội miền biển. Cúng tế cá Ông hàng năm tại các làng vịnh cũng như bao lễ hội cổ truyền khác của người Việt nói chung và Hội An nói riêng, đều xuất phát từ nhu cầu sinh hoạt văn hóa- tín ngưỡng- nghệ thuật của cộng đồng dân cư. Ở đó, tín ngưỡng gắn liền với nhu cầu trần tục, tín ngưỡng phồn thực đi đôi với sự cởi mở, hòa hợp giữa người với người, người

với thánh thần, và với thiên nhiên vạn vật. Vì thế, sau phần lễ nghi nghiêm trang bày tỏ sự tôn kính, biết ơn của dân làng đối với thần linh, tiền hiền, hậu hiền và cầu nguyện các vị tiếp tục che chở, ban phước lành thì phần hội luôn được người tham dự mong chờ nhất. Ở lễ hội Cầu ngư (*lễ hội cúng tế cá Ông*) hàng năm của người Hội An, ngư dân được vui chơi, giải tỏa những mệt nhọc sau một năm làm lụng vất vả, được sinh hoạt văn hóa văn nghệ, thi thố tài năng, gây tạo khí thế, khích lệ tinh thần để bắt đầu một vụ mùa mới. Bả Trạo và hát Bội (*hát Bội/Tuồng*) là hai loại hình diễn xướng dân gian quan trọng, làm nên linh hồn cho lễ hội này.

Có thể nói, loại hình diễn xướng dân gian phổ biến, được yêu thích nhất của người dân Hội An trước đây là Hát Bội. Các lễ hội lớn của làng như khánh thành đình làng, cúng đình, cúng cầu an, cúng cầu ngư (*cúng tế cá Ông*)... thường có tổ chức Hát Bội để người dân thưởng thức. Hát Bội sân đình/làng ngày trước là một đặc sản văn hóa của Hội An và cả khu vực miền Trung. Theo một số bậc cao niên ở Hội An kể lại, vì mê Hát Bội nên làng nào cũng có đội hát để tập tành và biểu diễn phục vụ những hội làng, hội đình. Những làng có điều kiện còn bỏ kinh phí thuê diễn viên hát hay múa đẹp của các làng bạn về biểu diễn giao lưu, nhập thành “*đội hát góp*”, phục vụ nhu cầu giải trí, thưởng thức văn nghệ của dân làng trong các dịp lễ trọng. Theo các bậc cao niên, trước 1975, lễ cúng Ông Ngư thường xuyên có tổ chức Hát Bội sau phần lễ chính để các vị thần linh, tiền hiền thưởng thức; dân làng nhân dịp này cũng được xem ké nên phải giữ thái độ khiêm kính. Sân khấu là một khoảng đất trống đối mặt với cửa lãng Ông, phía sau sân khấu có giăng phông màn để ước lệ khung cảnh minh họa theo nội dung tích Tuồng. Trước khi diễn vở

Tuồng chính, bao giờ đội hát cũng cử ra 3 diễn viên giỏi để hát “*Phúc Lộc Thọ*” hoặc “*Tam Quốc Chí*” với nội dung chúc tụng, cầu “*nhân khang vật thịnh*” trong khoảng mười lăm phút. Những vở Tuồng được chọn diễn thường là các tích cổ như Tam Hạ Nam Đàn, Tống Thê tổ thọ Nam đường, Phan Lê Huê, Tiết Nhơn Quý, Trảm Trịnh Ân, Phạm Công Cúc Hoa, Thoại Khanh Châu Tuấn... có khi được những nghệ nhân lão luyện trong làng cải biên lời thoại cho diễn viên dễ hiểu, dễ nhớ. Hội diễn Tuồng ở làng Ông kéo dài từ một đến ba đêm, tùy theo độ dài của vở diễn và yêu cầu của ban tổ chức lễ. Gần đây, không phải làng vạn nào cũng có điều kiện tổ chức hát Bội hằng năm nữa, mà ba năm một lần (*hát lệ*), vì phải thuê đội hát ở Tam Kỳ, Đà Nẵng chứ không còn những diễn viên cây nhà lá vườn như xưa, cũng vì nhu cầu thưởng thức Tuồng đã qua cái thời chiếm ngôi vị cao nhất trong cộng đồng dân cư nơi đây.

Nếu muốn tìm sự khác biệt giữa lễ hội của làng ngư nghiệp với làng nông nghiệp thì đó chính là nghi thức hò Bả Trạo. Bởi hò Bả Trạo là sản phẩm đặc trưng của lễ, hội miền biển dọc duyên hải miền Trung vào đến Nam Bộ; trình diễn trong các dịp đưa tang cá Ông, lễ cầu ngư, cầu an hàng năm tại các làng Ông. Tuy nhiên, mỗi vùng biển có một kiểu thức tương đối khác về nội dung hò hát và động tác múa, phục trang, nhạc cụ, số lượng ông tổng và con trạo. Ngoài ra, người Hội An đã linh hoạt đưa diễn xướng Bả Trạo vào nghi thức đưa tang của người dân, trở thành điệu hò đưa linh độc đáo. Các nhà nghiên cứu đều có chung ý kiến rằng hò Bả Trạo bắt nguồn từ Hát Bội, nhưng có sự dung hợp của nhiều loại hình nghệ thuật dân gian khác như các điệu dân ca, lý, hò chèo thuyền..., cả lối ngâm thơ Huế, kệ, tán

trong Phật giáo, hòa quyện triết lý dân gian với tư tưởng Phật giáo, Nho giáo để trở thành một kết cấu chặt chẽ về nội dung, phong phú các làn điệu, nhuần nhuyễn và logic. Cách diễn đạt vừa dân già, thô mộc kiểu ngư dân nhưng xen lẫn văn thơ, hò, lý vô cùng lãng mạn, lại kết hợp nhiều từ ngữ Hán Nôm sang trọng, tôn kính. Đó là kết tụ của trí tuệ, tài năng nghệ thuật dân gian, được lưu truyền, bồi tụ qua bao thế hệ ngư dân, trở thành tài sản vô giá của cộng đồng. Nghi thức hát Bả Trạo có hai bản: Chèo Ông và Bản Chèo âm linh, đều nghệ thuật hóa quá trình ra khơi của ngư dân, có mở màn, cao trào, kịch tính trong cơn bão tố và kết thúc thanh bình. Hoạt cảnh vừa ước lệ tượng trưng, vừa chi tiết, đầy biểu cảm qua các động tác chèo, quăng câu, tát nước, chống chọi với gió bão, nghỉ ngơi, ngâm ngợi thơ phú... theo tiết tấu nhịp điệu linh hoạt, đa dạng, khi khoan khi nhặt, người hô kẻ ứng rập ràng. Đan xen trong diễn biến hành trình vượt biển là những lời tụng ca công đức cá Ông.

*Biển Đông minh chớn chở nơi nơi
Thần Nam Hải oai phong lẫm lẫm
Công tế độ dặt dìu đã lẫm*

*Cõi cung thương còn động lòng
vàng [7, 2]*

- *Giúp người thiệt đã có công*

*Da tuyền lòng đỏ đức trong tánh gàn
Những cơn gió Sở mưa Tần*

*Ngàn trùng biển thăm chịu phần
đầy đưa*

Giúp mình dẫn cá sớm trưa

Giúp nghề câu lưới dư thừa ẩm no

Mênh mông biển thăm khôn dò

Chơi voi đã có chiếc đồ tế sanh [7, 4]

Từ sáng tác Hán Nôm ban đầu, các bản Bả trạo ca được sưu tầm trong dân gian ở Hội An cho thấy sự sáng tạo phong phú của người lao động qua quá trình lưu truyền, biểu diễn. Qua các bản chèo, ngư dân thể hiện lòng biết ơn đối với vị thần Nam Hải, biểu dương lòng hăng say lao động và tinh thần đoàn kết, gắn bó trong hoạn nạn của những con người mưu sinh nơi “đầu sóng ngọn gió”, thể hiện tình yêu quê hương và niềm tin vào cuộc sống cho dầu còn nhiều vất vả, gian nan “*Hội thái lai chẳng mai thì một/Cá được mùa đầy cột no nê*”. Trong thế kỷ này, với sự ra đi của các nghệ nhân tên tuổi như Phạm Đứng, Lê Tấn Hành..., các đội Bả Trạo ở Hội An cũng không còn biểu diễn thường xuyên nữa. Thực tế này cũng đang diễn ra ở nhiều miền biển khác, rất cần có phương pháp tác động thích hợp để bảo tồn, phát huy tốt trong đời sống cộng đồng.

Suy cho cùng, ngoài vai trò quan trọng của tín ngưỡng, nghi thức tế lễ thì các hoạt động sinh hoạt văn hóa, văn nghệ dân gian đã góp phần làm nên sức sống bền bỉ của lễ hội và bản thân lễ hội là môi trường sống, đất diễn lý tưởng, nuôi dưỡng các hoạt động sinh hoạt văn nghệ dân gian. Đối với tục thờ cúng cá Ông, ngoài những câu chuyện kể, câu ca dao, dân ca truyền miệng còn có hai loại hình văn nghệ dân gian gắn liền là hò Bả Trạo và hát Bội, được sân khấu hóa vô cùng đặc sắc. Sân khấu ấy là nơi những con người lao động chất phác hóa thân thành nhân vật huyền thoại trong tích cổ đậm tính mẫu hình về văn hóa ứng xử. Sân khấu ấy làm xích gần những con người lam lũ trong các dịp hội hè, đình đám: Họ tụ họp nhau tập tành cho lâu thuộc lời hát, ăn khớp với từng động tác múa thành thực; đề đến ngày ra mắt bà con, cộng đồng thôn xóm được cùng nhau khóc, cùng nhau

cười, hoặc ca tụng, hoặc chê bai..., cùng soi vào gương người xưa cho sáng đạo đời mình, cùng ôn với nhau những gian khó trong lao động để động viên tinh thần, gắn bó hơn trong cuộc sống, cùng nhận ra những giá trị của quê hương, của nghề nghiệp để biết ơn, gìn giữ và trân trọng ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Trần Văn An (2014), *Biển đảo trong Văn hóa văn nghệ dân gian Hội An*, NXB Văn hóa - Thông tin.
2. Trần Quốc Vượng (2006), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo Dục.
3. Đinh Hải (2012), Báo cáo khoa học đề tài Nghiên cứu loại hình nghệ thuật hát bả trạo trong lễ hội cầu ngư ở Quảng Nam, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Nam.
4. Lễ lệ, lễ hội Hội An (2008), Trung Tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.
5. Inrasara, Po Riyak - Thần sóng, Lịch sử, truyền thuyết và tục thờ cúng, Tạp chí Nghiên cứu & Phát triển, số 2 (128)-2016.
6. Lê Tấn Thành (2001), Nội dung bài hát bả trạo chèo đưa tang cá Ông (*cải biên*), Trung tâm Quản lý Bảo tồn di tích Hội An.
7. Đỗ Xuân Nghinh (2003), Nội dung bài hát bả trạo chèo Cầu ngư (*dịch từ bản Hán Nôm*), Trung tâm Quản lý Bảo tồn di tích Hội An.
8. Bản chèo âm linh Bả trạo ca và chèo Ông do ông Nguyễn Văn Tài (*sinh năm 1950*) tại Tân Hiệp cung cấp năm 2014, Th.S Phạm Phước Tịnh ghi.
9. Bài viết có sử dụng tư liệu sưu tầm ngữ văn dân gian của đồng nghiệp (*Trung tâm QLBTDSVH Hội An*) năm 2019.

CÁ ÔNG TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA DÂN GIAN CỦA CƯ DÂN CÙ LAO CHÀM

CN.Võ Hồng Việt

Trong khi tại một số nơi trên thế giới, cá Voi¹ bị săn bắt² vì mục đích

¹ Theo Từ điển Bách khoa Nông nghiệp Việt Nam, “cá Voi (Balaenus, tên khác cá ông, cá ông voi) chỉ động vật có vú ở biển, thuộc bộ Cetacea, họ Balaenidae. Bề ngoài giống cá nhưng có máu nóng, thở bằng phổi, đẻ con, nuôi con bằng sữa. Tổ tiên cá voi có lẽ là động vật ăn thịt, sống ở cạn, 60-70 triệu năm về trước chuyển xuống nước. Do môi trường nước có ma sát lớn, cấu tạo cơ thể được biến đổi thích nghi. Thân trần, hình thoi, thuôn về phía đuôi, kết thúc bằng vây đuôi hai cánh nằm ngang. Chi trước biến thành vây ngực, chi sau, da lông, các tuyến mỡ, tuyến mồ hôi và tai ngoài bị thoái hóa. Đa số các loài có vây lưng khiến cơ thể cân bằng trong nước. Dưới da có lớp mỡ dày. Cổ không thể hiện rõ. Mũi có 1-2 lỗ có van. Phổi rất dễ co giãn. Cột sống có 41-98 đốt, xương sườn 17 đôi nhưng chỉ có 10 – 11 đôi liền. Cá voi có thể lặn dưới nước lâu đến 1,5 giờ. Thính giác phát triển mạnh, xác định chính xác hướng âm truyền tới, nhờ xoang khí ở sọ và việc tách hệ thần kinh 2 tai. Vị giác và xúc giác (qua da) khá nhạy. Mắt bé, thị giác đóng vai trò thứ yếu.

Thuộc bộ cá voi hiện nay có 38 chi với 83 loài, chia thành 2 phân bộ với 7 họ, phân bộ cá voi không răng (Mystacoceti) gồm 3 họ: cá voi trơn (Balaenidae), cá voi sọc (Balaenopteridae), cá voi xám (Eschrichtiidae); phân bộ cá voi răng (Odontoceti) gồm 4 họ: Cá nhà táng (physeteridae), cá heo (Delphinidae), cá heo sông (Platinistidae) và cá voi mõ (Ziphiidae). Ngoài ra đã biết đến 127 loài cá voi cổ tuyệt chủng.

Cá voi là động vật có vú lớn nhất hiện nay. Thân dài từ 12-33m tùy theo loài, có con nặng đến 150 tấn. Các loại thuộc nhóm cá voi răng chủ yếu ăn cá, thân mềm chân đầu; các loài thuộc nhóm cá voi không răng chủ yếu ăn thân giảo trôi nổi. Phân bố rộng, nhiều loài di cư đều đặn; mùa đông vào vùng biển ấm để sinh sản, mùa hè vào vùng biển lạnh để kiếm ăn, tích lũy mỡ. Có loài di chuyển xa 5-10 nghìn km, nhưng thường chúng không vượt qua đường xích đạo, mà chỉ cư trú trong một vùng bán cầu. Đa số các loài, 2 năm đẻ 1 lần (trừ một số loài cá heo đẻ một năm), mỗi lần đẻ 1 con. Có chửa 10-16

tháng. Con mới đẻ rất lớn (dài bằng 1/3-1/2 chiều dài cá mẹ), khi đẻ đuôi ra trước. Con được nuôi bằng sữa 3-4 tháng, sữa rất béo, giàu chất béo (gấp 10 lần sữa bò) và giàu chất đạm (gấp 3 lần sữa bò) nên con lớn nhanh; kết thúc thời kỳ bú, con có thể tăng gấp đôi chiều dài khi mới sinh. Con bú 15-30 phút một lần, tuy mỗi lần bú không nhiều. Các loài cá voi lớn, tuyến sữa có thể sản ra đến 6 tấn sữa mỗi ngày. Cá voi thành thực sinh dục sau 3-6 năm. Sống 30-50 năm”. (*Trung tâm biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam (1991), Từ điển bách khoa Nông Nghiệp, Hà Nội, tr85*).

Nằm về phía Đông, cách đất liền Hội An chừng 18km là cụm đảo Cù Lao Chàm³ với 8 hòn đảo⁴ chạy theo hình cánh cung, tạo thành trấn phong vĩ đại

tháng. Con mới đẻ rất lớn (dài bằng 1/3-1/2 chiều dài cá mẹ), khi đẻ đuôi ra trước. Con được nuôi bằng sữa 3-4 tháng, sữa rất béo, giàu chất béo (gấp 10 lần sữa bò) và giàu chất đạm (gấp 3 lần sữa bò) nên con lớn nhanh; kết thúc thời kỳ bú, con có thể tăng gấp đôi chiều dài khi mới sinh. Con bú 15-30 phút một lần, tuy mỗi lần bú không nhiều. Các loài cá voi lớn, tuyến sữa có thể sản ra đến 6 tấn sữa mỗi ngày. Cá voi thành thực sinh dục sau 3-6 năm. Sống 30-50 năm”. (*Trung tâm biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam (1991), Từ điển bách khoa Nông Nghiệp, Hà Nội, tr85*).

² Ở Nhật Bản, Na Uy và Iceland săn bắt cá voi vì mục đích thương mại. Thổ dân Inuit (người Eskimo) và một số tộc người bản địa ở Alaska, Siberia và Canada săn bắt cá voi để sinh tồn.

³ Còn có tên gọi là Ciam pullo, Chiêm Bất Lao, Tiêm Bích La, Tiêm Bút La,...

⁴ Gồm Hòn Ông, hòn Tai, hòn Lao, hòn Dài, hòn Mỏ, hòn Lá, hòn Khô Mẹ, hòn Khô Con.

của Cửa Đại⁵, Hội An. Với vị trí đảo ven bờ⁶, điều kiện tự nhiên thuận lợi, tài nguyên động thực vật trên rừng dưới biển đa dạng và phong phú⁷, đặc trưng của vùng biển đảo, nên cách đây hơn 3000 năm, con người đã đến sinh sống tại Cù Lao Chàm⁸. Trải qua nhiều thời kỳ, các lớp cư dân tiền sử đến cư dân Champa, Đại Việt đã biết thích ứng, khai thác thế mạnh sẵn có để tồn tại và phát triển, những kinh nghiệm, tri thức ứng xử với tự nhiên, xã hội cũng được hình thành, trao truyền, kết nối đến hôm nay. Trong đời sống kinh tế, nghề khai thác các nguồn lợi từ biển (gọi chung là nghề cá) trở thành nghề truyền thống, thế mạnh được cư dân duy trì để tồn tại và thương mại⁹. Vào cuối thế kỷ XVII, ở Cù Lao Chàm “có rãi rác chùng non trăm chiếc nhà tranh. Trừ những người

già và trẻ con, có chừng 300 tráng đinh, dân nội tịch, sanh nhai bằng hai nghề đánh cá và hái củi. Cá mắm bay mùi hôi, nhà nào cũng vậy.”¹⁰. Trong tư liệu điều tra về làng xã Quảng Nam do Viện Viễn Đông bác cổ thực hiện những năm đầu thập niên 40, thế kỷ XX đề cập đến sinh kế của người dân với 3 nghề chính là đánh cá, làm ruộng và làm củi: “Làng có ruộng, nên dân làng chuyên về nghề nông một ít. Nghề đánh cá cũng thịnh hành. Nghề làm củi trong những tháng mà không làm ruộng và không đánh cá. Trong ba nghề này trừ ra, hầu hết dân làng không làm nghề gì khác. Nhưng về thương mại bằng ghe buồm với các chỗ khác cũng đơn sơ thôi”¹¹. Nghề đánh cá của ngư dân Cù Lao Chàm chủ yếu là đánh bắt gần bờ, ít có phương tiện đánh bắt xa bờ. Tài liệu nghiên cứu về làng cá Cẩm An năm 1962 cho thấy, trong 369 chiếc thuyền được đăng ký ở xã Cẩm An thì có 57 chiếc là loại đánh bắt xa bờ, trong đó ở Cù Lao Chàm có 5 chiếc (có kết hợp đánh bắt gần bờ)¹². Hiện nay, dù có những thay đổi, nhưng nghề đánh cá vẫn là thế mạnh của cư dân Cù Lao Chàm¹³. Những tập tục, niềm tin, nghi lễ

⁵ Đại Nam Nhất thống chí chép “Cách huyện Diên Phước 68 dặm về phía Đông, ngắt ngưỡng giữa biển gọi là đảo Ngoạ Long, cũng gọi là hòn Cù Lao, có tên nữa là Tiềm Bút, tên cổ là Chiêm Bất Lao, làm trấn sơn cho cửa biển Đại Chiêm” (Quốc Sử quán triều Nguyễn (1996), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, Nxb Thuận Hóa, tr 358-359)

⁶ Trong Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn vào năm 1776 có đoạn: “Phủ Thăng Hoa, ở ngoài cửa Đại Chiêm có núi to gọi là Cù Lao Chàm, ba ngọn núi đối nhau, hai ngọn lớn mà xanh tốt, có dân cư ruộng nương, có các thứ cam, quýt, đỗ lạc, trên suối có nước ngọt, một ngọn thì nhỏ mà khô khan, ra biển 2 canh thì đến” (Lê Quý Đôn (1977), *Phủ biên tạp lục*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.84)

⁷ Trong đó có những loài cá lớn như cá voi, cá heo: Ngày 4/10/2019 xuất hiện đàn cá heo hơn trăm con ở vùng biển Cù Lao Chàm (nguồn: <https://thanhnien.vn/thoi-su/ca-heo-xuat-hien-o-bien-cu-lao-cham-dieu-la-tin-hieu-tich-cuc-1133692.html>). Mới đây, ngày 15/7/2020 một con cá voi dài hơn 4m xuất hiện ở khu vực hòn Dài (nguồn: <https://thanhnien.vn/thoi-su/ca-voi-dai-hon-4-m-xuat-hien-o-vung-bien-cu-lao-cham-1252051.html>).

⁸ Báo cáo Kết quả thám sát, khai quật di tích Bãi Ông năm 1999, 2000. Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

⁹ Thuyết minh tổng hợp quy hoạch xây dựng Nông thôn mới ở Tân Hiệp cho thấy, trong nhóm ngành Nông - Lâm - Ngư, ngư nghiệp chiếm 69,20%.

¹⁰ Thích Đại Sán, *Hải ngoại kỷ sự*, Viện Đại học Huế - Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam xuất bản năm 1963, tr 162.

¹¹ Theo tài liệu khảo sát về làng xã tỉnh Quảng Nam các năm 1941 - 1943, do Viện Viễn Đông Bác cổ thực hiện, bản chép tay bằng tiếng Việt, phần phường Tân Hiệp.

¹² Cẩm An: Một làng cá ở miền Trung Việt Nam (*Cẩm An: A fishing village in central Viet Nam*) là tập tài liệu nghiên cứu về làng cá Cẩm An, bao gồm phường Cẩm An, Cửa Đại và xã Tân Hiệp thuộc thành phố Hội An hiện nay, do Jonh D. Donoghue và Nhóm cổ văn trường đại học bang Michigan, Viện Hành chính Quốc gia Việt Nam cộng hòa cùng với một số học giả Việt Nam thực hiện hoàn thành năm 1962.

¹³ Báo cáo tình hình kinh tế xã hội xã Tân Hiệp năm 2014 cho biết dân cư trên đảo Cù Lao Chàm sống chủ yếu bằng nghề khai thác hải sản, cơ cấu lao động

liên quan đến nghề đánh cá, về biển cả vẫn được ngư dân gìn giữ trong đó có những quan niệm, tập tục, thực hành tín ngưỡng về cá Ông, tạo nên điểm tựa về mặt tinh thần, sự cố kết cộng đồng để sinh tồn, phát triển.

Xuất phát từ những đặc điểm sinh học của cá Voi (*cá Ông*) như kích thước thân hình to lớn, khi có sóng gió bão táp giữa biển thì dựa vào ghe thuyền để tránh sóng (*và do đó cũng đỡ cho ghe thuyền không bị sóng đánh chìm, an toàn vào bờ*), định hướng chính xác khu vực có nguồn thức ăn (*tôm cá*) dồi dào (*vì thế nơi nào có cá Ông xuất hiện cũng có nghĩa là nơi đó nhiều tôm cá, ngư dân đánh bắt sẽ được nhiều*)... do vậy mà ngư dân Cù Lao Chàm xem cá Ông là vị “Phúc Thần” bảo trợ, phù hộ ngư dân đánh bắt cá trên biển, tạo niềm tin, sự an tâm cho ngư dân trong mỗi chuyến ra khơi. Trong quá trình hành nghề trên biển, nếu gặp cá Ông đang bơi lội, ngư dân luôn thể hiện một tình cảm, thái độ, hành động tôn kính. Họ cho ghe thuyền đi chậm lại để nhường đường cho Ông bơi đi, tránh tạo ra sóng mạnh từ ghe thuyền vỗ/đập vào thân Ông. Đồng thời, không được đùa giỡn, nói tục hoặc tiêu tiện. Giữ im lặng và thấp nển hương ở hướng mũi ghe thuyền khấn vái Ông được an toàn giữa đại dương biển cả, cầu mong và luôn tin tưởng Ông phù hộ chuyến đi biển được “*tôm cá đầy khoang*”. Trường hợp cá Ông bị mắc lưới hoặc khi bị nạn, ngư dân tìm cách gỡ lưới nhẹ nhàng để Ông không bị thương, chăm sóc vết thương cho Ông, dìu Ông ra vùng biển xa bờ trong niềm tin và ước nguyện Ông sẽ luôn được khỏe mạnh giữa đại dương.

Với quan niệm cá Voi/ cá Ông là hóa thân của vị Thần (*Phúc Thần*)¹⁴ bảo hộ nghề biển nên khi cá Ông lụy (*chết*), ngư dân Cù Lao Chàm thực hiện nghi thức chôn cất cá Ông một cách chu đáo tương tự như cách ứng xử với con người khi qua đời, xây dựng lăng miếu quy mô để thờ tự với bài vị cá Ông được chạm trổ, sơn son thếp vàng rực rỡ và tổ chức lễ lễ, lễ hội Cầu Ngư long trọng, thành kính với sự tham dự của đông đảo ngư dân địa phương và vùng lân cận. Ngư dân tin rằng, vùng đất nào được “Ông” vào “lụy” là vùng đất đó ngư dân sẽ gặp nhiều may mắn, làm ăn khá giả bởi vì nơi “Ông” chọn “nghỉ” là vùng đất đó rất yên lành. Do vậy, khi có cá Ông lụy dạt vào đảo, ngư dân thường chọn một bãi cát rộng, cao ráo và bằng phẳng ven biển, xa khu dân cư để an táng Ông, dần dần tạo thành nghĩa塚 cá Ông với diện tích rộng lớn. Vì cũng chính là nơi an táng cá Ông nên bãi cát ấy trong dân gian được định danh là Bãi Ông. Tại Bãi Ông, bên cạnh nghĩa塚 cá Ông còn có nghĩa塚 chôn cất những người xấu số vô danh chết trôi dạt vào Cù Lao Chàm. Vì vậy trước đây, trong tâm thức của ngư dân, Bãi Ông rất linh thiêng, việc đi lại, ăn nói, hoạt động tại Bãi Ông phải kiêng cử nhiều thứ. Tùy theo loại (*ông kìm, ông chuông,...*) và kích thước lớn nhỏ của xác cá Ông mà thời gian tổ chức hoạt động chôn cất có thể kéo dài. Ngư dân thường làm rạp/trại để che xác cá Ông rồi thực hiện các nghi thức để chôn cất. Sau 3 năm, ngư dân đào lấy

¹⁴ Trong quan niệm dân gian ở một số nơi trên thế giới, “*cá voi cũng có sự gắn kết lâu đời với sự ác. Các thủy thủ tin rằng những con cá voi thường giả bộ là những hòn đảo. Khi thuyền đậu neo trên chúng thì chúng sẽ lao mình xuống chỗ sâu thẳm của đại dương, kéo theo con thuyền*” (Richard Taylor, *Làm thế nào để hiểu một Thánh đường*, NXB Tôn giáo, 2014, tr 292).

xương cốt, rửa sạch bằng rượu rồi bỏ vào hòm gỗ thính “ngọc cốt Ông” về thờ tại lăng Ông Ngu ở Bãi Làng¹⁵. Tại lăng, hằng năm, ngư dân thực hiện nghi thức thỉnh ngọc cốt Ông ra phơi để khỏi ẩm mục, vệ sinh hòm đựng rồi sau đó đưa vào lại trong lăng để thờ. Tại lăng Ông Ngu hiện nay, ngoài các hòm đựng, toàn bộ không gian hậu tẩm được ngư dân dùng để bảo quản ngọc cốt Ông.

Lăng Ông Ngu ở Bãi Làng được Bộ Văn hoá và Thông tin (*nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch*) xếp hạng di tích cấp quốc gia vào năm 2006 cùng với 6 di tích khác ở Cù Lao Chàm theo Quyết định số 96/2006/QĐ-BVHTT ngày 13/13/2006. Đây là công trình kiến trúc tín ngưỡng có quy mô lớn và giữ vị trí quan trọng trong hệ thống di tích tín ngưỡng¹⁶ nói chung, liên quan đến nghề cá nói riêng ở Cù Lao Chàm. Về niên đại, sách Đại Nam Nhất thống chí do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn, đoạn chép về sơn xuyên của Quảng Nam có đề cập đến các đền thờ ở Cù Lao Chàm, trong đó có lăng Ông Ngu với tên gọi là đền thờ thần Ngọc Lân: “*Đại Chiêm dư còn có tên là ngọn Tiêm Bút, xưa gọi là núi Chiêm Bất Lao, tục danh là Cù Lao tại biển Đông huyện Diên Phước (...) Trên núi có nhiều đền thờ như đền thờ 3 vị Phục Ba Tướng quân, đền thờ Cao Các, đền thờ thần Bô Bô và các đền thờ thần: Ngọc Lân, Thành Hoàng, Chúa Lôi,*

Bạch Mã, Ngũ Hành...”¹⁷. Hiện nay, chưa có tư liệu để xác định cụ thể thời gian khởi dựng của lăng, song căn cứ vào hình thể kiến trúc, hình thức trang trí cũng như niên hiệu đời vua (*Thành Thái...*) phát hiện trên vòm lăng do lớp vôi bong tróc làm xuất lộ, có thể đoán định niên đại kiến trúc của lăng Ông Ngu muộn nhất vào thập niên đầu thế kỷ XX.

Lăng tọa lạc trên gò đất cao, cách bờ biển khoảng 50m, có đường mòn dẫn thẳng từ lăng ra bãi biển. Lăng xoay hướng Tây Nam, mặt nhìn ra biển, lưng tựa vào núi theo thuật phong thủy dân gian truyền thống. Xung quanh lăng là hàng rào xây bằng gạch, án ngữ trước mặt là bình kiểu cuốn thư lớn với mặt trước đắp nổi - cẩn mảnh sứ hình long mã, mặt trong đắp nổi - cẩn mảnh sứ hình con cá, viền bình phong cũng được cẩn mảnh sứ. Bình phong nằm ở vị trí ngang với tường rào phía trước, lồi vào khuôn viên lăng nằm hai bên bình phong. Sát phía sau bình phong có bồn đất hình vuông để thả hương vào những dịp lễ tế. Nằm cách bình phong một khoảng không xa về hai bên là trụ biểu vuông có đắp hình búp sen ở đỉnh. Sân trước của lăng khá rộng và thông thoáng nên rất thuận lợi mỗi khi tổ chức các hoạt động tín ngưỡng tại lăng, đặc biệt là lễ Cầu Ngư và diễn xướng Bả Trạo. Lăng được xây theo kiểu cuốn vòm, mái lợp ngói âm dương, tường bao bằng gạch vừa mang chức năng bao che vừa đảm nhiệm chức năng chịu lực. Trên bình diện, lăng được kiến trúc theo kiểu chính điện và hậu tẩm. Nếp chính điện gồm 2 nhịp cuốn vòm. Chính giữa mái trước có bờ đắp ngang cong hình thuyền được cẩn mảnh sứ. Trên bờ ngang này trang trí chim

¹⁵ Ngư dân biển Hội An có tục xin một ít chất nhờn (long đàm) trong miệng cá Ông lụy để chữa chứng khó sinh, hiếm con ở phụ nữ; xin một ít đốt ngọc cốt Ông khi cái táng để chữa chứng đầu khớp, nhức mỏi, đau lưng. (Trần Văn An, Tri thức dân gian về y dược gắn với biển đảo Hội An, website Hoianheritage.net)

¹⁶ Các di tích tín ngưỡng ở Cù Lao Chàm gồm: lăng Ông Ngu, miếu Cô Hồn, miếu Bà Mụ, miếu Bà Mọc, miếu Bà Bạch, miếu Trung Lộc, miếu Hiệp Hòa, miếu Thành Hoàng, miếu Cô, miếu Thổ Thần, nền Thần Nông, miếu Bà, miếu Ngũ Hành Bãi Hương, miếu tổ Nghề Yến, đình Tiền Hiền, đình Đại Càn.

¹⁷ Quốc Sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 1 (*bản dịch mới của Hoàng Văn Lâu*), Nxb Lao Động và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hồ Chí Minh, tr 346.

phượng ở hai bên và đề tài “*quy thư*” ở giữa. Bờ nóc cong hình thuyền, đắp tạo thành những ô học hình chữ nhật với mặt trước đắp/cân đề tài hoa - điều. Trên bờ nóc trang trí con giống theo đề tài “*lưỡng long triều dương*”. Bờ chảy đắp giắt cấp. Tại điểm kết thúc của bờ chảy ở mái trước trang trí đĩa sứ, bên trên trang trí hình con lân. Diềm mái quét vôi màu xanh. Nếp hậu tẩm có diện tích nhỏ. Mái ngói có 9 vòng, bờ nóc hậu tẩm trang trí đao lá ở hai bên và hình con rùa ở giữa. Vào nội thất lẫm bằng ba lối cửa cuốn vòm với các cánh cửa mở rộng ra hai bên. Nội thất lẫm tương đối rộng nhưng ít được trang trí. Hậu tẩm là nơi cất giữ xương cốt cá Ông được cải táng, lối vào được che kín và án giữ bởi bàn thờ chính xây bằng gạch nằm ở gian giữa chính điện. Bàn thờ chính chia thành nhiều cấp. Ngoài một số hòm gỗ đựng xương cốt cá Ông, trên bàn thờ chính đặt 12 bài vị bằng gỗ sơn son thếp vàng có khắc thần hiệu. Các bài vị có đề cao và được chạm trổ khá cầu kỳ hình rồng, hoa dây, hồi văn. Có ba bài vị đặt trên bệ có tay ngai chạm đầu rồng, trong đó bệ lớn nhất nằm ở chính giữa bàn thờ chính. Tường phía trên bàn thờ chính trang trí đề tài “*lưỡng long triều dương*”, quần bàn bàn thờ chính trang trí rồng phượng. Bên trái bàn thờ chính là bàn thờ Phúc Hải, bên còn lại là bàn thờ Thọ Sơn. Hai bàn thờ này được trang trí nhiều đồ án khác nhau với màu sắc rực rỡ.

Trước đây, nhà nước phong kiến Việt Nam, đặc biệt là các vua Triều Nguyễn từng công nhận vai trò quan trọng của cá Ông trong đời sống của cộng đồng ngư dân nên đã nhiều lần ban sắc phong tước hiệu, gia tặng mỹ tự: “*Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân tôn Thần*”, “*Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân chi Thần*”, “*Từ Tế Linh Chương Trợ Tín Trừng Trạm chi Thần*”, “*Từ Tế Chương Linh Trợ Tín Trừng Trạm*

Dực Bảo Trung Hưng Thượng Đẳng Thần”,... cho cá Ông. Vào đầu thập niên 40 thế kỷ XX, ở Cù Lao Chàm còn giữ được 20 đạo sắc, trong đó có 2 đạo sắc về cá Ông (*Nam Hải ngọc lân*), gồm: Từ tế Chương linh Trợ tín Trừng trạm Dực bảo Trung hưng vào ngày 8 tháng 6 nhuận Duy Tân thứ 5 (1911); Ônong Nhuận trung đẳng thần vào ngày 24 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924).¹⁸ Hiện nay, 12 bài vị trên bàn thờ chính của lẫm Ông Ngư ghi các nội dung gồm:

- 恭請南海巨族玉鱗翁墨尊神 (*Cung thỉnh Nam Hải cự tộc Ngọc Lân Ông Mặc tôn thần*)

- 南海巨族玉鱗貴娘尊神座位. 己未八月初八日本社全造. 十二月初八日正忌 (*Nam Hải cự tộc Ngọc Lân quý nương tôn thần tọa vị. Kỷ Mùi niên bát nguyệt sơ bát nhật bản xã đồng tạo. Thập nhị nguyệt sơ bát nhật chính kỵ*)

- 南海巨族玉鱗大將軍尊神. 丙申年三月初拾日 (*Nam Hải cự tộc Ngọc Lân Đại tướng quân tôn thần. Bính Thân niên tam nguyệt sơ thập nhật*)

- 南海巨族翁彭尊神. 十二月二十九日正忌 (*Nam Hải cự tộc Ông Bành tôn thần. Thập nhị nguyệt nhị thập cửu nhật chính kỵ*)

- 南海巨族玉鱗大將軍尊神. □ □ 二月二十三日 (*Nam Hải cự tộc Ngọc Lân Đại tướng quân tôn thần. □ □ nhị nguyệt. Nhị thập tam nhật*.)

- 南海巨族玉鱗大將軍尊神 (*Nam Hải cự tộc Ngọc Lân Đại tướng quân tôn thần*)

¹⁸ Tài liệu Điều tra về làng xã Quảng Nam năm 1941 - 1943 do Viện Viễn Đông Bác Cổ thực hiện.

- 南海巨族玉鳞大将军尊神
(*Nam Hải cự tộc Ngọc Lân Đại tướng quân tôn thần*)

- 南海巨族玉鳞大将军尊神
(*Nam Hải cự tộc Ngọc Lân Đại tướng quân tôn thần*)

- 敕南海巨族玉鳞慈济之神
(*Sắc Nam Hải cự tộc Ngọc Lân Từ Tế chi thần*)

- 恭請南海巨族玉鳞翁[虎]尊神
(*Cung thỉnh Nam Hải cự tộc Ngọc Lân Ông Hồ tôn thần*)

- 恭請南海巨族玉鳞翁[甘]尊神. 七月二十七日正忌. 本社全奉造
(*Cung thỉnh Nam Hải cự tộc Ngọc Lân Ông Cam tôn thần. Thất nguyệt nhị thập thất nhật chính kỵ. Bản xã đồng phụng tạo*)

- 南海巨族玉鳞大将军尊神
(*Nam Hải cự tộc Ngọc Lân Đại tướng quân tôn thần*)

Qua nội dung trên các bài vị cho thấy ngư dân Cù Lao Chàm phân biệt cá Ông thành nhiều loại khác nhau dựa theo giới tính, hình dáng, màu sắc,... Điều này thể hiện tầm tri thức, mức độ am hiểu về thiên nhiên, biển cả của ngư dân.

Ở Cù Lao Chàm, lễ hội Cầu Ngư ở làng Ông Ngư là một trong những lễ hội có quy mô lớn, được tổ chức rất trang trọng, bài bản. Lễ hội được tổ chức hằng năm vào ngày mùng 3 - 4 tháng 4 âm lịch nhằm tưởng nhớ công ơn và cầu mong Ông Ngư phù hộ biển êm sóng dịu, ghe thuyền về chở đầy tôm cá. Lễ hội có sự tham gia của hầu hết ngư dân trên đảo và một số ngư dân ở các vùng lân cận. Lễ diễn ra trong hai ngày, vào ngày đầu, ngư dân tập trung mua sắm,

bày trí lễ vật, tổ chức nghinh thần và cúng lễ túc (*lễ cáo yết hay tiên thường*), sáng ngày hôm sau tổ chức lễ cúng âm linh và cúng lễ chính - tế Ông. Trong những ngày lễ, bên cạnh việc thực hành các nghi thức cúng tế theo lệ truyền còn có diễn xướng bả trạo với nội dung ca ngợi công đức của cá Ông cũng như tỏ bày sự tiếc thương của ngư dân khi cá Ông gặp nạn phải lụy, mô tả lại quá trình lao động của ngư dân trên biển giữa những lúc phong ba bão táp. Ngoài ra, sau phần lễ, ngư dân còn tổ chức phần hội với những trò chơi sôi nổi, hào hứng mang đậm tính chất cầu mùa màng bội thu, sức khỏe dồi dào như đua thuyền, lắc thúng chai... Ngoài giá trị về mặt di sản văn hóa phi vật thể, lễ hội Cầu Ngư ở Cù Lao Chàm còn có ý nghĩa to lớn đối với cộng đồng ngư dân. Qua việc tổ chức lễ hội sẽ tạo thêm niềm tin cho ngư dân trong quá trình bám biển hành nghề, tạo sợi dây tinh thần cổ kết cộng đồng trong môi trường sinh tồn nơi biển đảo nhiều hiểm nguy, giáo dục truyền thống uống nước nhớ nguồn cho thế hệ trẻ. Trong thời gian gần đây, lễ hội này tài nguyên/sản phẩm du lịch văn hóa tạo thêm nguồn thu cho vùng đảo.

Ở Cù Lao Chàm, cá Voi/ cá Ông không chỉ ảnh hưởng, thấm thấu trong quan niệm ứng xử, trong đời sống tinh thần, tín ngưỡng mà còn hóa thân vào thành những địa danh dân gian. Ngoài địa danh Bãi Ông, liên quan đến nơi chôn cất cá Ông còn có địa danh hòn Ông (*dân gian còn gọi là hòn Nôm*), nơi cá Ông lụy thường dạt vào có Mũi Ông Lụy ở Hòn Lá. Cá Ông đi vào đời sống văn hóa văn nghệ dân gian của cư dân nơi đây qua những câu tục ngữ, ca dao,... và những chuyện kể ly kỳ giàu tính nhân văn ♦

MỘT SỐ TRUYỆN KỂ VỀ CÁ ÔNG Ở HỘI AN

CN. Nguyễn Đức Minh

Lời đầu:

Năm 1989, chuẩn bị cho Hội thảo Khoa học quốc tế về Đô thị cổ Hội An (3/1990), Giáo sư Phan Huy Lê, Trưởng Ban Quốc gia tổ chức hội thảo giao Ban Quản lý Di tích và Dịch vụ Du lịch Hội An¹ 3 đề tài cho 3 nhóm nghiên cứu là “*Một số lễ hội nước ở Hội An*” (Nguyễn Đức Minh, Trần Văn Nhân), “*Ghe Bào Hội An - Xứ Quảng*” (Nguyễn Bội Liên, Trần Văn An, Nguyễn Văn Phi), “*Nghề Yến Thanh Châu*” (Nguyễn Chí Trung, Trần Ánh)². Trong đó đề tài “*Một số lễ hội nước ở Hội An*” có những đề tài nhánh là “*Đua ghe ở Hội An*” do anh Trần Văn Nhân chủ trì, “*Lễ cúng Long Chu*” và “*Lễ tế Cá Ông*” do Nguyễn Đức Minh chủ trì. Đây cũng là dịp may để chúng tôi có điều kiện đi khảo sát rộng không chỉ trên toàn địa bàn Hội An mà còn đến các vùng liên quan thuộc các huyện Điện Bàn, Duy Xuyên, Thăng Bình... Thời ấy, phương tiện di chuyển chủ yếu vẫn là xe đạp và đi bộ. Những nơi không có đường dành vạch xe lên vai để đến với những nơi cần đến. Những nhân chứng được gặp gỡ phỏng vấn có tuổi đời từ 50 trở lên. Kể từ thời ấy, sau hơn 30 năm, nhiều cụ già đã trở thành “*người thiên cổ*” nhưng những tư liệu chúng tôi ghi chép được đến nay vẫn rất giá trị.

Đề tài “*Lễ tế Cá Ông*” đi sâu miêu thuật tiến trình lễ tế. Trong chương trình Lễ, có “*Đua ghe ngang*” để Ông chứng tri, có “*Hát Bả Trạo*” để đưa linh hồn Ông về bên kia bến Giác Hải. Đề tài tạo được sự chú ý trong giới khoa học, về sau được nhiều nhà nghiên cứu tiếp tục đi sâu hơn.

Qua nghiên cứu thấy rõ hơn cá Voi hết sức quan trọng trong hành nghề đánh bắt trên biển và được ngư dân tôn sùng gọi bằng các tên với sự cung kính: Cá Heo, cá Ông, Đức Ngư, Ông Ngư, Ông Kim, Ông Sư, Ông Nam Hải, Ông Lớn, Ông Cậu, Ông Khơi, Ông Lộng, Ông Thông, Ông Chuông, Ông Máng... nhưng tên cá Ông vẫn là danh xưng phổ biến nhất. Tương truyền trong một lần Phật Bà Quan Âm tuần du trên biển thấy người làm ăn trên biển chết quá nhiều, bèn lấy chiếc áo cà sa xé tan hàng ngàn mảnh rồi lia xuống biển. Những mảnh áo cà sa phất chốc biến thành hàng ngàn con cá to lớn dị thường. Để cá vừa to lớn có sức mạnh đủ sức cứu cả ghe tàu lớn, Phật Bà lại lấy thêm xương voi trên rừng gắn vào mình cá, từ đấy, mang tên cá Voi. Đi suốt chiều dài lịch sử, cá Voi song hành với người dân trên biển dọc dài ven biển Miền Trung và cả Nam Bộ. Cá Voi trở thành vị Thần độ mạng, được ngư dân linh thiêng hóa do có công cứu người trên biển nên còn được họ gọi tên là Ông Sanh hoặc danh thần là Đông Hải Ngọc Lân Tôn Thần. Thời phong kiến,

¹ Ban Quản lý Di tích và Dịch vụ Du lịch Hội An được Hội An thành lập tháng 2/1986

² Có in trong Đô Thị cổ Hội An, NXB KHXH, Hà Nội, 1991

các Vua thường Sắc phong cho Thần và cấp đất để xây lăng, ruộng hương hỏa để thờ cúng.

Một số truyện kể:

Ở Hội An, các câu chuyện kể về cá Ông phổ biến ở nhóm ngư dân làm nghề trên biển. Họ tập hợp thành các “Vạn” còn có ghe đua là “Phổ”. Ở Cẩm Thanh có Vạn Lãng, Cẩm Nam có Vạn Xuân, Thanh Hà có Vạn Đề (*do ông Đề nhờ buôn giàu có đứng ra tài trợ và lập vạn, khi ông chết bà con lấy tên ông đặt cho tên vạn*).

Do cùng tín ngưỡng thờ cúng cá Ông, dù đánh bắt cá trên biển hay buôn bằng ghe Bàu, người Hội An cũng có rất nhiều câu chuyện kể về cá Ông cứu người và nhiều chuyện khác kể về những người đầu tiên được làm Trưởng nam do thấy cá Ông “lụy”, tuy việc thờ cúng, an táng, chăm sóc lăng Ông đều là việc chung của cả làng, vạn, phổ.

Vào thời kỳ trước giải phóng, ông Trúc con cụ Cần ở Cù Lao Chàm không may bị đau ruột thừa. Khi ấy đầu khoảng tháng 9 hay tháng 10 gì đó, trời tối mù tối mịt, gió hiu hiu lạnh. Ở Đảo không có các phương tiện cứu chữa nên phải dùng ghe nhà rồi kêu 3, 4 anh em bạn chèo cùng đưa ông Trúc vào nhà thương Hội An. Tất cả phải chèo tay và kéo buồm để chạy. Do giữa đêm trời tối nên ghe cứ chòng chành không chịu đi. Khoảng nửa đường vào Hội An, ông Trúc quần quai rên la, mọi người càng thêm lúng túng. Cụ Cần thấp hương vái tứ bề khẩn cầu ơn Trên độ mạng. Bỗng đâu thấy ghe “khựng” một cái, sau đó là ghe vun vút lao đi. Có người tò mò nhìn qua mạn trái rồi mạn phải thấy tới tận 2 Ông. Mỗi Ông kèm một bên làm nước bắn tóe ra

phía sau đẩy ghe vun vút lao đi. Hồi lâu sau, ghe vào đến phía trong sông Cửa Đại, chợt thấy ghe dừng lại, ngó ra đã thấy 2 Ông từ từ khuất dần vào màn đêm. Nhờ vậy, ông Trúc được mổ cứu kịp thời. Các thầy thuốc nói chỉ chậm đầu khoảng nửa canh giờ, ruột vỡ ra thì thôi khỏi cứu.

Ở Cẩm Thanh, cụ Nguyễn Mè kể lăng Ông ở Hói Lãng có hai phần, một để chôn cất Ông khi Ông “lụy”, một để xây lăng. Người có vinh hạnh gặp Ông đầu tiên được coi là Trưởng nam, được chít khăn đỏ để tang. Đủ 3 năm kêu người giỏi nghề bốc mã về chay tịnh 3 đêm xong dùng rượu trắng tỷ mỹ rửa từng cái xương, xong bỏ hộp gỗ để vào tấm lăng thờ. Ông lớn thì xây hộc xi măng lớn để chứa xương cốt. Vào dịp lễ tế mới được mở nắp để kiểm tra, vệ sinh nếu cần. Theo cụ Mè, ông bà xưa truyền lại lăng Ông rất bề thế nguy nga bởi thờ có đến mấy chục bộ xương cá Ông nổi tiếng linh thiêng. Trước khi đề PAM (*do tổ chức PAM tài trợ*) được xây ngăn mặn thì Hói Lãng ăn sâu vào tận lăng Ông nổi với thôn 7 (*Vạn Lãng bây giờ*). Vì thế rất tiện cho việc đưa ông “Lụy” vào để thực hiện các thủ tục mai táng, thờ cúng... Đến thời kháng chiến 9 năm bị lính Pháp sợ Việt Minh ăn núp trong lăng nên đốt phá hết. Sau Giải phóng bà con đóng góp kinh phí để thiết lập lại lăng Ông như hiện nay. Cụ Mè là người được chịu ơn cá Ông cứu và đã từng một lần được làm Trưởng nam nên cụ rất trân trọng giữ gìn bộ đồ Hát Bả Trạo từ thời Vua Bảo Đại để biểu diễn vào dịp Lễ tế cá Ông. Chiến tranh đến mọi người chạy vào Thăng Bình chỉ được mang theo những đồ dùng thiết yếu nhưng cụ vẫn đeo theo gói quần áo Bả Trạo, coi đó là ân huệ của Trời Phật và Ông Nam Hải ban cho.

Ở Thanh Hà, cụ Võ Hưng, một lão ngư cao tuổi chủ một tàu đánh cá lớn nhớ mãi vào hồi Đình chiến (*khoảng năm 1954*) từng được cá Ông cứu. Vào thời ghe thuyền đều chạy buồm, khi gặp gió giông lớn chứ chưa kể đến bão đã thấy nồn nao trong lòng. Ngày ấy, đang nắng đẹp bỗng đâu tổ lốc nổi lên, 11 người trên tàu chia nhau ghì lái, giữ dây. Rồi bỗng “*rắc*” lái tàu bị gãy, tàu chao đảo đung đưa dềnh lên hụp xuống theo sóng. Mọi người không ai dám kêu nhưng qua ánh mắt đã thấy những tuyệt vọng chắc sắp “*tiêu*” rồi. Trên tàu còn anh Tổ tuy tuổi trẻ nhưng hay có sáng kiến. Anh kêu mọi người đồng thanh cầu Ông Nam Hải. Mọi người nghe theo cùng cất tiếng được tiếng mát hòa vào trong gió. Bất chợt tàu khựng lại như chạm đáy biển. Nhìn chợt nhận ra có hai Ông kèm hai bên tàu như hai cái phao nổi. Ai nấy vui mừng thầm nhưng vẫn không dám lớn tiếng nữa. Hai Ông dắt tàu dấn đi vào khu bờ biển Hà My bây giờ rồi thoáng cái không thấy hai Ông đâu nữa. Như được tái sinh, sau đó cụ có làm giấy xin xã cấp đất xây lăng thờ, được gần chục năm sau đất lở kéo theo lăng sụp xuống sông. Rồi chiến tranh liên miên không có cơ hội làm lại lăng nhưng trong nhà cụ vẫn thỉnh một bát hương để “*thờ vọng*” Ông Nam Hải.

Ở Cẩm Nam có ông Phạm Được, ông Đỗ Tài thuộc vạn ghe Vạn Xuân từng theo cha trong đội ghe Bàu đi buôn trên biển và đã 2 lần được cá Ông cứu. Ký ức sâu đậm nhất là lần khi đang lênh đênh trên biển vào gần đến Phan Thiết. Tự dưng trời nổi gió lớn vạn gãy cột “*buồm lòng*” (cột buồm chính) và bung luôn cả “*then*” (thanh đà giữ cho vững cột buồm lòng). Ghe chòng chành một hồi bánh lái cũng trật luôn khỏi “*lô lái*”. Nhìn vào bờ

không thấy làng xóm chỉ thấy vách đá và rừng cây. 16 con người trên ghe cùng nghĩ chắc chết quá. Lúc ấy ghe đang chờ hơn 60 tấn các loại hàng lâm sản, nếu chìm không chỉ bay hết vốn của họ lại còn bị chủ hàng báo quan tịch thu ghe. Những người lớn tuổi lập bàn hương án cầu Ông Nam Hải cứu giúp. Rồi bỗng dưng như có phép lạ, hai Ông bơi chập chòn trước mũi ghe. Lúc ấy sóng đang lớn, ghe chòng chành sắp lật và thật may hai ông cùng kê lưng vào mạn ghe đẩy ghe đi băng băng đến mức bên tai thấy cả tiếng gió rít. Hồi sau, ghe cập bến Phố Hải (*một cửa biển ở Phan Thiết hồi ấy*), mọi người mừng vui khôn xiết, sau đó mới lên bờ kêu thợ sửa ghe. Lăng Ông ở Cẩm Nam là một tổ hợp 5 sở miếu (*nên còn có tên “Lăng Năm Sở”*) trên một khuôn viên hình chữ U, gồm Lăng Ông (*có xương Cá Ông*), miếu Thổ Thần (*thờ Đất - vị thần quản lý khu dân cư trú*), miếu Âm Linh (*thờ các vong hồn uổng tử và chiến sĩ trận vong*), miếu các vạn ghe Bàu (*trước đây có thời gian thờ Đại Càn Nam Hải Từ vị Thánh Nương độ trì cho nghề đi lại làm ăn trên biển*) và miếu Ngũ Hành (*các Thần liên quan đến sự chuyển hóa vạn vật*). Khu tổ hợp miếu này trước đây cách nơi hiện tại tí xa ngoài sông đến khoảng 700m, sau do sông lở đành chuyển đến nơi này. Lăng Ông có 8 bộ xương cá Ông nhưng khi sông lở do lũ lụt bắt ngờ nên chỉ còn lại số ít. Tuy nhiên, lăng Ông vẫn là nơi lui tới thành kính dâng hương mỗi khi các ghe ra biển, mục đích cầu Ông Nam Hải cứu giúp khi có sự cố. Khu lăng-miếu hiện đang giao cụ Phạm Huệ trông coi hương khói. Lăng Ông có các câu đối niên đại thời Duy Tân. Xà cò lăng Ông có niên đại vào năm 1917. Theo các cụ Được, lăng Ông được các chủ ghe từng được Ông cứu đã đóng

góp tiền khá nhiều đến mức dư để làm thêm lãng vạn ghe Bàu và Ngũ Hành. Các đồ thờ trước đây nhiều lắm nhưng sau Giải phóng khu lãng-miếu bị bỏ hoang một thời gian lại do lũ lụt bị trôi, thất thoát mất một số quý.

Ở Cẩm An (*nay thêm Cửa Đại*), đều có lãng Ông ở Phước Trạch, Phước Thịnh và An Bàng. Trước Giải phóng, bãi tắm Phước Trạch là bãi cát vàng mịn chạy tít ra biển tới hơn trăm mét. Phía trong bờ có Nghĩa Trũng, có cả Lãng Ông. Sau Giải phóng, bờ biển bị xâm thực khá mạnh, đến nay thì mất cả dấu vết lãng Ông vốn được xây cất hoành tráng, trang trọng. Trong lãng có nhiều ngọc cốt (*xương*) cá Ông. Cẩm An cũng là nơi xuất hiện khá nhiều chuyện về cá Ông cứu ngư dân, về chuyện những lần cá Ông “lụy” cả làng tham gia lễ tế... Hiện nay, nhờ ở vị trí đặc địa và thuộc khu dân cư, lãng Ông An Bàng có tên chữ là “*Chương Linh Điện*” tuy niên đại chỉ từ 1925 nhưng vẫn còn khang trang bề thế. Trong hậu tẩm còn có ngọc cốt (*xương*) cá Ông. Vào những năm 90, theo lời ông Trần Lâm, người trông coi lãng Ông cho biết, ít nhất từ thời xa xưa đến sau Giải phóng cũng đến 8 lần có cá Ông “lụy” và khoảng gần 50 chục trường hợp đi đánh cá gặp nạn được cá Ông cứu. Phía sau lãng Ông còn có khu đất trống trước đây để chôn cất cá Ông “lụy”.

Lạc khoản:

Vùng Cảnh Dương (*Quảng Bình*) có Ngư Linh miếu nổi tiếng linh thiêng thờ 2 bộ xương cá Ông, cá Bà không lồ, nghĩa địa quanh miếu chôn cất hàng trăm cá thể cá Cô, cá Cậu (*cũng là cá Ông*) vào chầu.

Ở Trà Nhiêu xã Duy Vinh (*Duy Xuyên - Quảng Nam*), năm 2014, bà con

trong thôn góp đến 800 triệu đồng xây dựng lãng Ông với nguyên mẫu từ Thành phố Đà Nẵng mô hình con tàu thường ra biển bằng bê tông cốt thép để thờ một số xương cốt cá Ông.

Tại Thành phố Phan Thiết có đình Vạn Thủy Tú (*các cụ cao tuổi cho biết đình do Vạn Thủy Tú xây dựng*) có niên đại từ năm 1762. Ngoài bộ xương cá Ông dài 22m, nặng 65 tấn, được coi là lớn nhất Đông Nam Á, đình còn thờ gần 100 bộ xương cá Ông lớn nhỏ khác nhau, phần lớn có niên đại gần 150 năm. Ở đây còn lưu giữ được 24 sắc phong do các vua Thiệu Trị, Tự Đức, Đồng Khánh, Duy Tân, Khải Định ban tặng cho Thần. Năm 1996, đình Vạn Thủy Tú đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng di tích Lịch sử - Văn hóa cấp Quốc gia.

Tại Làng chài Phước Hải sát bờ biển Lộc An (*tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*) có nghĩa địa chôn cất dày đặc hàng trăm bộ xương cá Ông.

Ở Lý Sơn, Quảng Ngãi, ông Nguyễn Nghè nay đã 80 tuổi kể về lần cùng 2 bạn chèo đánh cá ở Hoàng Sa bất chợt bị lốc cuốn lật thuyền chỉ có 2 người còn lại, người thứ 3 không thấy đâu, bỗng dưới ánh sao đêm thấy 1 người nằm trên lưng Ông bơi gần đến. Rồi cả 3 được Ông đưa đến thuyền cách đó khá xa và nghiêng người cho 3 anh em trèo lên thuyền. Lần được cá Ông cứu ấy đến nay có ai hỏi vẫn được ông rành rọt kể lại và xuýt xoa về sự may mắn ấy.

Cũng ở Lý Sơn, thuyền trưởng Nguyễn Văn Thiện cùng 14 thủy thủ được cá Ông cứu giữa cơn bão Chanchu-2006 vẫn được mọi người coi như phép màu kỳ diệu tưởng không bao giờ xảy ra. Khi 15 người đang tuyệt vọng giữa biển

phía Nam Hoàng Sa trước sóng cao ngất trời cùng đồng thanh gào thét cứu cá Ông. Bỗng có 2 Ông sừng sững áp vào 2 mạn tàu và ông thứ 3 đi kèm sau tạo thành chiếc bè lớn 2 đêm, 3 ngày trong tâm bão, tàu của họ được 3 ông Nam Hải che chở, thoát khỏi tử thần và trở về an toàn. Ông Nguyễn Văn Diệu ở Lý Sơn cho biết cá Ông không chỉ cứu người sống mà còn cứu cả người chết, đó là trường hợp người em ruột của ông đã được cá Ông đưa về bờ để cá khác khỏi ăn thịt. Hiện nay nhiều lăng cá Ông ở Lý Sơn chủ yếu được xây dựng từ thế kỷ 19 đến nay vẫn được nhân dân thờ phụng, chăm sóc chu đáo.

Theo TS. Đoàn Ngọc Khôi: *"Quảng Ngãi hiện có 45 lăng thờ cá Ông, trong đó huyện Lý Sơn có 7 lăng, Mộ Đức: 5, Đức Phổ: 14, Bình Sơn: 14... Điển hình là các lăng Ông ở Lý Sơn, có rất nhiều bộ xương cá Ông được thờ cúng. Theo nghiên cứu, việc thờ cúng cá Ông trên đảo Lý Sơn có từ rất sớm, cư dân bản địa trước đó là người Chăm đã thờ cúng cá Ông. Tín ngưỡng thờ cúng cá Ông đã trở thành một loại hình tín ngưỡng phổ biến rộng rãi với niềm tin sâu đậm trong ý thức tâm linh về vị phúc thần biển cả Nam Hải của cộng đồng ngư dân Quảng Ngãi"*¹.

Với ngư dân vùng Hội An và Quảng Nam, cá Ông là vị Thần Biển, là vị cứu tinh, là chỗ dựa tinh thần của họ. Vì thế không lạ khi có đến hàng trăm câu chuyện kể về cá Ông cứu người, dẫn dắt làm ăn và còn báo trước những sự cố cần tránh.

Gần đây, trên phương tiện truyền thông có câu chuyện kể rằng tàu của anh Danh được yêu cầu đi cứu tàu của anh

Bùi Văn Quốc (*thôn Tân Lập, xã Tam Hải, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam*) bất ngờ bị một cơn lốc cực mạnh làm lật úp ở vùng biển Trường Sa. Trên tàu có 43 người, chỉ có 41 người sống sót được cứu. Anh Bùi Văn Danh đưa tàu đi tìm kiếm cứu nạn đã kể về điều thú vị là sau hàng chục giờ tìm kiếm không kết quả, bỗng đâu một đàn cá heo đông đúc xuất hiện bơi chắn trước mũi tàu của anh Danh. Dù lái tàu liên tục bẻ lái để tránh nhưng đàn cá heo vẫn bơi tới trước mũi tàu chắn ngang. Thấy lạ, anh cho tàu đi theo đàn cá. Rồi ngược hướng bị chắn. Tầm 40 phút sau, tàu anh Danh đã bắt gặp 41 ngư dân đang bập bênh trên biển bằng chai nhựa, phao nước... cùng đuổi sức nói không ra hơi.

Lời cuối:

Truyện kể về cá Ông và được cá Ông cứu ở Hội An, các cụ cao tuổi từ xã đảo Tân Hiệp đến vùng ven biển như Cẩm An, Cẩm Thanh hoặc sâu trong đất liền là Cẩm Hà/Thanh Hà, Cẩm Nam, Cẩm Kim đều ghi nhớ được rất nhiều. Các địa phương lân cận như Điện Bàn, Duy Xuyên, Thăng Bình và cả Thọ Quang (*Đà Nẵng*) cũng tương tự, khó có thể mô tả chi tiết. Cũng theo các cụ, bạn chài ra biển thường không phân biệt địa phương như trong đất liền nên sẵn sàng cứu giúp nhau, truyền cho nhau những kinh nghiệm *"đi nghề"* kể cả khi gặp khó cần cầu Ông cứu giúp ra sao. Trong tương lai, có điều kiện thu thập có thể làm một tập sách về cá Ông để mong làm sáng tỏ tính khoa học gắn với tâm linh khi trước hiện tượng cá Ông cứu người cả khi bão tố lẫn lúc trời quang biển lặng... và có chăng khi cá Ông như hiểu được mong ước của con người cần lao ngay trong hoàn cảnh, tình thế khắc nghiệt để đưa họ đến những nơi cần đến ♦

¹ Phương Lý-Về Xứ biển nghe chuyện cá Ông-Báo Quảng Ngãi (10/12/2019)

KỂ CHUYỆN VỀ CÁ ÔNG

Trần Xuân Mẫn

Người Hội An gọi cá Ông là cá Ông Voi nhưng đặc biệt các ngư phủ và gia đình của họ đều gọi cá Ông là “Ông”, họ tránh gọi từ “cá” như một điều kiêng kị. Khi cá Ông chết trôi dạt vào bờ, họ gọi là “*Ông lụy*”, thông báo cho ngư dân trong làng ra biển vớt Ông lên, diu Ông vào bờ, dựng rạp che Ông, lập bàn thờ trọng vọng, cúng tế linh đình. Cũng như nhiều địa phương làm nghề biển khác dọc vùng duyên hải miền Trung, ngư dân Hội An ở vùng biển Cẩm An và Cù Lao Chàm cũng có tập tục làm đám tang cho Ông với đủ các hình thức như bịt khăn tang màu đỏ, trực thi thể Ông, tập trung cả làng nghe đọc văn tế, xem hát Bả trạo và làm lễ mai táng Ông như đối với người thân là bậc trưởng thượng trong gia đình.

Cách nay chừng năm, sáu mươi năm, cứ vài năm lại thấy cá Ông lụy ở vùng biển Hội An một lần. Những lần ấy thường xảy ra vào mùa mưa gió, ngày Ông lụy trời xám xịt, vùn vù mây đen, sấm sét gầm ghì rồi mưa đổ sầm xuống, có khi mưa rả rích kéo dài đến hai, ba ngày. Người Hội An thấy vậy nói với nhau: “*Ông lụy làm ông Trời cũng đau buồn, giận dữ, bà Trời cũng sụt sùi, than khóc*”. Hồi đó tôi còn nhỏ khoảng chín, mười tuổi, nghe Ông lụy bèn rủ bạn bè xuống biển Cửa Đại cách nhà khoảng 4 cây số để xem người ta “*diu*” Ông vào bờ. Những lần đó chúng tôi phải trốn ba

mẹ đi xem vì ba mẹ rất kiêng cử, không cho chúng tôi lại gần Ông khi Ông chưa được tắm liệm. Chúng tôi cũng không được lại gần Ông vì người ta cho rằng chúng tôi còn nhỏ không biết giữ gìn, lại gần sờ mó sợ thất lễ.

Sau này tôi còn được nghe một vài người kể lại những điều mắt thấy, tai nghe của họ về chuyện cá Ông cứu người, về chuyện Ông lụy ở biển khơi. Xin kể lại như sau:

1. Cá Ông cứu người gặp nạn giữa biển

Chị Phạm Thị Ba, con gái của một gia đình làm nghề biển ở Cẩm An, lớn lên lấy chồng về ở xóm Ngọc Thành, phường Cẩm Phô đã kể lại rằng:

Gia đình của chị có nhiều đời làm nghề câu khơi, kể từ đời ông tổ, ông cố nhưng chị chỉ biết rõ từ đời ông nội. Ông nội của chị tên là Phạm Bải và cha của chị tên là Phạm Bờ đều là những ngư dân dày dạn, cự phách, kinh nghiệm nghề nghiệp đầy mình nên mới trụ được với cái nghề câu khơi là nghề vừa gian khổ, vừa vô cùng nguy hiểm. Ông nội và cha của chị Ba thường xuyên cùng với những người bạn thuyền lênh đênh giữa biển khơi nhiều tháng trong năm, có khi kể cả những ngày Tết cũng không về nhà mà ở lại với biển để chạy theo, săn bắt các đàn cá. Một năm có thể chia ra làm hai thời vụ. Thời vụ 6 tháng đầu năm trời

yên biển lặng chỉ câu được những con cá nhỏ, to nhất cũng chỉ chừng 10 kg trở xuống. Thời vụ 6 tháng cuối năm gió chướng, biển động mới có cá to nên ngư dân thường bị lôi cuốn vào những cuộc săn bắt nguy hiểm vào thời điểm này. Năm nào biển càng động thì cá càng to, sản lượng thu hoạch càng cao, những năm đó hiểm nguy, bắt trắc xảy ra đối với ngư dân làm nghề câu khơi càng nhiều, càng lớn... Ông nội và cha của chị Ba cùng với hai người bạn thuyền là đàn ông (*một già, một trẻ*) gặp nạn cũng trong những ngày mưa gió, bão bùng như thế.

Vào khoảng 3 giờ chiều ngày 17 tháng 10 âm lịch thuộc tháng 12 năm 1963, khi tàu của ông nội và cha chị Ba đang hành nghề ở ngoài khơi xa bờ nhiều ngày thì thành linh bị giông tố ập đến. Con tố lốc lớn kéo dài nhiều giờ liền gây sóng to dữ dội đã đánh tàu thuyền của họ bị vỡ, cả bốn người cố bám lấy những mảnh vỡ của tàu, trôi lênh đênh giữa biển cả. Trong cơn thập tử nhất sinh thì có một con cá Ông thành linh xuất hiện, kê sát lưng vào mảnh tàu có ông Phạm Bải đang cố bám, đẩy nổi lên khỏi mặt nước biển. Ba người còn lại thấy có cá Ông đến cứu bèn ôm mảnh tàu vỡ bơi lại gần ông Phạm Bải và cùng cố bám trên lưng cá Ông đang bơi dần về phía bờ. Sau nhiều giờ được cá Ông đưa đi, trời vẫn mưa gió dữ dội làm kiệt sức dần ông Phạm Bải và một người bạn thuyền già cả như ông đang được hai người trẻ cố ôm giữ cho khỏi bị sóng đẩy tuột xuống biển. Khi thấy không thể chịu đựng nổi cái đói và lạnh, ông Phạm Bải nói với ông Phạm Bờ là con hãy thả cha ra mà lo cứu lấy thân chứ con cứ níu kéo

cha như ri thì hai cha con chết hết. Con phải sống để còn nuôi mẹ và vợ con. Ông Phạm Bờ không chịu nghe, vẫn cố níu giữ lấy cha giữa con phong ba dữ dội nhưng sức của mọi người cạn kiệt dần, ông Phạm Bải tuột khỏi tay con, cùng với người bạn thuyền già bị sóng nhấn chìm xuống biển, lúc đó ông Phạm Bờ cũng ngất đi không biết gì nữa.

Sáng ngày hôm sau, ông Phạm Bờ (*cha của chị Phạm Thị Ba*) tỉnh lại thấy mình nằm trên giường, mẹ và vợ con đang đứng xung quanh đắp mền cho ông, vợ ông đang bung tô cháo nóng đợi ông tỉnh dậy. Khi nghe gia đình kể chuyện, ông Phạm Bờ mới biết mình đã được gia đình tìm thấy nằm bất tỉnh ở bãi biển vào lúc trời rạng sáng. Ông dần dần nhớ lại và kể cho gia đình nghe chuyện ông đã được cá Ông cứu sống còn cha của ông thì đã mất tích ở ngoài biển khơi. Trong lần đó, người bạn thuyền còn trẻ của ông Phạm Bờ cũng được cá Ông cứu sống và đưa vào bờ cùng với ông.

2. Cá Ông bị lụy ở biển Cù Lao Chàm

Chị Lê Thị Thái, nguyên là giáo viên mẫu giáo làm việc tại Cù Lao Chàm dưới thời bao cấp, nay thường trú tại khối phố An Hội, phường Minh An đã kể lại một câu chuyện mà chính chị mắt thấy, tai nghe về chuyện cá Ông lụy. Điều lạ thường ở đây là chị cho biết lúc cá lụy, ngư dân bản xứ không gọi cá Ông mà gọi là cá Bà. Câu chuyện cá Bà lụy như sau:

Vào khoảng 10 giờ 45 phút buổi sáng một ngày tháng 11 năm 1982, lúc còn dạy mẫu giáo ở Cù Lao Chàm, khi đi



Cá Voi xuất hiện ở vùng biển Cù Lao Chàm ngày 15/7/2020
Ảnh cắt từ video, nguồn facebook Chu Mạnh Trinh

từ trường về nhà, chị Thái thấy dân chúng tụ tập khá đông bên cạnh một cái lãng ở Bãi Làng. Dừng lại hỏi thì chị Thái được bà con cho biết là có Bà lụy. Lúc nghe nói Bà lụy, chị Thái rất tò mò muốn biết chuyện gì xảy ra nên tìm cách chen chân giữa đám đông để vào bên trong nhưng bị mọi người ngăn lại. Sau một hồi cố nài nỉ hai bác ngư dân lớn tuổi là ông Hồ Châu và ông Mai Bán, chị Thái mới được cho vào bên trong để nhìn tận mắt cá Bà. Tuy biết chị Thái là cô giáo nên có phần nể nang mới cho vào bên trong nhưng hai lão ngư cũng hỏi cô có “*việc riêng*” không (*ý hỏi chuyện kinh nguyệt*) và dặn là vào xem nhanh rồi ra.

Khi bước vào bên trong, cảnh tượng hiện ra trước mắt chị Thái là một con cá giống hệt cá Ông voi, màu đen, dài hơn mét rưỡi, nằm ngửa bụng lên trời như con người chứ không nằm nghiêng như các con cá đã chết, hai vây chắp trước ngực như hai bàn tay chắp lại, đôi mắt vẫn mở và có vài giọt nước chảy ra ở khóe mắt.

Chị Thái hỏi bác Hồ Châu vì sao cá Bà lại trôi vào bờ. Bác Châu nói ngày

hôm qua biển động mạnh, cá Bà bị lụy dạt vào bờ. Thấy Bà còn sống, ngư dân Bãi Làng hợp sức cùng nhau đưa Bà ra lại biển khơi nhưng Bà không còn sức bơi lội nên mọi người đưa Bà vào lãng.

Khoảng 14 giờ cùng ngày, cá Bà chết, mắt nhắm lại và vây không còn động đậy nữa. Người ta chia nhau công việc, một vài người mua

hoa quả mang vào lãng sắp đặt trên bàn thờ, thắp hương, đèn và khăn vải. Một số trai tráng lên núi đốn tre đem xuống bãi đất trống bên lãng, chẻ tre đan thành quan tài, dán giấy màu đỏ bọc kín bên ngoài và làm một chiếc sàn giống chiếc bè cũng bằng tre. Sau đó, người ta đưa cá Bà vào quan tài, đặt lên sàn rồi đặt bàn cúng tế, có một người đàn ông mặc áo dài, đầu quấn khăn tang màu vàng (*không phải màu đỏ như để tang cá Ông*) trình trọng quì xuống khăn vải hồi lâu rồi chiêng, trống nổi lên nhiều hồi kéo dài, lúc đó mọi người khiêng chiếc sàn có quan tài ở trên xuống một chiếc thuyền rồi đưa cá Bà sang Bãi Ông để làm lễ mai táng.

Sau này, chị Thái nghe kể lại là cá Bà hôm ấy được làm tang lễ nghiêm túc như đối với cá Ông, được mai táng cẩn thận và thờ ở lãng Ông tại Bãi Ông Cù Lao Chàm ♦



THÔNG TIN TƯ LIỆU

Cá Voi hay còn gọi là cá Ông được những người làm nghề biển thành kính và thờ cúng, là vị thần bảo hộ tính mạng và tài sản trong quá trình đi biển và làm nghề biển của cư dân từ vùng Bắc Trung Bộ đến Nam Bộ. Dưới thời nhà Nguyễn, các vua đã phong tặng cho cá Ông như sau: Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân chi thần (*thời Minh Mạng*); Từ Chế Chương Linh Trợ Tín Nam Hải cự tộc Ngọc Lân chi thần (*thời Thiệu Trị*); Từ Tế Chương Linh trợ tín Trùng Trám Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân chi thần (*thời Tự Đức*); Từ Tế Chương Linh trợ tín Trùng Trám Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân chi thần (*thời Đồng Khánh*); Từ Tế Chương Linh Trợ Tín Trùng Trám Dực Bảo Trung Hưng thượng đẳng thần (*thời Duy Tân*).

Tư liệu sớm nhất tiếp cận được đề cập đến cá Ông là tác phẩm *Ô Châu cận lục*, trong mục cửa Việt An có ghi: “ở huyện Võ Xương, do hai nguồn Cảo Cảo, Viên Kiều đổ xuống. Thời triều trước, khoảng năm Quang Thiệu (tức niên hiệu vua Lê Chiêu Thống 1516-1522), có các loài cá voi lạc vào, khi thủy triều rút, dân làng biển đã bắt được. Có kẻ đã dùng xương sườn cá để cất nhà”¹.

THÔNG TIN VỀ CÁ ÔNG VÀ TỤC THỜ CÚNG CÁ ÔNG QUA MỘT SỐ TƯ LIỆU LỊCH SỬ

ThS. Phạm Phước Tịnh

Tuy nhiên, tư liệu sớm nhất nhắc đến tục thờ cúng cá Ông là tác phẩm *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, trong phần ghi chép về dinh Bình Thuận có đoạn viết: “...1.780 tầm, phía nam dọc theo bãi biển, phía bắc dọc theo động cát, đến miếu Thần Hải, miếu thờ thần Nam Hải cự tộc ngọc lân, tượng thần bằng đất, áo mũ rất trang nghiêm, hai bên có bày đao kiếm, chiêng trống và tàn lọng, đằng sau tượng có hòm gỗ sơn màu đỏ. Theo lời kể của các vị bộ lão thôn Sơn Hải thì ngày mùng 2 tháng 2 năm Bính Ngọ (?), người trong thôn thấy một khúc xương cá voi trên tấm ván gỗ thông trôi từ ngoài biển vào bãi này, lúc ấy dân thôn Vũng Diên, Phan Rang tập hợp lại cùng nhau bưng tấm gỗ thông có xương cá ấy định đem đi mai táng, nhưng khi họ nhắc lên thì không sao nhắc nổi, bỗng dưng có một người trong thôn tên là Cha Tài nhập đồng nói to rằng: Không được, chỗ ở của ta tại đây, không được đem đi táng chỗ khác. Mọi người thấy lạ, cho là thần nên không dám mang đi chỗ khác mà táng ngay tại chỗ đó, rồi lập miếu thờ, khâm liệm xương ấy vào quan tài bằng gỗ để thờ

¹ Dương Văn An, *Ô Châu cận lục*, Trần Đại Vinh hiệu đính và dịch chú, Nxb Thuận Hoá, Sở Khoa học - Công nghệ Quảng Bình, 2015, tr.29.

ngay trong miếu, đặt người làm từ lo việc hương khói. Từ đó về sau, thuyền bè người Kinh, người Thuận Thành, mỗi lần đến neo đậu ở bãi này, phàm vào miếu cầu đảo việc gì cũng được linh ứng. Hằng năm vào ngày mùng 2 tháng 2, dân trong thôn dùng lễ tam sinh để cúng tế, lâu ngày đã thành lệ, có khách đi đường làm thờ rằng (bản dịch nghĩa): Vốn đời vùng vẫy chốn thủy cung, làm chúa muôn loài xứng tôn sùng, Hà miệng ra vào miền sông bãi, Quấy đuôi ngang dọc chốn khơi đông, Đứng đầu hết thấy ngoài biển rộng, Cứu độ bao người đã nên công, Miếu vũ mãi còn bên bờ biển, Ngàn thu truyền tụng tiếng đức ông”².

Trong tác phẩm *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức biên soạn vào khoảng năm 1820-1822, mục sản vật chí ghi cá Ông và tục thờ cúng cá Ông như sau: “Cá biển có cá voi, đầu tròn, ở trán có lỗ phun nước, mũi miệng như con voi, mình trơn láng không có vẩy, đuôi chẻ đôi như đuôi tôm; tính hiền lành, hay cứu giúp người. Người đánh cá thường gọi để lừa cá vào lưới. Thuyền đi biển bị đắm, cá này thường đưa người lên bờ. Dân vùng biển đều kính lễ. Có xác cá ấy trôi giạt vào đâu, thì ngư dân góp tiền vải, sắm quan tài để liệm chôn, lấy người trùm ngư dân làm tang chủ, lập đền phụng thờ. Trong điện thờ phong làm Nam hải tướng quân, vì là ở biển Nam hải thì mới linh ứng, còn ở biển khác thì không. Mỡ cá ấy chữa bệnh chần đậu, phong nhiệt, mắt đỏ”³.

² Lê Quang Định (2005), *Hoàng Việt thống nhất dư địa chí*, Phan Đăng dịch và chú giải, Nxb Thuận Hoá - Trung tâm ngôn ngữ Đông Tây, tr.277-278.

³ Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành thông chí*, Đỗ Mộng Khương và Nguyễn Ngọc Tinh dịch, Nxb Giáo dục, tr.167-168.

Sách *Gia Định thành thông chí* cũng ghi chép: tại Trấn Biên Hoà, có đền Nam hải tướng quân: “Thần này là cá ông voi, không vẩy đầu tròn tron, đỉnh đầu có lỗ hồng phun nước ra như mưa, môi voi, đuôi tôm, dài đến 2, 3 trượng, hay nhảy nhót ở mặt biển. Người hàng chài thả lưới đánh cá thường gọi thần mà cầu, thì đuổi cá vào cả lưới, người ta rất cảm ơn. Bất kỳ cá này mắc vào lưới thì người hàng chài mở một mặt lưới gọi dân thì tắt theo cửa lưới mà ra. Khi thuyền bị sóng gió nguy cấp, cá này thường đến giữ đỡ thân thuyền cho được yên ổn. Nếu thuyền bị chìm thì cá có thể vượt sông mang người lên bờ, sự phù hộ của thần này rất rõ rệt. Chỉ nước Nam ta từ Linh Giang đến Hà Tiên là có sự linh ứng như thế, còn biển khác thì không có. Là bởi phương Nam núi biển đức khí thiêng, ngấm ngấm giúp đỡ để phù hộ nhân dân ta chăng. Đã được phong tặng làm “Nam hải tướng quân Ngọc lân tôn thần”, chép vào tự điển. Khi cá này bị cá khác đánh bị thương mà chết nổi lên mặt biển, thì dân ven biển góp tiền mua áo quan và vải khâm liệm, chọn người đàn anh trong ngư hộ lấy một người làm chủ để tang, đào đất mà chôn, làm đền ở bên cạnh. Những nơi có mã cá voi thì nhân dân được nhiều may mắn, mà những nơi không có mã cá thì cũng lập đền để thờ, ven biển chỗ nào cũng thế”⁴.

Vào năm Minh Mạng thứ 17 (1836), sách *Đại Nam thực lục* ghi chép: “Vua cho rằng cá voi bấy lâu nay cứu người bị nạn gió bão, vẫn có linh nghiệm. Chuẩn định: từ nay, hễ có cá voi chết giạt vào các cửa biển thuộc Kinh kỳ, thì phủ Thừa Thiên phải đem chôn, cấp cho 1 tấm vải, 10 quan tiền. Lệnh này

⁴ *Gia Định thành thông chí*, Sdd, tr.194.

được ghi làm lệ. Nhân bảo thị thần rằng: “Cá voi là giống cá biển to, tính hay cứu người, nên gọi là “Nhân ngư”. Còn những tên gọi là “Ngọc lân” hay “Hải long”, là tục truyền lầm. Chỉ lạ là người ở hải phận nước ta truyền nhau rằng cá ấy phân nhiều thiêng, còn biển nam từ Hà Tiên trở vào Nam, biển bắc từ Quảng Yên trở ra Bắc, thì lại không thế, nên nhiều người lấy thịt cá ấy đem nấu dầu, gọi là dầu cá thu tức là cá ấy, không biết vì lẽ gì!”⁵.

Đến năm Minh Mạng năm thứ 18 (1837), sách Đại Nam thực lục ghi sự việc cá Ông được khắc ở Nhân đình như sau: “... ngày Quý Mão, đặt 9 cái đình ở trước sân Thế miếu. Trước đây đúc 9 cái đình to (cao hơn 5 thước, đến hơn 6 thước, vòng lưng to 11 thước 6 tấc đến hơn 8 tấc, nặng 4.100 cân hay 4.200 cân có lẽ). Phàm các thứ chim cá, giống thú cây cỏ cùng đồ binh khí, xe, thuyền cho đến thiên văn địa lý trong nước, lớn nhỏ đều đủ, đều theo hình ấy mà đúc... Nhân đình, khắc các hình: Mặt Trăng, biển Nam, núi Ngự Bình, sông Hương, sông Phả Lại, chim công, con báo, con đồi mồi, con cá voi, hoa sen, quả nam trân, hạt thóc nếp, cây kỳ nam, cây ngô đồng, cây hẹ, thuyền nhỏ, súng luân xa”⁶.

Minh Mạng năm thứ 19 (1838), Quân vệ Tả dinh Tiền phong đi đóng ở An Giang, đi thuyền hiệu chữ Bình số một, vừa đến phận biển Đề Di ở Bình Định, nhân gặp gió bão, thuyền bị vỡ ngay ở Hòn Kiền, chết đuối hơn 280 người. Vua nghe tin thương lắm, truy tặng thự Phó vệ uý là Trần Văn Phúc làm Phó vệ uý, gia thưởng cho gấm Trung Quốc 1 tấm, lụa 5 tấm; từ suất đội

đến binh đình, đều cấp cho vải lụa, sai quân lĩnh sắm sửa quan tài và đồ khâm liệm, tùy tiện đưa về, rồi chuẩn cho chiếu theo lệ chết trận, cấp tiền tuất cho gia đình. Lại lập đàn ở bãi biển cho tế một tuần, những người còn sống, 74 người, đều cấp tiền cho và cho về quê quán, phái vệ Kinh kỵ viện Thượng tứ đi đóng thay. Lại dụ sai đem tên lái thuyền ra bãi biển chém đầu, bêu cho mọi người biết, suất đội đi kèm phải cách chức. Quan tỉnh ấy liền tâu nói: chỗ thuyền quân bị đắm nước sâu vài mươi trượng, lại nhiều giống cá dữ, đã bắt dân lặn xuống mò các đồ vật công, thấy có cá voi đến hàng đàn, cá dữ đều lánh xa, không làm hại người. Vua bảo rằng đó là thần biển hiển linh, sai đem lễ thái lao để lễ tạ, nhân đó vua bảo bộ Công rằng: “Từ trước tới nay, các địa phương hằng năm đem đệ tờ khai và đồ bản xét đo cửa biển vẫn là thiếu sót, nên truyền Chỉ cho các tỉnh đều phái người hội đồng với viên coi cửa biển xem đo kỹ lưỡng các cửa biển trong hạt, rộng hẹp sâu nông và đường cửa biển ngang lệch cong thẳng thế nào, thuyền bè ra vào hướng nào là tiện? Cùng là phận biển, chỗ nào có đảo nhỏ, ghềnh đá, cát ngầm, cát nông, dài rộng sâu nông thế nào? Các hòn đảo ở biển cách bờ ước bao nhiêu dặm? Đi bộ mấy giờ có thể tới bờ, chân đá chân cát dài ra mấy trượng mấy thước, thuyền bè đi qua, hoặc nên theo bên tả, hoặc nên theo bên hữu, tránh xa mấy trượng thước, có thể không quân ngại, ở giữa đảo lại có vụng sâu có thể đậu được không? Và hình núi đối ngại ở trước sau tả hữu, trông giống hình gì, có thể ghi nhận hết thấy kỹ càng, vẽ thành bản đồ nói thêm rõ ràng, hạn trong 1 tháng, phát đệ đến bộ, lại phải thủy sư, giám thành khám lại, rồi sao

⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn (bản dịch) (2007), Đại Nam thực lục, tập 4, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.965.

⁶ Đại Nam thực lục, tập 5, tr.22,

đưa cho thủy sư theo đó nhận kỹ, để phòng đi thuyền đường biển”⁷.

Dưới thời vua Tự Đức, sách Đại Nam nhất thống chí ghi chép về cá Ông như sau: *Đức ngư (theo tên đời Tự Đức ban cho), đầu tròn, trên trán có lỗ phun nước sắc đen, nhẵn nhụi không vảy, đuôi chẻ ra như đuôi tôm; tính hiền lành hay cứu người. Đầu đời Minh Mệnh cho tên là nhân ngư, đầu đời Tự Đức cho đổi tên hiện nay. Con nào ở biển Nam thì linh tính, ở biển khác thì không. Tục truyền, long diên hương là do nước dãi của cá này kết lại, chưa rõ có đúng thế không. Dị lục ký trong An Nam chí của Cao Hùng Trưng chép rằng: Hải thu là thứ cá rất lớn trong loài cá, phun hơi nước lên trên không, gió bay đi như mưa; Cách trí kính nguyên dẫn sách Chính tự thông chép rằng: Bạch ngư dài 20 trượng, tính hiền lành, hay cứu người, hoặc thấy người chài bị loài cá dữ làm khôn quần, nó cũng giải cứu. Lại sách Bắc sử chép: nước Chân Lạp có thứ cá trên là kiến đồng, bốn chân, không vảy, mũi như vòi voi, hút nước phun lên cao đến 6,7 mươi thước. Vậy chép ra đây để phòng khảo cứu. Năm Minh Mệnh thứ 17 khắc hình tượng vào Nhân đình/ Từ đức ngư trở xuống đều thuộc về cá nước mặn*⁸.

Trong tác phẩm *Thối (Thoái) thực kí văn*⁹ ghi chép về lịch sử - xã hội Việt Nam thế kỷ XVIII-XIX, Trương Quốc Dụng đã nhắc đến cá Ông như sau: “Hải thu tục gọi là cá ông voi, mình dày không vảy, đuôi giống tôm, kì nó rất sắc, mũi ở trên trán, tính có nhân hay cứu

người. Người đi thuyền gặp phong ba mà đắm, nó thường đội trên lưng đưa vào gần bờ, vẫy đuôi bỏ lên. Người miệt biển rất kính. Có con chắt mà tạt vào bờ ruồi lẳng không đậu, họ bèn góp tiền làm ma, ai chủ việc ấy thì đánh cá và buôn bán có lợi. Xét Tù thư chép: “Nước Chân Lạp có con cá Kiến đồng, bốn chân, không vảy mũi như voi, hút nước phun ngược lên 5, 6 trượng”.

Ngoài ra, cá Ông và tục thờ cá Ông ở khu vực Hội An nói riêng, Quảng Nam nói chung được mô tả, điều tra, nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước.

Tư liệu tiếp cận được là *thần tích, thần sắc về làng Phước Trạch*¹⁰ theo điều tra của Viện Viễn Đông Bác cổ vào năm 1939, mô tả chuyện cá Ông như sau¹¹: Làng Phước Trạch thường gọi là làng Cầu (vì ở đây người ta thường hay đánh cá, câu cá), tổng Thanh Châu, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, trong làng có lăng thờ cá Ông. Nguyên lúc trước (?) và cách 7, 8 năm trở lại đây, kẻ làm cá, người đi làm ghe vào Nam ra Bắc của cư dân làng Phước Trạch hay là về miệt biển thường hay bị sóng tố, rủi ro, đắm trôi. Kẻ sóng sót lại là nhờ có phước lớn vậy, chẳng qua đó nhờ “cá Ông” độ đưa vào. Cá đưa vào có khi một vài người, hay là với một cái ghe hư hỏng nhỏ. Lúc ban sơ những kẻ đưa vào được sống, chưa hiểu rõ là nhờ ai. Dần dần họ mới hiểu rõ, mà thật ra vị cá đã cứu vớt con dân miệt biển chẳng phải là ít. Cho nên muốn tỏ lòng biết ơn, kính trọng, hễ khi nào có cá ấy bị chết (thường gọi là lụy) tấp vào bờ, người thấy được tin báo làng xã cho đem vào gói chôn ở bãi cát nào, chờ trong một kỳ hạn thối mục, xương rời thì lại bỏ cả xương

⁷ Đại Nam thực lục, tập 5, tr.271-272.

⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn (1997), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 1, Nxb Thuận Hoá, Huế, tr.406.

⁹ Trương Quốc Dụng (1944), *Thối (Thoái) thực kí văn*⁹, Nguyễn Lợi và Nguyễn Đồng Chi dịch và chú thích, Nxb Tân Việt, tr.124-125.

¹⁰ Bảo sao hiện lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An.

¹¹ Theo lời kể của ông Lê Bích ở làng Phước Trạch.

vào hòm nhỏ có sẵn ở lãng mà thờ, sau khi được nhà vua phong thần sắc. Lúc chôn xác, khi cất xương họ đều làm lễ tử tế. Cá Voi thờ ở lãng, trong có khám, có tam sự, 10 cái hòm gỗ nhỏ, 2 chiếc ghe nhỏ, 2 hàng lão bộ, chứ không mũ, hia, áo gì... Mỗi năm cúng 2 lễ chính vào ngày 6 tháng 2 và ngày 6 tháng 8. Lễ vật cúng gồm cơm, xôi, heo, rượu, hoa quả do làng và những lái ghe đóng góp kinh phí tổ chức...

Đến những năm 1941-1943, trong Quảng Nam xã chí¹², một số làng xã ở Hội An theo điều tra của Viện Viễn Đông Bác cổ có lưu giữ nhiều sắc thần phong tặng cá Ông, cụ thể:

- Làng Cẩm Phô có 2 đạo sắc thần: *Vị Ngọc Lân trước phong Trùng Trạm ngày 8 tháng 6 nhuận năm Duy Tân 5; Vị Nam Hải Ngọc Lân gia tặng Thành Hoàng Tịnh Hậu trung đẳng thần ngày 25 tháng 7 năm Khải Định 9.*

- Làng Tân Hiệp có 2 đạo sắc thần: *Vị Nam Hải Ngọc Lân được trước phong Từ tế Chương linh Trợ tín Trùng trạm Dục Bảo trung hưng ngày 8 tháng 6 nhuận năm Duy Tân 5; Vị Ngọc Lân gia tặng Uông Nhuận trung đẳng thần ngày 25 tháng 7 năm Khải Định 9.*

- Làng Thanh Nam có 2 đạo sắc thần: *Vị Đông Hải Ngọc Lân gia tặng Trùng trạm Dục bảo trung hưng hạ đẳng thần ngày 18 tháng 3 Khải Định thứ 2; Vị Ngọc Lân gia tặng Uông nhuận ngày 25 tháng 7 Khải Định 9.*

- Làng Thanh Đông có 8 đạo sắc thần: *Vị Ngọc Lân năm đức Thế tổ thống nhất gia tặng Từ tế ngày 17 tháng 9 năm*

Minh Mạng thứ 7; Vị Ngọc Lân năm Minh Mạng thứ 21 ngũ tuần đức Thánh tổ nhơn hoàng đế gia tặng Chương linh ngày 12 tháng 4 Thiệu Trị 3; Vị Ngọc Lân gia tặng Trợ tín ngày 14 tháng 5 năm Thiệu Trị thứ 3; Vị Ngọc Lân gia tặng Trùng trạm ngày 25 tháng 9 năm Tự Đức thứ 3; Vị Ngọc Lân, năm Tự Đức 31 ngũ tuần tiết đăng trật ngày 24 tháng 11 năm Tự Đức thứ 33; Vị Ngọc Lân gia tặng Dục bảo trung hưng ngày 1 tháng 7 năm Đồng Khánh 2; Vị Ngọc Lân năm Duy Tân nguyên niên đại lễ đăng trật ngày 11 tháng 8 năm Duy Tân thứ 3; Vị Ngọc Lân gia tặng Uông nhuận ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9.

- Làng Thanh Hà có 5 đạo sắc thần: *Vị Ngọc Lân năm đức Thế tổ cao hoàng đế thống nhất gia tặng Từ tế ngày 17 tháng 9 năm Minh Mạng thứ 7; Vị Ngọc Lân năm Minh Mạng thứ 21 ngũ tuần đức Thánh tổ nhơn hoàng đế gia tặng Chương linh ngày 12 tháng 4 năm Thiệu Trị thứ 3; Vị Ngọc Lân gia tặng Trợ tín ngày 14 tháng 5 năm Thiệu Trị thứ 3; Vị Nam Hải Ngọc Lân gia tặng Từ tế Chương linh Trợ tín Trùng trạm ngày 25 tháng 9 năm Tự Đức thứ 3; Vị Ngọc Lân gia tặng Uông nhuận ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9.*

Qua một số tư liệu trên cho thấy, cá Ông và tục thờ cá Ông được nhắc đến khá sớm trong các tư liệu lịch sử. Những thông tin về đặc điểm cá Ông, di tích, sắc phong, nghi lễ và thực hành nghi lễ... góp phần quan trọng phục vụ nghiên cứu về tín ngưỡng thờ cúng cá Ông của cư dân vùng biển Hội An, Quảng Nam nói riêng và khu vực miền Trung, Nam Bộ nói chung ♦

¹² Bản sao hiện lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An.

TỤC THỜ CÚNG CÁ ÔNG TRONG TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU VỀ LÀNG CÁ CẨM AN NĂM 1962

Tổ Lưu trữ - Thông tin

Cẩm An: Một làng cá ở miền Trung Việt Nam (*Cẩm An: A fishing village in central Viet Nam*) là tập tài liệu nghiên cứu về làng cá Cẩm An¹, bao gồm phường Cẩm An, Cửa Đại và xã Tân Hiệp thuộc thành phố Hội An hiện nay, do Jonh D. Donoghue và Nhóm cố vấn trường đại học bang Michigan, Viện Hành chính Quốc gia Việt Nam cộng hòa cùng với một số học giả Việt Nam thực hiện hoàn thành năm 1962. Tập tài liệu dày 123 trang, viết bằng tiếng Anh, trình bày kết quả nghiên cứu các vấn đề về làng cá Cẩm An như: Cơ cấu tổ chức làng xã và chính quyền; nghề cá và vạm nghề; mối quan hệ họ hàng, hôn nhân và gia đình; tín ngưỡng, niềm tin và nghi lễ; khát vọng tương lai. Riêng, liên quan đến nghề đánh bắt cá, tập tài liệu cung cấp nhiều thông tin thú vị về phân loại ngư dân, phương pháp đánh bắt cá ở vùng biển sâu và biển ven bờ, tàu thuyền đánh bắt, tổ chức vạm nghề, tục thờ cúng cá Ông. Trong Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản tập này, xin trích giới thiệu phần chuyển ngữ sang tiếng Việt về “*Tục thờ cúng cá Ông*” ở thôn 1 (*thôn An Bàng*) và thôn 3 (*thôn Phước Trạch*) để chúng ta cùng tham khảo.

¹ Bản dịch tài liệu thuộc đề tài *Nghiên cứu, biên soạn địa chí Hội An*

Tục thờ cá Ông:

Đối với ngư dân Cẩm An, cá voi là một vị thần bảo hộ của họ. Không giống như chuyện kể về anh chàng Jonah và cá voi, Ông cá là người bảo hộ cuộc sống của ngư dân. Do vậy, tục thờ cá Ông và các nghi lễ đi kèm là vô cùng quan trọng và mang ý nghĩa to lớn ở xã. Trước đây, mỗi thôn ở Cẩm An đều có một miếu thờ cá Ông và một nghĩa địa gần kề để an táng thi hài cá Ông. Tuy nhiên, hai ngôi miếu thờ đã bị hủy hoại và một ngôi trong thôn 1 vẫn chưa được đặt lại. Nếu xác cá Ông trôi dạt vào bờ hoặc khi ngư dân thỉnh linh bắt gặp ngoài biển thì họ sẽ mang đến nghĩa địa để thực hiện nghi lễ an táng. Một số ngư dân cho biết họ không muốn thấy cảnh xác cá Ông trôi vào bờ bởi vì việc an táng tốn nhiều thời gian và tiền bạc. Thịt và phế phẩm của loài động vật khổng lồ này thì không dùng được.

Ngôi miếu thờ cá Ông lớn nhất ở thôn 3 có một khung cảnh oai nghiêm và quay mặt ra biển. Đây là một công trình thờ tự lớn với một ngôi mộ lớn trên mặt đất và một cổng vào bằng đá. Ngôi miếu này được xây dựng từ 30 năm trước đã bị phá hủy và được xây lại vào năm 1958 với sự hỗ trợ kinh phí từ tổ chức Vạm. Vì tục thờ cá Ông là một nghi lễ quan trọng ở xã nên ngư dân không ngần ngại đóng

góp vào việc sửa sang các ngôi miếu thờ và thực hiện các nghi lễ.

Lễ cúng cá Ông được tổ chức 2 lần trong năm đánh dấu những thay đổi trong chu kỳ đánh bắt cá. Lễ cúng đầu tiên diễn ra vào tháng giêng sau tết âm lịch đánh dấu sự khởi đầu một mùa đánh bắt xa bờ. Lễ cúng lần hai thường vào tháng bảy hoặc tháng tám âm lịch để kết thúc mùa lênh đênh trên biển. Sau đây là phần mô tả hai nghi lễ ở thôn 1 và thôn 3 vào thời điểm bắt đầu vưon khơi.

Thôn 1.

Vào ngày 12 tháng giêng âm lịch, một ngày trước khi nhóm nghiên cứu đến thôn 1 (An Bàng) thì lễ cúng đã kết thúc. Xã trưởng làng là một cư dân ở An Bàng đã mô tả chi tiết về nghi lễ được gọi Lễ Tế Kỳ Ngư.

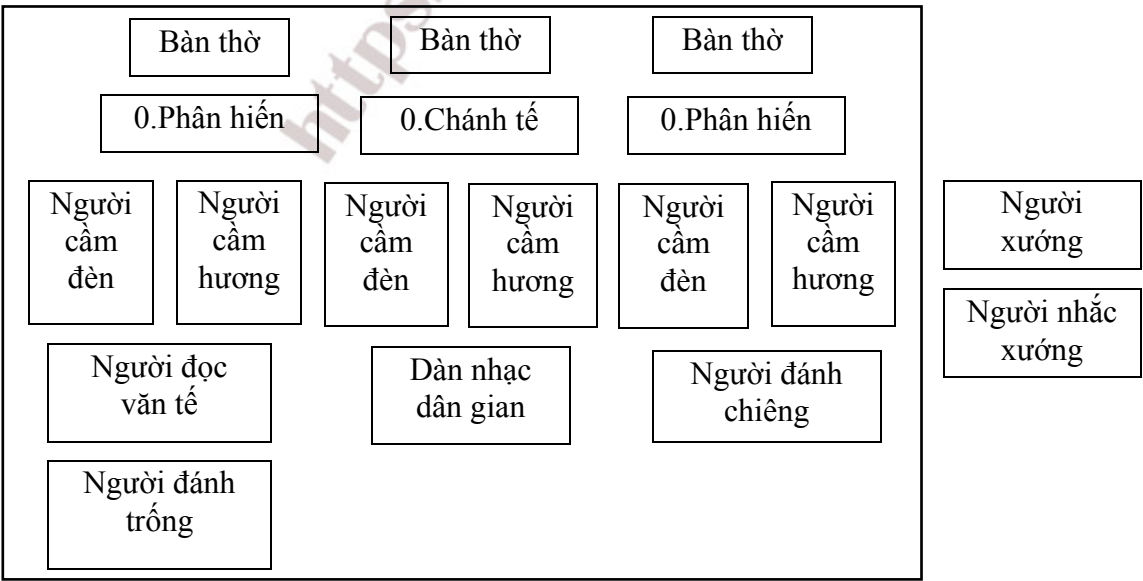
Hai ban đã đề xướng tổ chức lễ cúng là Ban Tế tự và Ban Học sinh. Nhiệm vụ của Ban Tế tự là mua hoa, trang trí bàn thờ và đình nơi các nghi lễ diễn ra. Ngoài ra, ban này cũng phụ trách viết chữ Hán lên các cuộn giấy đỏ, chuẩn bị các bài văn tế. Mặt khác, các thành

viên của Ban Học sinh phải chuẩn bị hương đèn theo quy trình và giữ vai trò là người nhắc cho chủ nghi lễ. Ban này cũng có cả những người đàn ông có học thức và đã lập gia đình.

Lễ cúng cá Ông thì phức tạp hơn các lễ cúng thông thường và được tổ chức 5 năm một lần có sự đồng ý của tất cả mọi người trong thôn cùng tham gia đóng góp kinh phí. Lễ cúng năm ngoái là lớn nhất từ sau chiến tranh và người dân thôn 1 đã đóng góp được hơn 2.000đ.

Lễ cúng được phân chia thành Lễ túc yết từ 10 đến 11h30 giờ sáng và Lễ chánh từ 9 đến 11 giờ tối. Người ta bày thức ăn và đốt hương đèn ở phần lễ lúc sáng.

Trước khi lễ chánh diễn ra, một đám rước đèn mang đến đình sắc lệnh nêu công trạng của những người sáng lập xã. Ba vị cao niên đã được chỉ định từ trước thực hiện lễ nghi trước bàn thờ chính (*chánh tế*) và hai bàn thờ hai bên (*phân hiến*). Tại thời điểm nghi lễ diễn ra, việc sắp xếp tại Đình như sau:



Người xướng hay chủ lễ chỉ đạo quy trình bằng việc thông báo các bước thực hiện nghi lễ cho những người tham gia như: ai lạy trước và nên lạy bao nhiêu lần. Đằng sau người xướng là người nhắc xướng (*hỗ trợ*), người này luôn trong tư thế sẵn sàng nhắc cho người xướng phòng trường hợp người này quên. Người nhắc xướng này là chuyên gia về các lễ nghi. Hai người đàn ông mặc trang phục truyền thống Việt Nam - khăn đóng màu đen và áo dài màu xanh với tay áo rộng dùng trong các nghi lễ. Khách mời tại buổi lễ là các thành viên trong hội đồng xã và các vị cao niên từ các thôn lân cận.

Trong chừng mực chúng tôi có thể khám phá thì đáng lưu ý là những người trưởng thôn Vạn không có vai trò lớn trong nghi lễ này. Hơn nữa, nghi lễ này được tổ chức ở Đình vì miếu thờ cá ông đã không được tu sửa và toàn thể người dân trong thôn đã đóng góp tiền cho lễ cúng. Rõ ràng, lễ tế cá Ông ở An Bàng được sáp nhập với các nghi lễ chung ở Đình và bị mất đi một số đặc tính năng riêng biệt được tìm thấy trong nghi lễ được tiến hành tại thôn 3.

Thôn 3.

Về nguyên tắc, việc tổ chức lễ hội này là sự nỗ lực chung của người dân thôn 2 (*Tân Thành*) và thôn 3, nhưng người dân ở thôn 3 (*Phước Trạch*) lại đóng vai trò chính trong việc lên kế hoạch, vận động đóng góp và tham gia thực hiện. Lúc đầu, chúng tôi đã quan tâm đến cách thức mà hai thôn sẽ hợp tác, phối hợp, và phân chia lao động và

chức danh. Nhưng khi tiếp tục nghiên cứu chúng tôi thấy rằng thôn 2 chỉ hợp tác tổ chức trên danh nghĩa.

Khi buổi lễ đã được lên kế hoạch, vị trưởng vạn ở thôn 3 triệu tập một cuộc họp các trưởng vạn của 2 thôn để quyết định ngày cử hành và khoản tiền đóng góp bắt buộc từ các thành viên vạn. Khoản tiền này phụ thuộc vào việc đánh bắt cá ở các năm trước; nếu việc đánh bắt là tốt thì các hoạt động sẽ được tổ chức. Thông thường khoản đóng góp từ 20-30 đồng cho mỗi hộ gia đình, nhưng năm ngoài số tiền này cao hơn vì có tổ chức hát tuồng: 200 đồng đối với các chủ tàu lớn, 150 đồng cho tàu trung bình, 50 đồng và 30 đồng cho các chủ tàu nhỏ và ngư dân. Những người không liên quan nghề đánh bắt có thể đóng góp nếu họ muốn. Cuối cùng, việc đóng góp đạt 15.000 đồng, trong đó có 7.200 đồng được dùng để trả cho 15 thành viên đoàn hát ở gần Hội An. Lễ cúng đã được thiết lập vào ngày 21 tháng giêng âm lịch.

Buổi lễ tại ngôi miếu có một đám rước đi trước, bắt đầu lúc 10 giờ sáng gồm 20 thành viên mặc trang phục truyền thống và một người chủ tế (*còn gọi là chánh bái*). Bốn người đàn ông khiêng một chiếc kiệu có chứa sắc lệnh hoàng gia (*thực ra sắc lệnh đã bị phá hủy trong chiến tranh nên ngôi đền chỉ còn lại bát nhang*). Hai người nhắc xướng mang lọng quan, sáu người chơi nhạc cụ cổ truyền và tám người cầm cờ. Một trong số những người cầm cờ dẫn đầu đoàn rước và người chủ tế đi theo sau.

Nhóm này đi độ vài cây số về phía bắc dọc theo bãi biển và sau đó quay trở lại ngôi miếu chính để nghỉ ngơi và ăn nhẹ. Sau đó, ban nhạc nổi lên một lần nữa và đi dọc theo bãi biển về phía nam. Trong cuộc diễu hành này, các thành viên khấn cầu cá ông và những vị thần biển cùng tham gia vào nghi lễ và lễ hội với các ngư dân và các linh hồn cá ông đã chết.

Vào khoảng 3 giờ chiều, sau khi đám rước đã xong, một buổi lễ tương tự như mô tả ở thôn 1 được tổ chức tại miếu Ông Ngư. Một gian lều được dựng lên cạnh ngôi miếu, những người bán rong và các nhà buôn địa phương ngay lập tức đã thiết lập các quầy hàng giải khát tại khu vực này. Phần trình diễn hát bội bắt đầu lúc 10 giờ và hàng ngàn người đã tụ tập để ăn uống, đánh bài và vui chơi giải trí cho đến 4 giờ sáng hôm sau. Lúc 10 giờ sáng ngày 22 mọi người lại tập trung và xem hát cho đến 6 giờ

chiều. Chủ đề các vở tuồng đề cập đến các câu chuyện cổ tích, các truyền thuyết và những vị anh hùng dân tộc.

Mặc dù trưởng Vạn là nhân vật chính trong việc tổ chức và tiến hành các lễ lệ và lễ hội, nhưng các thành viên Vạn mỗi năm bầu ra một chủ tế và hai phân hiến. Chủ tế phải là một người đàn ông có gia đình được mọi người kính trọng, là người thành thạo về các lễ nghi và có số tuổi tương thích với năm mà ông được bầu chọn. Người không góa vợ hoặc ly dị mới được chấp nhận vì điều này có thể mang sự xui xẻo cho ngư dân. Chủ tế là đại diện của các thành viên Vạn và người dân trong việc "ứng xử" với cá Ông.

Sau khi lễ hội kết thúc, hoạt động đánh bắt xa bờ bắt đầu. Vào cuối mùa đánh bắt, một buổi lễ đơn giản hơn được tổ chức để cảm tạ cá Ông vì đã che chở trong mùa vừa qua và khấn cầu cho một mùa đánh bắt xa bờ thuận lợi ♦



Lễ hội Cầu ngư ở Cẩm Thanh năm 1992
ảnh tư liệu Trung tâm QLBTDSVH Hội An

TIN TỨC - SỰ KIỆN

Hoạt động của Bảo tàng Hội An trong thời gian dừng đón khách tham quan để phòng, chống dịch Covid-19

Thị Tuấn

Thực hiện chỉ đạo của cấp trên trong việc tạm dừng hoạt động đón khách tham quan tại các bảo tàng, di tích để phòng, chống dịch Covid-2019, trong thời gian qua, cán bộ chuyên môn Phòng Bảo tàng thuộc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An tập trung các hoạt động bảo quản hiện vật kho và hiện vật trưng bày.

Đối với Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh, Văn hóa Dân gian, Nghề y Truyền thống, cán bộ nghiệp vụ đã tập trung xử lý phòng ngừa côn trùng xâm hại hiện vật, bổ sung nội dung giới thiệu, étiket hiện vật. Ngoài ra, việc xây dựng kế hoạch nâng cấp tại Bảo tàng Văn hóa Dân gian và Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch cũng được tập trung hoàn thiện. Hai điểm bảo tàng này sẽ nâng cấp không gian trải nghiệm, xây dựng hoạt động tương tác với công chúng để các bảo tàng thực sự thu hút và hấp dẫn du khách khi đến với Hội An nói chung và bảo tàng nói riêng.

Ngoài những hoạt động chuyên môn hàng ngày tại điểm bảo tàng, di tích, công tác an ninh, an toàn hiện vật cũng được đặt lên hàng đầu. Tất cả các điểm bảo tàng, di tích đều có trực bảo vệ 24/24 và hệ thống camera được bố trí tất cả các điểm hỗ trợ công tác bảo vệ hiện vật.

Với sự quan tâm của lãnh đạo Trung tâm cùng với sự nỗ lực của cán bộ chuyên môn, thời gian đến các bảo tàng chuyên đề ở Hội An sẽ có nhiều thay đổi để đáp ứng thị hiếu của du khách trong và ngoài nước ♦

Thông nhất chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng trong Khu phố cổ

Phước Tịnh

Vừa qua, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hội An đã có Văn bản số 39/HĐND-TTHĐ ngày 8/4/2020 thống nhất chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng trong Khu phố cổ (*mương, vỉa hè đường Lê Lợi, Hai Bà Trưng*). Theo nội dung văn bản trên, về quy mô đầu tư của dự án gồm: Đầu tư xây dựng mới hệ thống mương thoát nước và nâng cấp hạng mục bó vỉa, vỉa hè, hồ trồng cây nhằm đồng nhất toàn tuyến thuộc nội thị thành phố Hội An gồm tuyến đường Lê Lợi (*dài khoảng 140m*) và tuyến đường Hai Bà Trưng (*dài khoảng 150m, đoạn từ đường Phan Châu Trinh đến đường Trần Phú*).

Tổng mức đầu tư dự án là 2.400.000.000đ, nguồn ngân sách thành phố từ khai thác quỹ đất bố trí theo kế hoạch năm 2020, thời gian thực hiện trong 2 năm (2020-2021). Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An được giao làm chủ đầu tư dự án ♦

**Họp thống nhất đề xuất
danh sách xét tặng danh hiệu Nghệ
nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn
hóa phi vật thể ở Hội An năm 2020**

Lê Xuân

Vào sáng 28/4/2020, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức cuộc họp để rà soát, thống nhất đề xuất danh sách các cá nhân có đủ các tiêu chuẩn để đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thành phố năm 2020 theo Hướng dẫn số 16/SVHTTDL-QLVH, ngày 09/01/2020 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam về việc xét tặng danh hiệu “*Nghệ nhân nhân dân*”, “*Nghệ nhân ưu tú*” trong lĩnh vực văn hóa phi vật thể.

Qua cuộc họp, đại diện ban ngành liên quan và các địa phương trên địa bàn thành phố Hội An đã thống nhất đề xuất danh sách gồm 07 cá nhân thuộc lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể như: trình diễn dân gian hát tuồng; hô hát bài chòi; tri thức dân gian về nghề đắp vôi; nghề làm gốm; nghề làm nhà tranh tre dừa; nghề may; nghề làm đầu lân, sư tử, rồng, thiên cẩu.

Hiện nay, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đang xúc tiến các thủ tục để lập hồ sơ trình các cấp thẩm quyền xem xét, quyết định ♦

**Bàn giao mặt bằng thi công tu bổ
di tích khu mộ tộc Đinh tại khối Bàu
Đưng, phường Thanh Hà**

Nguyễn Cường

Sáng ngày 5/5/2020, tại di tích khu mộ tộc Đinh ở khối Bàu Đưng, phường Thanh Hà, thành phố Hội An, Trung tâm



Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với các ban ngành của thành phố, UBND phường Thanh Hà, chủ di tích và đơn vị thi công tổ chức bàn giao mặt bằng thi công tu bổ di tích này.

Khu mộ gồm có mộ vợ chồng ông Đinh Tự Hiên, mộ ông Đinh Văn Tư, mộ bà Trần Nhu Tôn và mộ bà Đinh Thị Năm đều nằm trong danh mục di tích lịch sử - văn hóa được bảo vệ của thành phố. Đặc trưng kiến trúc các ngôi mộ mang đậm phong cách kiến trúc Pháp, trong đó mộ vợ chồng ông Đinh Tự Hiên là một công trình kiến trúc nghệ thuật quy mô và rất đặc sắc với nhiều chi tiết trang trí phong phú, cầu kỳ, được xem là một trong những ngôi mộ cổ đẹp nhất hiện còn ở Hội An.

Trải qua thời gian, khu mộ bị xuống cấp lớn. Nhằm mục tiêu bảo tồn giá trị của di tích, UBND thành phố Hội An đã có chủ trương hỗ trợ từ nguồn ngân sách thành phố theo Cơ chế hỗ trợ kinh phí đầu tư tu bổ các di tích trên địa bàn thành phố Hội An nằm ngoài khu vực Phố cổ ban hành tại Quyết định số 17/2010/QĐ-UBND ngày 27/7/2010 cùng với kinh phí của tộc Đinh để tiến hành tu bổ di tích với tổng dự toán được duyệt là 541.346.000đ, trong đó ngân sách hỗ trợ của thành phố là 60%. Công trình do chủ di tích làm chủ đầu tư, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An làm quản lý dự án, thi công là Công ty

TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thanh Phú. Nội dung đầu tư gồm tu bổ, phục hồi các hạng mục và chi tiết bị xuống cấp như trụ biểu, nhà bia, tường rào, bình phong hậu, cửa đi, câu đối, các chi tiết trang trí, đồng thời quét vôi hoàn thiện công trình. Thời gian thi công là 90 ngày♦

Thông nhất chủ trương bảo tồn, tôn tạo 2 lô cốt tại công viên Hội An

Nguyễn Cường



Ngày 13/5/2020, UBND thành phố có công văn số 1713/UBND về việc thống nhất chủ trương giữ lại, lập phương án tôn tạo đối với 2 lô cốt trong khuôn viên đang thực hiện dự án xây dựng công viên Hội An.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, khu vực 2 lô cốt này từng là căn cứ của tiểu đoàn 102 công binh nguy. Kết cấu kiến trúc lô cốt khá kiên cố nhưng qua thời gian, chỉ còn lô cốt phía Đông cạnh đường Trần Hưng Đạo là còn khá nguyên vẹn, lô cốt phía Tây bị hư hỏng nhiều. Hiện nay, 2 lô cốt này nằm trong hệ thống công trình phòng thủ của thành phố.

Xem xét tính chất quan trọng về mặt đảm bảo quốc phòng an ninh và có giá trị về lịch sử, UBND thành phố đã

thống nhất giao Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với Ban Chỉ huy quân sự thành phố và các ngành liên quan nghiên cứu lập phương án tôn tạo 2 lô cốt này, báo cáo UBND thành phố xem xét trước khi triển khai thực hiện. Dự kiến khi 2 lô cốt này được đầu tư tôn tạo sẽ góp phần vào việc giáo dục lịch sử địa phương, tạo thêm điểm nhấn về kiến trúc cảnh quan của công trình công viên Hội An♦

Hoạt động trải nghiệm tại các bảo tàng ở Hội An

Cẩm Giang

Năm 2020, Hiệp hội Bảo tàng Quốc tế (ICOM) khuyến khích các bảo tàng hướng đến hoạt động với chủ đề "*Bảo tàng vì sự bình đẳng: Đa dạng và Hòa nhập*". Với chủ đề này, ICOM mong muốn truyền cảm hứng cho các bảo tàng cùng tham gia để tạo sự kết nối chung cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

Hưởng ứng hoạt động này, bắt đầu từ tháng 6/2020, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức chuỗi hoạt động trải nghiệm với du khách tại hệ thống các bảo tàng do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An quản lý. Tại Bảo tàng Văn hóa Dân gian (số 33 - Nguyễn Thái Học) là hoạt động đập tranh giấy dó, làm bánh in và nước trà lá lao; Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch (số 80 - Trần Phú) tổ chức hoạt động chuốt gốm và vẽ tranh trên gốm; hoạt động bắt mạch, ngâm chân bằng thảo dược sẽ được tổ chức tại Bảo tàng Nghề y truyền thống Hội An (số 46 - Nguyễn Thái Học).

Thông qua những hoạt động này, Trung tâm hy vọng du khách sẽ có cơ hội tìm hiểu, khám phá thú vị về các di sản văn hóa truyền thống của Hội An, qua đó góp phần thu hút du khách đến tham quan các bảo tàng sau thời gian giãn cách xã hội do ảnh hưởng của dịch Covid - 19 ♦

Tham vấn cộng đồng về lịch sử văn hoá làng Hội An và đình Ông Voi

Phước Tịnh

Nằm trong kế hoạch “Điều tra, khảo sát, lập phương án phát huy giá trị di tích đình Ông Voi gắn với lịch sử - văn hóa làng Hội An”, vào sáng ngày 28/5/2020, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An tổ chức tham vấn cộng đồng lịch sử - văn hoá làng Hội An và đình Ông Voi.

Tham dự buổi gặp mặt có lãnh đạo Trung tâm, các cán bộ chuyên môn của cơ quan, đặc biệt là sự tham dự của các bậc cao niên am hiểu về lịch sử - văn hoá làng Hội An nói chung, đình Ông Voi nói riêng. Buổi tham vấn diễn ra trong không khí trao đổi cởi mở, nhiều thông tin có giá trị về lịch sử - văn hoá làng Hội An và đình Ông Voi được các bậc cao niên cung cấp như thông tin về các di tích, tộc họ của làng Hội An xưa, tên gọi đình Ông Voi, các sự kiện diễn ra tại đình; các lần tu bổ, sửa chữa; hệ thống thờ tự trong đình, các sinh hoạt văn hoá, tín ngưỡng diễn ra tại đình...

Những thông tin từ buổi tham vấn, Trung tâm sẽ tập hợp, xử lý và qua đó sẽ lựa chọn những nội dung để tiếp tục khảo sát, phỏng vấn sâu nhằm làm sáng tỏ hơn những vấn đề về lịch sử - văn hoá làng Hội An và đình Ông Voi, phục vụ hiệu quả công tác tu bổ và phát huy giá trị di tích đình Ông Voi trong thời gian đến ♦

Thực hiện công tác tư liệu về cảnh quan sinh thái - văn hóa sông Cổ Cò

Hồng Việt

Sông Cổ Cò (Lộ Cảnh giang) nối liền Cửa Hàn - Đà Nẵng với Cửa Đại - Hội An, từng giữ vai trò quan trọng đối với quá trình hình thành và phát triển của đô thị thương cảng Hội An trong lịch sử. Dòng sông này đã được ghi chép, mô tả trong nhiều tư liệu lịch sử như địa bạ, bản đồ, du ký, biên khảo...

Nhằm tạo cơ sở dữ liệu nghiên cứu cũng như nhận diện thực trạng và những giá trị về mặt lịch sử, cảnh quan sinh thái - văn hóa khu vực sông Cổ Cò phục vụ công tác nghiên cứu, đối sánh những biến đổi về cảnh quan, quá trình đô thị hóa, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An xây dựng kế hoạch thực hiện công tác tư liệu về dòng sông này. Công việc dự kiến triển khai từ đầu tháng 6/2020 với nội dung chủ yếu chụp hình, quay phim, ghi chép những di tích, cảnh quan sinh thái, các khu dân cư khu vực hai bên bờ sông. Ngoài ra, những nguồn tư liệu thành văn, nhất là tư liệu Hán Nôm và các sơ đồ, bản đồ, ảnh chụp... cũng sẽ được sưu tầm tập hợp trong quá trình thực hiện ♦

Thông qua thuyết minh đề tài “Khảo sát, nghiên cứu tri thức dân gian ở Hội An về phòng, chữa bệnh”

Phước Tịnh

Vào chiều ngày 5/6/2020, tại Hội trường Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An, Hội đồng Khoa học của Trung tâm đã tổ chức xét duyệt thông qua thuyết minh đề tài “Khảo sát, nghiên cứu tri thức dân gian ở Hội An về phòng, chữa bệnh”. Đề tài do CN. Nguyễn Trần Cẩm Giang - Phó trưởng



Phòng Bảo tàng thuộc Trung tâm làm chủ nhiệm đề tài. Mục tiêu của đề tài là sưu tầm, tập hợp, nhận diện các tri thức dân gian về phòng, chữa bệnh ở Hội An; Tạo cơ sở dữ liệu lưu trữ phục vụ công tác nghiên cứu, đề xuất các biện pháp bảo tồn, phát huy các tri thức dân gian này; đồng thời kết quả sưu tầm, nghiên cứu sẽ bổ sung trưng bày, làm phong phú hơn tại Bảo tàng nghề y truyền thống Hội An.

Kết quả phiên họp, Hội đồng Khoa học Trung tâm đã thống nhất thông qua thuyết minh đề tài, đồng thời đề nghị chủ nhiệm đề tài chỉnh sửa, bổ sung những ý kiến đóng góp của hội đồng, hoàn thiện thuyết minh để phê duyệt và triển khai thực hiện.

Đề tài “*Khảo sát, nghiên cứu tri thức dân gian ở Hội An về phòng, chữa bệnh*” hoàn thành sẽ cung cấp những thông tin khoa học có giá trị về các tri thức dân gian phòng, chữa bệnh ở Hội An, qua đó góp phần bảo tồn và phát huy có hiệu quả các tri thức này trong thời gian đến ♦

Tiếp và làm việc với đoàn Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam

Diệu Châu

Vào chiều ngày 08/6/2020, tại Hội trường Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An, ông Võ Đăng



Phong - Phó Giám đốc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An và ông Nguyễn Phương Đông - Phó Giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình Hội An đã có buổi đón tiếp và làm việc với ông MATSUDA Yuuki - Bí thư thứ hai, Ban Báo chí và Văn hóa, Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam.

Tại buổi làm việc, trao đổi về công tác bảo tồn và trùng tu Chùa Cầu, ông Võ Đăng Phong đã cảm ơn chính phủ Nhật Bản đã luôn dành sự quan tâm sâu sắc đến di tích Chùa Cầu, di tích mang giá trị văn hóa và giá trị lịch sử về mối quan hệ giữa Nhật Bản với Việt Nam nói chung và Hội An nói riêng. Hiện nay, Trung tâm đã phối hợp với Viện Thiết kế Tu bổ Trung ương tư vấn về tu bổ kết cấu gỗ của Chùa Cầu. Trong thời gian đến, Trung tâm sẽ tiếp nhận thông tin và lấy ý kiến của các chuyên gia Tỉnh, Trung ương để có giải pháp tốt nhất, hợp lý để giữ nguyên giá trị của di tích khi tu bổ. Trung tâm cũng cảm ơn các cá nhân, tổ chức Nhật Bản đã quan tâm, yêu mến, ủng hộ Hội An trong thời gian qua đồng thời mong sẽ nhận được nhiều hơn nữa sự giúp đỡ, tư vấn kỹ thuật từ phía bạn.

Về việc tổ chức sự kiện “Giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản” lần thứ 18 -

2020, ông Nguyễn Phương Đông cho biết nếu được UBND tỉnh Quảng Nam chấp thuận thì sự kiện sẽ diễn ra vào cuối tháng 8, đối tượng tham gia là người dân địa phương Hội An, người Nhật đang sống và làm việc ở Việt Nam. Ông Đông cũng đã nêu một số dự kiến tổ chức sự kiện “Giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản” lần thứ 21 - 2023 với dấu mốc quan trọng kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản (21/9/1973 - 21/9/2023). Ngoài ra, ông Đông cũng cho biết ngôi nhà Văn hóa Nhật Bản tại số 6 Nguyễn Thị Minh Khai nằm trong Không gian Văn hóa Việt Nam - Nhật Bản dự kiến cuối năm sẽ đưa vào hoạt động nhằm tổ chức các hoạt động trưng bày, triển lãm, chiếu phim, chiếu clip các sự kiện giao lưu, không gian đọc, trà đạo...

Kết thúc buổi làm việc, các bên đã thống nhất những nội dung làm việc và chúc cho mối quan hệ Hội An, Nhật Bản sẽ ngày càng gắn kết và thắt chặt hơn tình hữu nghị giữa hai nước Việt Nam - Nhật Bản trong thời gian đến.

Hỗ trợ kinh phí sửa chữa, cải tạo di tích lịch sử cách mạng nhà ông Nguyễn Nhựt, xã Cẩm Kim

Phước Tịnh

Vào ngày 9/6/2020, UBND thành phố Hội An đã ban hành Quyết định số 675/QĐ-UBND về việc hỗ trợ kinh phí sửa chữa, cải tạo di tích lịch sử cách mạng nhà ông Nguyễn Nhựt, xã Cẩm Kim. Di tích lịch sử nhà ông Nguyễn Nhựt là nơi diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã Hội An lần thứ V vào các ngày 28-29/5/1968. Đây là Đại hội đầu tiên được tổ chức ngay trên địa bàn Hội An.

Theo quyết định trên, di tích lịch sử cách mạng nhà ông Nguyễn Nhựt được hỗ trợ 60% kinh phí sửa chữa sân nền và phần móng bảo vệ di tích xung quanh. Kinh phí hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách thành phố bố trí trùng tu di tích hàng năm.

Việc hỗ trợ kinh phí sửa chữa, cải tạo di tích lịch sử cách mạng nhà ông Nguyễn Nhựt góp phần bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử cách mạng nói riêng và di sản văn hoá Hội An nói chung.

Tham vấn cộng đồng nghề trồng rau Trà Quế xã Cẩm Hà - Hội An

Ngọc Hương



Nằm trong chương trình lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể đề nghị đưa vào danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia năm 2020, sáng ngày 11/6, tại nhà sinh hoạt văn hóa thôn Trà Quế - xã Cẩm Hà, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An đã phối hợp với địa phương đã tổ chức tham vấn cộng đồng về nghề trồng rau Trà Quế. Tham dự buổi tham vấn có đại diện địa phương, cán bộ Trung tâm và hơn 30 người dân có thâm niên, kinh nghiệm trong nghề trồng rau. Buổi tham vấn diễn ra trong không khí trao đổi cởi mở, các bậc cao niên làm nghề đã cung cấp nhiều thông

tin liên quan đến lịch sử, văn hoá của nghề từ sản phẩm, công cụ sản xuất đến kinh nghiệm sản xuất, tục lệ, kiêng cử trong quá trình hành nghề và các nghề nhân liên quan đến nghề.

Những thông tin từ buổi tham vấn, Trung tâm sẽ tập hợp, xử lý và tiếp tục khảo sát, phỏng vấn sâu để bổ sung thông tin liên quan đến nghề trồng rau phục vụ cho công tác lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể nghề trồng rau Trà Quế để trình các cấp xem xét đưa vào danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia trong thời gian đến ♦

Triển khai dạy thử nghiệm bộ tài liệu “Giáo dục di sản trong học đường” tại Trường Tiểu học Phù Đồng

Trang Thi

Trong hai ngày 16, 17 tháng 6, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với Trường Tiểu học Phù Đồng - Hội An tổ chức dạy thử nghiệm bộ tài liệu “Giáo dục di sản trong học đường” cho các em học sinh lớp 1/2, 2/2, 3/3, 4/1, 5/3. Nội dung trong chương trình dạy gồm các chủ đề liên quan đến lịch sử - văn hóa Hội An như đình, hội quán, múa Thiên cẩu, nhà thờ tộc, làng nghề truyền thống.

Trong buổi học, các cô giáo phối hợp với cán bộ chuyên môn của Trung tâm thông tin về nội dung các chủ đề, chiếu video về di sản, tổ chức những hoạt động tương tác, trải nghiệm qua những trò chơi gắn kết giữa nội dung di sản và kiến thức các em được học tại trường.

Thông qua các buổi học tại lớp, các em học sinh sẽ hiểu, nắm bắt được kiến

thức cơ bản về di sản văn hóa Hội An qua đó hình thành và nâng cao ý thức trách nhiệm của học sinh nói riêng, thế hệ trẻ Hội An nói chung đối với công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An ♦

Tham vấn cộng đồng Lễ hội Tết Nguyên tiêu ở Hội An

Lệ Xuân



Vào ngày 13/3/2020, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam có văn bản số 246/SVHTTDL-QLVH thống nhất chủ trương lập hồ sơ Di sản văn hóa phi vật thể đề nghị đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia đối với di sản văn hóa phi vật thể lễ hội tết Nguyên tiêu và nghề trồng rau Trà Quế.

Để có dữ liệu lập hồ sơ lễ hội Tết Nguyên tiêu ở Hội An, vào ngày 26/6/2020, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức tham vấn cộng đồng về những nội dung liên quan đến lễ hội theo mẫu phiếu kiểm kê và lý lịch di sản.

Những ý kiến đóng góp quý giá của cộng đồng cư dân tại buổi tham vấn sẽ được Trung tâm tập hợp làm cơ sở định hướng khảo sát chuyên sâu để tạo lập dữ liệu lập hồ sơ ♦

VĂN BẢN PHÁP QUY

TRÍCH GIỚI THIỆU THÔNG TƯ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH

Tổ Lưu trữ - Thông tin

Ngày 31/12/2019, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nguyễn Ngọc Thiện đã ký ba hành Thông tư số 15/2019/TT-VHTTDL quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. Thông tư này gồm 5 chương, 22 điều, có hiệu lực thi hành từ ngày 20/02/2020, thay thế Thông tư số 18/2012/TT-BVHTTDL ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. Trong Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản tập 01 (49) - 2020, Ban Biên soạn đã trích giới nội dung Thông tư từ điều 1 đến hết điều 14, nay xin giới thiệu các điều còn để chúng ta cùng tham khảo.

Chương III THI CÔNG TU BỒ DI TÍCH

Điều 15. Chuẩn bị thi công tu bổ di tích

Chủ đầu tư dự án tu bổ di tích chủ trì, phối hợp với tổ chức thi công tu bổ di tích thực hiện các công việc sau:

1. Thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Văn hóa - Thông tin,

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có di tích về phương án bảo vệ di tích và kế hoạch thực hiện dự án tu bổ di tích, thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.

2. Tổ chức tuyên truyền trong nhân dân địa phương nơi có di tích và đội ngũ nghệ nhân, thợ lành nghề tham gia thi công tu bổ di tích về giá trị, mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi, nội dung dự án tu bổ di tích, thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.

3. Nhận bàn giao mặt bằng thực hiện dự án tu bổ di tích, thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.

4. Tổ chức công trường thi công tu bổ di tích đáp ứng yêu cầu an ninh, an toàn; xây dựng nhà bao che, nhà bảo quản cấu kiện (trong trường hợp phải tháo rời toàn bộ cấu kiện, thành phần kiến trúc di tích); thực hiện phương án bảo vệ hiện vật.

5. Xác định nguyên tắc, quy trình và giải pháp kỹ thuật dự phòng tu bổ cấu kiện, thành phần kiến trúc trong trường hợp phải hạ giải di tích.

6. Chuẩn bị vật liệu, nhân công, phương tiện, thiết bị phục vụ thi công và các công việc liên quan khác.

Điều 16. Thực hiện thi công tu bổ di tích

1. Chủ đầu tư dự án tu bổ di tích thực hiện các công việc sau:

a) Thành lập Hội đồng đánh giá di tích và ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng.

Thành phần Hội đồng gồm chủ đầu tư dự án tu bổ di tích, đại diện các tổ chức lập dự án tu bổ di tích, lập thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích, thi công tu bổ di tích, giám sát thi công tu bổ di tích, đại diện Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, đại diện Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, đại diện tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý di tích và chuyên gia thuộc các lĩnh vực có liên quan.

Hội đồng đánh giá di tích có nhiệm vụ kiểm tra kết quả công việc quy định tại khoản 2 Điều này. Kết quả làm việc của Hội đồng được lập thành biên bản.

b) Điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích (nếu có) theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

c) Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện việc phân loại, lựa chọn cấu kiện, thành phần kiến trúc có giá trị nhưng bị xuống cấp nghiêm trọng không được sử dụng lại để bảo quản, trưng bày tại di tích hoặc tại Bảo tàng cấp tỉnh.

d) Phối hợp với tổ chức thi công tu bổ di tích và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức nghiệm thu, bàn giao, đưa di tích vào sử dụng và thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Tổ chức thi công tu bổ di tích thực hiện các công việc sau:

a) Trường hợp tu bổ tại chỗ hoặc tháo rời một số cấu kiện, thành phần kiến trúc:

- Bao che khu vực cấu kiện, thành phần kiến trúc cần tu bổ bảo đảm an toàn;

- Lập hệ thống ký hiệu các cấu kiện, thành phần kiến trúc trên bản vẽ và đánh

dấu vào cấu kiện, thành phần kiến trúc tương ứng của di tích. Ký hiệu đánh dấu trên cấu kiện, thành phần kiến trúc không được làm ảnh hưởng đến đặc điểm, giá trị của cấu kiện, thành phần kiến trúc, được bảo vệ trong suốt quá trình thi công tu bổ di tích và để loại bỏ sau khi hoàn thành thi công tu bổ di tích. Chụp ảnh, ghi hình sau khi đánh dấu ký hiệu vào cấu kiện, thành phần kiến trúc;

- Phối hợp với chủ đầu tư, tổ chức tư vấn thiết kế, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng xác nhận tình trạng kỹ thuật của cấu kiện, thành phần kiến trúc;

- Thực hiện thi công tu bổ di tích theo nội dung thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích đã được phê duyệt.

b) Trường hợp phải tháo rời toàn bộ cấu kiện, thành phần kiến trúc:

- Xây dựng nhà bao che phục vụ thi công tu bổ di tích, nhà bảo quản cấu kiện, thành phần kiến trúc;

- Lập hệ thống ký hiệu các cấu kiện, thành phần kiến trúc trên bản vẽ và đánh dấu vào cấu kiện, thành phần kiến trúc tương ứng của di tích. Ký hiệu đánh dấu trên cấu kiện, thành phần kiến trúc không được làm ảnh hưởng đến đặc điểm, giá trị của cấu kiện, thành phần kiến trúc, được bảo vệ trong suốt quá trình thi công tu bổ di tích và để loại bỏ sau khi hoàn thành thi công tu bổ di tích. Chụp ảnh, ghi hình sau khi đánh dấu ký hiệu vào cấu kiện, thành phần kiến trúc;

- Hạ giải di tích theo quy định tại Điều 17 Thông tư này;

- Phối hợp với Hội đồng đánh giá di tích nghiên cứu, đánh giá tình trạng kỹ thuật cấu kiện, thành phần kiến trúc và phân loại, lựa chọn cấu kiện, thành phần kiến trúc có giá trị nhưng bị xuống cấp

ng nghiêm trọng không được sử dụng lại để bảo quản, trưng bày tại di tích hoặc tại Bảo tàng cấp tỉnh;

- Thực hiện thi công tu bổ di tích theo nội dung hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích đã được phê duyệt, Biên bản của Hội đồng đánh giá di tích hoặc hồ sơ điều chỉnh, bổ sung thiết kế tu bổ di tích đã được phê duyệt.

3. Việc thi công bảo quản hiện vật thực hiện theo quy định tại điểm a (trong trường hợp cần thiết), điểm b, d khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 17. Hạ giải di tích

1. Việc hạ giải di tích chỉ được tiến hành khi hiện vật nội thất đã được di dời hoặc bao che tại chỗ bảo đảm an ninh, an toàn.

2. Trước khi hạ giải, các cấu kiện, thành phần kiến trúc phải được chụp ảnh, ghi hình, đánh dấu theo hệ thống ký hiệu đã lập trên bản vẽ; có phương án hạ giải và vị trí tập kết trong nhà bảo quản.

3. Trong khi hạ giải, các cấu kiện, thành phần kiến trúc phải được bảo vệ an toàn, gia cố tạm thời đối với vị trí có nguy cơ bị phá hủy và xác định phương án vận chuyển thích hợp.

4. Sau khi hạ giải, các cấu kiện, thành phần kiến trúc phải được làm sạch sơ bộ và phân loại, sắp xếp trong nhà bảo quản.

5. Quá trình hạ giải phải được lập thành hồ sơ (bản viết, bản ảnh, ghi hình), là một thành phần của Nhật ký công trình quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư này.

Điều 18. Nhật ký công trình và Hồ sơ hoàn công

1. Việc lập Nhật ký công trình và Hồ sơ hoàn công được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này.

2. Nhật ký công trình bao gồm:

a) Hồ sơ viết ghi chép toàn bộ quá trình thi công tu bổ di tích và những phát sinh, phát hiện mới về di tích trong quá trình thi công tu bổ di tích;

b) Hồ sơ ảnh, ghi hình di tích trong suốt quá trình thi công tu bổ di tích. Ảnh in màu, kích thước 10 x 15 cm trở lên;

c) Hồ sơ bản vẽ các phát hiện mới về di tích và vị trí, chi tiết các cấu kiện, thành phần kiến trúc được bảo quản, tu bổ hoặc phục chế.

3. Hồ sơ hoàn công bao gồm:

a) Hồ sơ ảnh di tích sau khi hoàn thành thi công tu bổ di tích;

b) Hồ sơ bản vẽ sau khi hoàn thành thi công tu bổ di tích.

4. Nhật ký công trình và Hồ sơ hoàn công phải được gửi đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xây dựng và Cục Di sản văn hóa (đối với di tích quốc gia đặc biệt và di tích quốc gia), trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày bàn giao, đưa công trình vào sử dụng.

Chương IV TU SỬA CẤP THIẾT, BẢO QUẢN ĐỊNH KỲ DI TÍCH HOẶC ĐỔI TƯỢNG KIỂM KÊ DI TÍCH

Điều 19. Hồ sơ tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích hoặc đổi tượng kiểm kê di tích

Hồ sơ tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích hoặc đổi tượng kiểm kê di tích bao gồm:

1. Thuyết minh lý do tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ, nêu rõ tình trạng

kỹ thuật và các nguy cơ gây xuống cấp, sập đổ, hủy hoại di tích hoặc đối tượng kiểm kê di tích; đề xuất phương án tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ.

2. Ảnh in màu, kích thước 10 x 15 cm trở lên, mô tả hiện trạng xuống cấp của di tích hoặc đối tượng kiểm kê di tích tại thời điểm lập hồ sơ.

3. Bản vẽ phương án tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ.

4. Khái toán chi phí tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ.

Điều 20. Thực hiện tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích hoặc đối tượng kiểm kê di tích

1. Việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích hoặc đối tượng kiểm kê di tích thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với hồ sơ tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích hoặc đối tượng kiểm kê di tích trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị.

3. Việc thực hiện tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích hoặc đối tượng kiểm kê di tích có sự tham gia của tổ chức hoặc cá nhân có đủ điều kiện hành nghề thi công tu bổ di tích, có sự giám sát của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, đại diện tổ chức được giao quản lý, sử dụng di tích hoặc đối tượng kiểm kê di tích và đại diện Ban Giám sát đầu tư cộng đồng.

4. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ khi hoàn thành việc tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ, Giám đốc Sở Văn hóa,

Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về nội dung và kết quả tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ; đối với di tích quốc gia đặc biệt và di tích quốc gia, phải báo cáo bằng văn bản về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Cục Di sản văn hóa có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Cơ quan thanh tra văn hóa, thể thao và du lịch tiến hành thanh tra, xử lý theo thẩm quyền đối với tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2020.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 18/2012/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

3. Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không phải trình duyệt lại; các nội dung công việc tiếp theo thực hiện theo quy định tại Thông tư này ♦

MỘC BẢN CHÙA VĨNH NGHIÊM TÁC PHẨM MỸ THUẬT KHẮC GỖ ĐỘC ĐÁO

BQL Di tích lịch sử văn hóa huyện Yên Dũng

Ngoài những nét kiến trúc độc đáo, chùa Vĩnh Nghiêm còn lưu trữ 3.050 mộc bản có giá trị trên nhiều lĩnh vực.

Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm nhìn từ góc độ mỹ thuật truyền thống như một tác phẩm mỹ thuật đồ họa khắc gỗ độc lập chứ không đơn thuần như một bản san khắc chữ khô khan theo cách thức thủ công khi phương tiện khoa học kỹ thuật thời bấy giờ chưa phát triển làm phương tiện để truyền bá Phật pháp bằng văn bản tới nhiều người.

Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm có 3.050 ván khắc rời với 34 đầu sách, đa số là mộc bản của bộ Đại phương quảng Phật, Hoa Nghiêm kinh (có trên 2.800 bản), còn lại là mộc bản của 8 bộ kinh, sách, luật giới khác như: A Di Đà kinh, Tỳ khâu ni giới kinh, Sa di ni giới kinh,

Yên Tử nhật trình, Thiên tông bản hạnh,... Ngoài các mộc bản kinh, sách, luật thì còn có vài chục bản là sớ, điệp và lịch pháp xem ngày giờ tốt xấu trong năm được chế tác thành nhiều đợt trong khoảng thời

gian từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX. Đây là bộ mộc bản duy nhất của Thiền phái Trúc Lâm còn lưu giữ được, là hiện vật minh chứng chùa Vĩnh Nghiêm từng thống lĩnh 72 chốn tùng lâm với hàng trăm ngôi chùa, hàng triệu tăng, ni, Phật tử.

Các mộc bản được làm bằng gỗ thị là loại cây được trồng nhiều ở chùa Vĩnh Nghiêm và quanh vùng. Cây thị là loài cây bản địa, gỗ màu trắng, thớ gỗ mịn, độ bền cao, ít cong vênh, ít bị nứt vỡ và thường được sử dụng làm nguyên liệu trong nghề khắc mộc bản ở Việt Nam và một số nước sử dụng văn tự khối vuông ở phương Đông như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc. Trước khi san khắc, gỗ thị còn được luộc kỹ và xử lý kỹ thuật để chống co giãn nên thích nghi được với thời tiết miền Bắc khá khắc nghiệt. Đó là lý do khiến cho hàng trăm năm nay, các mộc bản còn lại tại

chùa Vĩnh Nghiêm cho đến tận bây giờ vẫn còn nguyên vẹn hình khối với nghệ thuật chạm khắc tinh vi, độc đáo.

Kích thước mộc bản ở chùa Vĩnh Nghiêm không đồng đều, tùy theo từng bộ kinh/sách mà có kích thước khác nhau. Bản khắc lớn nhất là các loại số điệp chiều dài 100cm, rộng 40-50cm, bản nhỏ nhất chỉ khoảng 15x20cm nhưng phần lớn mộc bản bộ kinh Hoa Nghiêm (hơn 2800 bản) có kích cỡ 33x23x2.5cm. Nhiều bộ ván in được chạm khắc cầu kỳ những hoa văn và họa tiết thể hiện triết lý của đạo Phật và nằm trong bộ ván in sách được khắc sớm, đẹp nhất trong các bộ mộc bản ở nước ta.

Do đã qua nhiều lần in ấn nên các ván in đều ngả màu đen bóng, bề mặt phủ một lớp dầu mực in khá dày. Lớp dầu mực thấm vào gỗ có tác dụng chống thấm nước, ẩm mốc, mối mọt. Vì trong mực in ấy có trộn nẫu với keo da trâu. Loại keo này mùi rất khó chịu, lại có dầu nên mỗi mọt khó lòng mà gặm nhấm được. Hơn nữa vì ván in kinh sách lại là ván làm bằng gỗ thị. Loại gỗ này ít cong vênh, không mối mọt, chịu nước, chịu ẩm, đó là một ưu thế cho việc bảo quản ván. Mặt khác để chống cong vênh,

người xưa đã cho xẻ một đường dọc theo hai đầu ván, bằng $\frac{1}{2}$ que đóm hút thuốc Lào rồi găm cột tre già vào đó. Biện pháp chống cong vênh này rất hữu hiệu. Theo tương truyền và một số tài liệu ghi chép xưa, chùa Vĩnh Nghiêm đã phải xây dựng mười gian nhà để chứa toàn bộ hơn ba nghìn bộ ván in.

Chữ khắc trên mộc bản đều bằng chữ Hán cổ và chữ Nôm, số ít khắc xen cài chữ Phạn. Chữ được khắc ngược trên hai mặt của mỗi ván gỗ (*số ít khắc một mặt*) với độ sâu từ 1 - 1,5mm. Kỹ thuật khắc chữ và hình ảnh trang trí trên mỗi tấm ván được thực hiện đúng theo quy chuẩn in của Việt Nam. Mỗi trang sách in ra sẽ có biên lan (*khung viền lề sách*), bản tâm (vị trí khắc tiêu đề sách), ngư vĩ (*gáy sách*). Đặc biệt, ở ván khắc tương ứng với trang đầu hay trang cuối của mỗi cuốn sách, thường có lạc khoản cho biết thời gian san khắc, người san khắc và địa điểm lưu trữ.

Trong những bản khắc bằng chữ



Nôm, chữ Hán trên gỗ thị đó có hàm chứa tư tưởng, giáo lý của Phật phái Trúc Lâm, mà cốt lõi là sự giác ngộ của các cao tăng hướng tới việc từ bỏ cách tu hành dựa vào mê tín, thần bí, siêu nhiên và đề cao lòng lạc quan với cuộc sống thực, sống thuận theo quy luật của tạo hóa. Điều này khác biệt với đạo Phật mà Việt Nam đã tôn thờ trước đó vốn được du nhập từ Ấn Độ và Trung Quốc. Nói cách khác, tư tưởng của Thiền phái Trúc Lâm đánh dấu quá trình Việt Nam hóa Phật giáo của Ấn Độ và Trung Quốc. Nhờ vậy, tư tưởng Phật giáo nhập thể thâm nhập sâu sắc vào dân gian Việt Nam, gắn bó với dân tộc kể cả lúc binh đao loạn lạc hay trong thời thái bình an hòa.

Mộc bản còn là nơi lưu giữ bền vững các tác phẩm văn học Thiền tông có giá trị. Trong mộc bản sách Thiền tông bản hạnh ta thấy có các tác phẩm: Cư trần lạc đạo phú (*Ở trần thế vui với đạo*) viết theo thể phú, Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca (*Bài ca về được thú vui rừng suối mà thành đạo*) của Trần Nhân Tông; Vịnh Hoa Yên tự phú (*Vịnh cảnh chùa Hoa Yên*) của Thiền sư Huyền Quang; Du Yên Tử sơn nhật trình (*Nhật trình đi chơi núi Yên Tử*) của Bạch Liên tiểu sĩ; Thiền tịch phú (*Bài phú về chốn thiền tịch*), Yên Tử sơn Trúc Lâm Trần triều Thiền tông bản hạnh (*Bài hạnh kể về sự tích dòng Thiền phái Trúc Lâm triều Trần ở núi Yên Tử*) của Thiền sư Chân Nguyên; Giáo tử phú (*Bài phú về việc dạy bảo con cái*) của Trạng nguyên Mạc Đĩnh

Chi. Đến Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương... thì thơ viết bằng chữ Nôm đã đóng góp vào nền văn học những giá trị to lớn. Cho đến hôm nay, Truyện Kiều viết bằng chữ Nôm của Nguyễn Du vẫn là đỉnh cao nhất của thi ca đất Việt. Vượt qua hàng trăm năm, không ít những câu thơ viết bằng chữ Nôm còn lấp lánh, chấp chới đến mai sau.

Mộc bản chữ Nôm ở chùa Vĩnh Nghiêm là di sản tư liệu đánh dấu quá trình phát triển của hệ thống văn tự Nôm qua các thời đại Trần, Lê, Nguyễn..., chuyển từ chỗ chủ yếu sử dụng chữ Hán của Trung Quốc sang coi trọng và chủ động sử dụng chữ Nôm (*chữ viết do người Việt Nam tạo ra để ghi âm tiếng Việt*). Từ chỗ chỉ được sử dụng số ít ở thời kỳ trước đó thì từ đây chữ Nôm bắt đầu hình thành có hệ thống, điển hình là trong trước tác của các cao tăng Thiền phái Trúc lâm khi viết lời thuyết pháp dưới dạng văn vần (*tiện cho việc phổ biến giáo lý nhà Phật vào dân gian*). Những lời thuyết pháp được viết bằng chữ Nôm ấy không phải là dịch trực tiếp từ kinh Phật viết bằng chữ Hán hay chữ Phạn (*một loại chữ Ấn Độ cổ*), mà đó là những tổng kết ngắn gọn dưới dạng thơ hoặc các bài diễn giải tư tưởng Phật học dưới lăng kính của người Việt Nam.

Một điều thú vị khác mang ý nghĩa quốc tế là font chữ Nôm trên mã Unicode (*kí hiệu NomNaTongLight.ttf*) được Hội Bảo tồn di sản chữ Nôm (*The Vietnamese Nôm Preservation*

Foundation, USA) lấy mẫu từ sách Thiền tông bản hạnh là một phần của sưu tập Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm. Chữ Nôm được cài đặt trên máy vi tính được phổ biến trên toàn thế giới cho nên bất cứ ai học tập, nghiên cứu chữ Nôm Việt Nam trên toàn thế giới đều được tiếp cận và sử dụng để tìm hiểu giá trị đặc sắc, phong phú của nền văn hóa Việt Nam trong quá khứ.



Trong bộ sưu tập Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm có sách Kính tín lục ghi chép các phương thuốc cấp cứu, chữa bệnh như An thai thôi sinh phương, Thiền trúc cốt được, Phụ cấp cứu phương... Thời bấy giờ đó là tinh túy về y dược được đúc kết từ kinh nghiệm dân gian. Sách thuốc in ra từ các mộc bản này được truyền bá phổ biến trong thiên hạ, thể hiện lòng nhân từ của đạo Phật, nâng cao trách nhiệm của nhà sư đối với nước, với dân. Đạo nhập vào đời, đời tin vào đạo trong tinh thần cứu nhân độ thế.

Ngắm nhìn bộ sưu tập Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm ta không thể không trầm trồ khâm phục bàn tay khéo léo của thợ khắc trở. Những người khắc gỗ Việt Nam làm nên các mộc bản này phải tinh thông chữ Hán, giỏi chữ Nôm, có đôi tay vàng và đôi mắt ngọc, khéo léo, tinh tường và phải nhẫn nại, cẩn trọng. Mộc bản có nhiều kiểu chữ khác

nhau như chân thư, thảo thư, lệ thư, hành thư..., khi cân đối nghiêm ngặt, khi bay bướm thoáng hoạt, chẳng khác gì các bức thư pháp tài hoa. Nhiều trang mộc bản được các nghệ nhân cò khắc đan xen các bức họa đồ có bố cục rất chặt chẽ, đường nét tinh tế... với sự tài hoa khéo léo của nghệ nhân xưa mỗi mảnh ván xứng đáng là một tác phẩm điêu khắc nghệ thuật để đến hôm nay người đời ngưỡng vọng và có thêm nhiều nguồn tư liệu tìm hiểu nghệ thuật chạm khắc gỗ Việt Nam thời Lê – Nguyễn.

Đa số thợ khắc ván đều đến từ các phường ở Hải Dương, một số ở Bắc Ninh, Bắc Giang. Họ đều được các sư trụ trì tại chùa Vĩnh Nghiêm mời đến làm công và ăn ở tại chùa, trực tiếp thực hiện các công đoạn chế tác mộc bản và cả việc in sách. Phía nhà chùa đứng ra tổ chức hưng công quyên góp gạo, tiền để nuôi và trả công thợ, đồng thời trực tiếp giám sát công việc. Trên những bộ mộc bản ấy còn lưu tên một

số người thợ cả, tiêu biểu là Nguyễn Nhân Minh và Phó Nền là những người trực tiếp san khắc mộc bản những năm 1932 đến 1935.

Giá trị kho mộc bản thể hiện ở các nội dung:

- *Tính xác thực:* Chùa Vĩnh Nghiêm là nơi khắc, in ấn kinh, sách giáo lý Thiền phái Trúc Lâm tại chùa Vĩnh Nghiêm thờ thế kỷ XIII được ghi rõ trong sách chính sử Việt Nam. Ở các ván khắc tương ứng với trang đầu hay trang cuối cho biết chính xác thời gian chế tác, người san khắc, địa điểm lưu giữ, bảo quản của mỗi bộ ván khắc.

- *Tính quý hiếm và độc đáo:* Về mặt tôn giáo, Thiền phái Trúc Lâm do Trần Nhân Tông - Vị hoàng đế đi tu sáng lập là Phật phái riêng biệt đầu tiên của Việt Nam trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc Phật giáo của Ấn Độ và Trung Quốc, vừa phù hợp với đặc trưng của văn hóa Việt Nam vừa khẳng định được bản lĩnh tự chủ trong việc tiếp thu tinh hoa văn hóa nước ngoài. Ngoài ra, mộc bản còn quý hiếm và độc đáo ở các phương diện ngôn ngữ, văn học, y học, phong thủy, mỹ học,...

- *Ý nghĩa quốc tế:* Kinh, sách được in ra từ kho Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm là tư liệu của Thiền phái Trúc Lâm. Tư tưởng, giáo lý hành đạo của Thiền phái Trúc Lâm đã thấm nhuần sâu sắc và ảnh hưởng lan tỏa sâu rộng ra ngoài lãnh thổ Việt Nam. Hiện nay,

tại Việt Nam có hàng nghìn ngôi chùa, thiền viện thuộc Thiền phái Trúc Lâm. Trên thế giới, thiền viện mang đặc trưng tư tưởng của Thiền phái Trúc Lâm cũng phát triển mạnh mẽ và có ảnh hưởng sâu rộng đến Phật tử ở các nước sở tại. Phật tử và nhà tu hành không chỉ là người Việt Nam ở hải ngoại mà còn thu hút đông đảo tăng, ni, Phật tử là người nước sở tại.

Với các giá trị to lớn, tính xác thực, tính quý hiếm độc đáo và ý nghĩa quốc tế, tháng 5-2012, Tổ chức UNESCO đã công nhận Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm là Di sản tư liệu Ký ức Thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Vậy là, sau Mộc bản Triều Nguyễn, Văn bia Văn Miếu - Quốc Tử Giám Hà Nội, Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm là di sản tư liệu thứ ba được thế giới ghi danh. Khác với hai di sản được vinh danh trước được bảo quản tại các trung tâm mang tầm cỡ quốc gia, Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm được lưu trữ tại ngôi chùa nằm ở vùng quê nghèo nhưng gắn với tên tuổi của vị quốc chủ sáng giá, lỗi lạc hàng đầu trong lịch sử Việt Nam: Trần Nhân Tông ♦

Hồng Việt sưu tầm
Nguồn: <http://thegioidisan.vn/>

Nhà xuất bản Đà Nẵng
Số 03 - Đường 30 Tháng 4 - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
ĐT: 0236 3797874 - 3797823 * Fax: 0236 3797875

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc NGUYỄN THÀNH
Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập NGUYỄN KIM HUY
Biên tập: TRẦN VĂN BAN

Thực hiện liên kết xuất bản: **Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An**
ĐC: 10B - Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam

HỘI TÀI

Thực hiện tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản tập này, Ban Biên soạn đã nhận được tin, bài cộng tác của các tác giả: Nguyễn Chí Trung, Nguyễn Đức Minh, Phùng Tấn Đông, Trần Xuân Mẫn, Nguyễn Thị Thu Trang, Tống Quốc Hưng, Trương Hoàng Vinh, Võ Hồng Việt, Nguyễn Cường, Trần Thanh Hoàng Phúc, Trần Phương, Phạm Phước Tịnh, Lê Thị Lưu, Nguyễn Văn Thịnh, Lê Thị Ngọc Hương, Trần Thị Lệ Xuân, Thái Thị Liễu Chi, Đào Thị Diệu Châu, Nguyễn Thị Trang Thi, Nguyễn Trần Cẩm Giang,...

Do khuôn khổ tập Thông tin có hạn nên Ban Biên soạn không thể đăng hết những bài đã nhận. Những bài còn lại Ban Biên soạn sẽ tiếp tục đăng ở số tiếp theo.

Ban Biên soạn xin trân trọng cảm ơn và rất mong tiếp tục nhận được sự cộng tác của quý tác giả.

Bìa 1: Lãng Ông ở bãi biển Cửa Đại - Đồ họa theo ảnh chụp của Vĩnh Tân giữa thế kỷ XX

***Bìa 4: Diễn xướng Bả Trạo trong Lễ hội Cầu ngư ở làng Tiêu Diện
Ảnh tư liệu Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An***

In 300 cuốn, khổ 19 x 27cm, tại Công ty cổ phần In - Phát hành sách và TBTH Quảng Nam
- 260 Hùng Vương, TP. Tam Kỳ. ĐT: 02353.859367. Email: Chebaninqnam@gmail.com.

Số ĐKXB: 3337-2020/CXBIPH/04-99/ĐaN. GPXB số: 921/QĐ-NXBĐaN
do Nhà xuất bản Đà Nẵng cấp ngày: 31/ 8 /2020. Mã số ISBN: 978-604-84-5390-9.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 9/2020.